

NICOLA BULLARD

WALDEN BELLO và KAMAL MALHOTRA

THUẦN DƯỠNG NHỮNG CON HỒ

IMF VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÂU Á

(SÁCH THAM KHẢO)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NICOLA BULLARD
WALDEN BELLO và KAMAL MALHOTRA

**THUẦN DƯỠNG
NHỮNG CON HỒ
IMF VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÂU Á**

(SÁCH THAM KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 1998

Lời Nhà xuất bản

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu và tham khảo về cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đã và đang diễn ra ở châu Á, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **THUẬN DƯỠNG NHỮNG CON HỒ - IMF và cuộc khủng hoảng châu Á** của các tác giả Nicola Bullard, Walden Bello và Kamal Malhotra do hai tổ chức phi chính phủ: Tập trung vào phương Nam toàn cầu và Cơ quan viện trợ công giáo CAFOD xuất bản.

Cuốn sách tập trung phân tích những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khủng hoảng: do vay nợ quá nhiều, xuất khẩu ứ đọng dẫn đến mất thăng bằng trong cơ cấu kinh tế; những thiết chế và quy định của chính phủ không theo kịp với thay đổi nhanh chóng của môi trường bên ngoài; vai trò và trách nhiệm của các thiết chế tài chính quốc tế, đặc biệt là của IMF ... Ngoài ra, cuốn sách còn đưa ra một số khuyến nghị về việc cải tổ IMF để giải quyết tận gốc cuộc khủng hoảng hiện nay.

Cuốn sách được hoàn thành tháng Ba 1998, cho đến nay diễn biến tình hình trong khu vực nhất là ở Indônêsi-a đã có thay đổi, cho nên chúng tôi đã có

Thuần dưỡng những con hổ

những chủ thích nhằm giải thích rõ hơn cho bạn đọc một số vấn đề trong nội dung cuốn sách.

Nhân dịp này xin cảm ơn các tác giả đã cho phép xuất bản cuốn sách này ở Việt Nam; cảm ơn ông Nguyễn Văn Thanh, Phó chủ tịch thường trực Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, đã hiệu đính cuốn sách; và cảm ơn sự cộng tác và giúp đỡ của các tổ chức: Oxfam Solidarité (Bỉ), CIDSE, AFSC, CRS và SCF Anh để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng Sáu năm 1998

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

Lời nói đầu

Thuần dưỡng những con hổ là một đóng góp cho cuộc tranh luận về khủng hoảng kinh tế ở châu Á. Nghiên cứu này đặc biệt chú ý tìm hiểu những hành vi và động cơ của một trong những tác nhân chủ chốt của sự đổ vỡ ở châu Á, đó là Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

Báo cáo này là một công trình hợp tác giữa hai tổ chức phi chính phủ: Tập trung vào phương Nam toàn cầu đặt trụ sở ở Băng cốc và Cơ quan viện trợ công giáo CAFOD, đóng ở London. Nó phản ánh những kinh nghiệm thực tế và những mối quan tâm của các giáo phái, công đoàn và các tổ chức ở cấp cơ sở ngày ngày làm việc với người nghèo ở châu Á.

Thuần dưỡng những con hổ bắt đầu bằng việc mô tả những gì đã thực sự diễn ra ở ba quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất là Thái lan, Indônêsia và Hàn Quốc rồi đi sâu vào tác động của khủng hoảng đối với con người. Các chương trong báo cáo cung cấp tư liệu để phân tích cụ thể vai trò của IMF và vô số những bất cập của thiết chế này từ ngày thành lập đến nay. Báo cáo kết luận bằng việc đưa ra những khuyến nghị cải tổ các thiết chế Bretton Woods và hệ thống tài chính quốc tế.

Việc phê phán các giải pháp do IMF áp đặt không

Thuần dưỡng những con hổ

hệ hàm ý một sự ủng hộ hoàn toàn các mô thức phát triển châu Á. Hệ thống chính trị và kinh tế của các nước này quả là đã mang lại những cải thiện về y tế, giáo dục và mức sống. Nhưng cái giá phải trả là cao vì nó làm sâu sắc thêm sự phân cách giữa giàu và nghèo cùng với sự khai thác (quá mức) môi trường, đánh mất sự kiểm soát của cộng đồng đối với tài nguyên thiên nhiên và sự tăng trưởng không đi kèm với dân chủ kinh tế hoặc mở rộng sự tham gia chính trị (của dân chúng).

Báo cáo này chứng minh IMF không phải là kẻ độc quyền về sự thông thái xã hội hoặc kinh tế (còn lâu). Nếu những nhà thập tự chinh tân tự do của IMF có thể nắm quyền và thăm dò các giải pháp khác thì cuộc khủng hoảng đã có thể tạo cho châu Á một cơ may để tiến tới những cơ hội dân chủ và bền vững thay vì con đường phát triển lụn bại của những năm gần đây. Nếu không được vậy thì người dân bình thường châu Á chỉ có thể nhìn về những thập kỷ 1970 và 1980 như một dĩ vãng hoàng kim. Có thể thực sự như vậy khi nhìn vào bản kết toán bi thảm về những thất bại của “đơn thuốc hồi sinh” năm 1997.

Mục lục

Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Tổng quan	9
IMF và Thái lan	12
IMF và Indônêsi	29
IMF và Hàn Quốc	47
Tác động về xã hội của cuộc khủng hoảng	68
Vai trò của IMF	96
Kết luận	129

Tổng quan

Cuộc khủng hoảng diễn ra ở Thái lan, Indônêsia, Hàn Quốc và phần lớn các nước Đông Nam Á vào nửa phần cuối năm 1997 không chỉ là một cuộc khủng hoảng tài chính châu Á.

- Trên hết đó là một cuộc khủng hoảng của con người. Hàng triệu người đã bị mất việc, nghèo đói tăng lên, tiến bộ xã hội của nhiều thập kỷ đã bị đảo ngược. Điều tồi tệ sẽ đến trong những tháng ngày còn lại của năm 1998, cũng có thể còn xa hơn nữa. Ở Indônêsia, sự tồn tục lâu dài của quốc gia đang bị đặt thành vấn đề trong tình hình kinh tế sụp đổ, các cuộc nổi dậy phản đối và đòi lương thực lan rộng.
- Đây là một cuộc khủng hoảng của toàn cầu hóa, phơi bày sự bất lực của các chính phủ trong việc đối phó với một sự kết hợp giữa tự do hóa mau lẹ giao dịch tư bản và các luồng vốn toàn cầu tuôn vào đất nước. Đặc biệt, mức nợ cao không trả được của tư nhân chứng tỏ thị trường vốn không có khả năng phân bổ nguồn lực một cách có hiệu quả và các chính phủ quốc gia chưa có được một mức độ

Thuần dưỡng những con hổ

cần thiết về minh bạch, sức mạnh tổ chức và quy phạm đi kịp với sự thay đổi mau chóng của môi trường đối ngoại và cũng dễ nhận ra là tự do hóa cao tốc không tương thích với phát triển bền vững và công bằng.

- Đây là một cuộc khủng hoảng của các thiết chế quốc tế, đặc biệt là Quỹ Tiền tệ quốc tế. Những gì IMF đã làm ở châu Á cho đến nay bộc lộ nhiều yếu kém nghiêm trọng. Nó đưa ra những đơn thuốc sai và nguy hiểm về mặt xã hội để chữa trị bệnh tật ở vùng này, vượt quá phạm vi quyền hạn được ghi trong Điều khoản thỏa thuận (về chức năng và nhiệm vụ của IMF) và đã tỏ ra vừa trịch thượng, vừa quá khăng khít với quyền lợi của quốc gia đóng góp chính cho nó là Hoa kỳ. Hậu quả của những thất bại do IMF gây ra làm sâu sắc thêm tác động của khủng hoảng đối với con người và kinh tế vĩ mô.

Để ngăn chặn không cho xảy ra thêm tổn thất, các chính phủ cần phải:

- Tài xác định vai trò được nêu ra từ đầu của IMF là người cho vay có thẩm quyền cao nhất khi xảy ra khủng hoảng cán cân thanh toán.
- Chống lại bất cứ thay đổi nào trong Điều khoản thỏa thuận của IMF, như mở rộng việc chuyển tiền IMF để bao gồm tự do hóa giao dịch tư bản, trong lúc chờ đợi đánh giá lại toàn bộ vai trò và kết quả công việc của IMF.
- Tách hẳn các vấn đề mậu dịch, đầu tư, dân chủ

hóa và quản lý tốt khỏi các điều kiện tài trợ của IMF.

- Thăm dò các cơ chế mới để giải quyết một cách hiệu quả và công bằng khủng hoảng nợ tư nhân và điều chỉnh các luồng vốn quốc tế, đặc biệt là việc vay mượn ngắn hạn, để hạn chế gây ra mất ổn định về kinh tế.

Để ngăn không làm cho cuộc khủng hoảng châu Á thêm sâu và tránh những cuộc khủng hoảng nợ tương tự trong tương lai ở châu Á và mọi nơi khác, các chính phủ châu Âu và châu Á có mặt tại Hội nghị cấp cao London (ASEM II) tháng Tư 1998 cần sử dụng sức nặng lá phiếu ở IMF và ở các nơi khác để ủng hộ các cải cách nói trên.

1. IMF và Thái lan

Một mối quan hệ thoái mái

Cuộc khủng hoảng tài chính của Thái lan ít ra cũng xảy ra đã ba năm trước khi nó được toàn thế giới chú ý qua việc nước này thực tế giảm giá đồng bath (đồng tiền Thái lan) vào ngày 2 tháng Bảy 1997. Thế nhưng không thể nói rằng IMF đã đặc biệt lo lắng tới điều đó. Thật vậy, mới cuối năm 1996, trong khi bày tỏ đôi chút quan ngại về số vốn ồ ạt đổ vào Thái lan, IMF vẫn ca ngợi các nhà chức trách này *"đã thực thi một cách nhất quán và tốt đẹp các chính sách quản lý kinh tế vĩ mô"*.

Sự bình thần của IMF và Ngân hàng Thế giới (WB) khi đề cập Thái lan, thực tế là sự thiếu nhạy cảm trước các dấu hiệu báo động, có thể do nhiều nguyên nhân. Một là, cả IMF và WB đều hết sức mong muốn để cao Thái lan với việc mở cửa cho luồng vốn và mức tăng trưởng cao (cao nhất thế giới trong thời kỳ 1985 - 1995, theo WB), như một mô hình phát triển cho phần còn lại của Thế giới thứ ba. Nói cho cùng thì chính trong hội nghị thường niên IMF - WB tổ chức ở Băng cốc tháng Chín 1991, Thái lan đã được chính thức tôn vinh là "con hổ thứ năm của châu Á".

Nhưng quan trọng hơn có lẽ là việc các nguồn vốn tuần ồ ạt vào Thái lan dưới hình thức đầu tư tài chính và cho vay không phải là do chính phủ thu hút để tài trợ cho sự thâm hụt chi tiêu. Thực tế sự thâm hụt lớn cân cân văng lai đầu những năm 1990 lại trùng hợp với ngân sách thặng dư của chính phủ.

Một số nhà nghiên cứu Ấn độ từ Trường đại học nghiên cứu kinh tế và kế hoạch mang tên Jawaharlal Nehru ở Niu Đêli đã nhận xét: *"Một phần lý do của sự im lặng đó là nhận thức cho rằng một sự thâm hụt thanh toán đối ngoại là có thể chấp nhận được chừng nào nó không phản ánh một sự thâm hụt ngân sách của chính phủ mà đơn giản chỉ là đầu tư tư nhân vượt quá số dư tiết kiệm tư nhân trong nước"*.

Theo quan điểm đó, những quốc gia thâm hụt ngân sách lớn như Ấn độ năm 1991, bị nhận xét là hoang phí mặc dù số nợ nước ngoài của họ thấp hơn Thái lan nhiều.

Số nợ của Thái lan không phải do chính phủ mà do khu vực tư nhân gây ra nên chỉ giản đơn phản ánh *"môi trường thích hợp cho đầu tư tư nhân nước ngoài hơn là một sự hoang phí của công hoặc của tư"*.²

Nói cách khác thị trường được tùy nghi hành động sẽ tạo nên sự cân đối trong giao dịch tư bản giữa các nhà đầu tư và cho vay tư nhân quốc tế với các xí nghiệp và ngân hàng tư nhân trong nước. Vậy thì chớ nên lo lắng.

Trong thực tế, Thái lan đã đi khá xa trên con

Thuần dưỡng những con hổ

dưỡng tự do hóa tài chính toàn bộ mà IMF và WB hối thúc từ cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Từ năm 1990 đến 1994, dưới chính phủ kỷ trị tự do của Anand Panyarachun và chính phủ của Chuan Leek Pai lần thứ nhất, một số biện pháp xóa bỏ điều tiết và mở cửa của hệ thống tài chính đã được tiến hành, bao gồm :

- hủy bỏ mức trần đối với một số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- bớt những hạn chế về quản lý đầu tư tiền tệ của các thiết chế tài chính và các ngân hàng thương mại như thay thế tỷ lệ dự trữ theo yêu cầu đối với các ngân hàng thương mại bằng tỷ lệ trên tiền mặt;
- giảm bớt các quy định ngặt nghèo về đồng vốn và mở rộng lĩnh vực hoạt động của các ngân hàng thương mại và của các thiết chế tài chính;
- hủy bỏ hầu hết sự kiểm soát về ngoại hối;
- thành lập Cơ quan ngân hàng quốc tế Băng cốc (BIBF).³

BIBF có lẽ là bước đi đáng kể nhất của người Thái lan theo hướng tự do hóa tài chính. Đó là một hệ thống trong đó các ngân hàng địa phương và nước ngoài được phép tiến hành các giao dịch vay mượn cả trong nước và ngoài nước. Với giấy phép được BIBF cấp sẽ có quyền nhận tiền gửi bằng ngoại tệ, cho vay bằng ngoại tệ cả cho người thường trú và không thường trú để đầu tư trong nước và ngoài nước. Các khoản cho vay bằng

đôla của BIBF sớm trở thành kênh dẫn phần lớn nguồn vốn nước ngoài vào Băng cốc, lên tới 50 tỷ USD trong vòng ba năm.

Sự tự do hóa của Thái lan chưa trọn vẹn, nhưng IMF chưa hề có một lời phản đối hai yếu tố then chốt khác của chiến lược tài chính kinh tế vĩ mô của Thái lan đó là việc duy trì một tỷ lệ lãi suất cao chừng 400 - 500 điểm cơ sở cao hơn tỷ suất của Mỹ, có lẽ được xem như một sự kích thích cần thiết để thu hút vốn nước ngoài đến Thái lan. Ngoài ra, trong bối cảnh của tăng trưởng nhanh chóng, đó là công thức quen thuộc của IMF để chế ngự lạm phát và phát triển quá nóng.

Đối với việc cố định giá hối đoái 25 bath ăn 1 USD thông qua sự can thiệp của Ngân hàng Thái lan trên thị trường ngoại hối, thì được coi như là một điều kiện cần thiết để các nhà đầu tư hiểu rằng họ có thể yên tâm đổi đôla lấy bath mà không sợ đồng tiền bị mất giá. Hơn nữa, IMF vốn không ưa gì việc thả nổi tỷ giá hối đoái ở các nước đang phát triển vì sợ nó làm cho việc trả nợ nước ngoài không ổn định.

Vì thế, khi nhà cầm quyền Thái lan yêu cầu IMF cứu giúp nền kinh tế nước này vào giữa tháng Bảy 1997 thì đó là để khẳng định một cuộc khủng hoảng đã có một nguyên nhân từ đơn thuốc của IMF (sự tự do hóa giao dịch tư bản) đã dẫn đến một vấn đề mà IMF chưa bao giờ dự kiến hoặc quan tâm tới (vay mượn quá mức của khu vực tư nhân).

Khi Thái lan tiếp cận IMF để nhờ giúp đỡ tiếp sau sụp đổ của đồng bath vào tháng Bảy thì cũng chẳng

Thuận dưỡng những con hổ

khắc ghi một câu thủ đến tìm gặp huấn luyện viên và hỏi một cách bối rối: *"Chẳng biết cơ sự thế nào? Tôi chỉ làm theo lời dạy của thầy mà thôi"*.

Cùng vào thời gian đó, IMF bận rộn viết lại lịch sử, nói rằng chính họ đã cảnh báo người Thái về một cuộc khủng hoảng diễn ra. Việc này đã khiến cho nhà kinh tế học Jeffrey Sachs phải lập tức châm biếm rằng *"IMF đến Thái lan vào tháng Bảy để đưa ra những tuyên bố khoa trương rằng tất cả đều sai trái và một cuộc đại phẫu thuật là cần thiết"*. Trong lúc đó thì vẫn theo Sachs *"mục vẫn còn chưa ráo trong báo cáo thường niên của IMF 1997 đánh giá Thái lan và các nước láng giềng đạt thành tích cao về quản lý kinh tế"*.⁴

Phải mất gần một tháng để hoàn tất thương lượng một thỏa thuận giữa IMF và chính phủ, được công bố vào ngày 20 tháng Tám. Để có được 16,7 tỷ USD - sau đó nâng lên 17,2 tỷ - từ các cam kết đa phương và song phương, nhà cầm quyền Thái lan phải đồng ý với một chương trình ổn định và điều chỉnh cơ cấu gồm hai thành tố then chốt.

Thứ nhất, một chương trình ổn định nhằm cắt thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai thông qua việc duy trì lãi suất cao và đạt được *"một số dư nhỏ chung trong khu vực công cộng vào năm 1998"* thông qua tăng tỷ suất giá trị gia tăng (VAT) lên 10 phần trăm, giảm chi trong một số lĩnh vực, chấm dứt trợ cấp một số phương tiện và sản phẩm dầu lửa và nâng cao hiệu dụng của các xí nghiệp nhà nước bằng cách tư nhân

hóa.⁴

Thứ hai, phải cải tổ cơ cấu của khu vực tài chính. IMF vạch rõ trong một số tuyên bố: *“Trọng điểm của chiến lược là kiên quyết cách ly, đình chỉ và cơ cấu lại các thiết chế không thể đứng vững được, có các bước tức thời để tạo nên sự tin cậy đối với phần còn lại của hệ thống tài chính, đặt ra điều kiện hết sức chặt chẽ cho việc chuyển các nguồn lực của FIDF (Quỹ phát triển thiết chế tài chính) và thực hiện theo từng giai đoạn các cải cách cơ cấu rộng lớn hơn để hồi sức khu vực tài chính”*.⁶

Một phần của cải cách tài chính sẽ là *“đòi hỏi tất cả các thiết chế tài chính còn lại củng cố cơ sở vốn một cách mau lẹ. Điều này bao gồm chính sách khuyến khích sáp nhập và tiếp thêm nguồn vốn nước ngoài”*.⁷

Những bản khoản

Phần chủ yếu của cải cách cơ cấu cả gói là đóng cửa các thiết chế tài chính thua lỗ. Ngay trước khi đồng bath hạ giá, chính phủ của Chavalit đã đình chỉ hoạt động của 16 công ty tài chính, kể cả công ty Finance One, một thời là công ty tài chính đứng đầu quốc gia. Vào thời công bố thỏa thuận nói trên, chính phủ tuyên bố sẽ đình chỉ 42 thiết chế khác, đưa số này lên 58 trong tổng số 92 công ty tài chính của đất nước.

Đây là một việc làm đúng bởi vì các công ty tài chính được mọi người biết là đang phá sản và đã ngốn chừng 17 tỷ bath trợ cấp của FIDF mà phần lớn số tiền này lại được dùng không phải để cơ cấu lại các khoản

Thuần dưỡng những con hổ

cho vay mà là cho vay tiếp và như thế càng thêm khốn đốn.⁸ IMF muốn chính phủ quyết định mau lẹ việc đóng cửa các công ty tài chính không thể cứu vãn được.

Đối với phần ổn định của chương trình, câu hỏi của IMF là: liệu chính phủ có kiên quyết thực hiện thỏa thuận nâng thuế, đặc biệt là với dầu lửa?

Những người khác lại nghi ngờ sự đúng đắn của một chương trình làm cho giảm phát thêm sâu sắc. Trong lúc tăng trưởng đã bị giảm đi vì các doanh nghiệp nợ quá nhiều và giá hàng nhập khẩu tính bằng đồng bath cao vọt, việc cắt giảm mạnh chi tiêu của chính phủ (theo đơn thuốc của IMF) phỏng có ích gì và dựa trên cơ sở khoa học nào? Chi tiêu của chính phủ, đặc biệt về cơ sở hạ tầng, là yếu tố chủ yếu kích thích tăng trưởng năm 1996 vào lúc khu vực tư nhân đánh mất tinh năng động.⁹ Loại bỏ sự kích thích đó giản đơn chỉ là xô đẩy nền kinh tế từ chỗ tốc độ chậm dần đến suy thoái nghiêm trọng.

Những lo ngại này liên quan tới một mối quan tâm rộng lớn hơn là IMF chữa trị cuộc khủng hoảng tài chính Thái lan bằng phương thuốc khắc phục bệnh hoang phí của khu vực công trong lúc hoang phí lại bắt nguồn từ những quá lạm của khu vực tư nhân. Điều cần thiết không phải là có những chính sách khu vực công cộng làm cho khu vực tư nhân tụt xuống theo vòng tròn xoáy ốc mà là một cơ chế phản chu kỳ (suy thoái) để giữ cho nền kinh tế tiếp tục phát triển.

Jeffrey Sachs, người chủ trương quan điểm trên

cho rằng: “Vùng này không cần đến việc cắt giảm ngân sách quá mạnh, siết chặt tín dụng và đóng cửa khẩn cấp các ngân hàng. Vùng này cần các chính sách tài chính và tiền tệ ổn định và thậm chí phát triển đôi chút để làm đối trọng với sự giảm sút các khoản cho vay của nước ngoài”.¹⁰

Sachs còn phê phán cách ứng xử của IMF trong thực tế chỉ làm tồi tệ thêm một tình hình vốn đã rất phức tạp vào mùa Thu 1997:

*“IMF làm cho cảm giác hoảng loạn thêm sâu sắc không chỉ vì những tuyên bố thẳng thừng của họ mà còn vì đơn thuốc của họ (lãi suất cao, cắt giảm ngân sách và đóng cửa lập tức một số ngân hàng) thuyết phục các thị trường rằng châu Á thực sự đã bước vào một thời kỳ suy giảm nghiêm trọng... Thay vì dập tắt lửa, IMF thực sự đã đổ thêm dầu. Tình hình này lặp lại ở Indônêsi và Hàn Quốc vào tháng Chạp. Vào lúc đó, sự kinh hoàng thực tế đã bành trướng khắp Đông Á”.*¹¹

Một mối lo lắng khác là việc sử dụng như thế nào số 17,2 tỷ của quỹ cứu trợ. Thỏa thuận ngày 20 tháng Tám xác định số tiền đó “chỉ dành riêng để bù đắp cho sự thâm hụt của cán cân thanh toán và xây dựng lại số dự trữ (ngoại tệ) chính thức của Ngân hàng Thái lan”.¹²

Điều đó có nghĩa là nguồn vốn đó của IMF không thể được sử dụng để trả nợ cho các thiết chế địa phương. Tuy nhiên, “tài trợ cho cán cân thanh toán bị thâm hụt” là một khái niệm rộng rãi bao trùm cả việc thanh toán số nợ khổng lồ của khu vực tư nhân Thái

Thuần dưỡng những con hổ

lan vào giữa năm 1997 lên tới 72 tỷ USD, trong đó hơn một nửa là nợ ngắn hạn. Quý từ nhiều nguồn do IMF tập hợp tạo nên sự bảo đảm rằng chính phủ có khả năng giải quyết những món nợ trước mắt của khu vực tư nhân, đồng thời chính phủ và IMF cố gắng thu xếp với các chủ nợ để họ giảm nợ hoặc sắp xếp lại thời gian trả nợ.

Thỏa thuận cứu nạn như vậy là sự lặp lại mô thức do IMF và Mỹ đưa ra để giúp đỡ cho Mêhicô năm 1994 và các thỏa thuận điều chỉnh cơ cấu với các nước lâm vào khủng hoảng nợ vào những năm 1980, theo đó tiền của những người đóng thuế ở các nước phương Bắc được chuyển cho các nước mắc nợ để rồi biến thành các khoản thanh toán cho các ngân hàng thương mại.

Nhiều người cho rằng làm như vậy là sai về căn bản vì đó là sự áp đặt trừng phạt toàn diện của thị trường đối với Thái lan trong lúc lại miễn trừ các tác nhân tư nhân quốc tế, trên thực tế là *xã hội hóa* sự thua lỗ của họ. Như tờ *Nation* của Thái lan nhận xét: “*Những sự trừng phạt đối với các ngân hàng nước ngoài cho khu vực tư nhân Thái lan vay tiền cần phải chuẩn xác và áp dụng một cách công bằng... Thái lan và các công ty Thái có thể gánh chịu phần lớn cuộc khủng hoảng tài chính nhưng các công ty nước ngoài cũng phải chia sẻ phần tổn thất do việc cho vay thiếu cân nhắc. Sẽ là vô trách nhiệm nếu trút tất cả tội lỗi lên đầu Thái lan*”.¹³

Chính quyền Chavalit lưỡng lự

Phải mất thêm hai tháng trước khi chính phủ đưa

ra được những chi tiết của chương trình ổn định. Ngày 14 tháng Mười, nhà cầm quyền Thái lan công bố cam kết của mình với IMF sẽ thực hiện bội thu ngân sách tương đương 1% GDP bằng việc áp dụng một loạt sắc thuế, bao gồm tăng mức thu thuế đánh vào hàng xa xỉ, phụ thu thuế những mặt hàng nhập khẩu không được sử dụng để làm hàng xuất khẩu và nhiều tranh cãi nhất là thuế một bath trên một lit xăng. Về phía chi tiêu, chính phủ cắt bớt 100 tỷ bath, đưa tổng số chi giảm xuống chỉ còn 823 tỷ bath.

Trên mặt trận cải cách khu vực tài chính, nhà cầm quyền công bố thành lập Cơ quan tái cơ cấu tài chính (FRA) để xem xét kế hoạch hồi phục của 58 công ty bị đình chỉ hoạt động và quyết định cho phép công ty nào được mở cửa trở lại. Một cơ quan mới khác cũng được tổ chức lấy tên là Công ty quản lý tài sản (AMC) có vốn ban đầu một tỷ bath của chính phủ, chịu trách nhiệm giám sát việc thanh lý tài sản của các công ty tài chính bị đóng cửa.

Chính phủ Thái lan cũng hứa cho phép người nước ngoài sở hữu 100% các thiết chế tài chính, siết chặt các quy định xếp các khoản vay nào là không trả được, cung cấp sự bảo lãnh hoàn toàn của chính phủ đối với người gửi tiền và người cho vay và sửa đổi luật phá sản để tạo cho người cho vay thu lại nhanh tài sản thế chấp.

Vào lúc đó, mối quan tâm chính của IMF là muốn thấy những hứa hẹn đó sớm trở thành hành động. Nhưng sự phản đối của dân chúng đã buộc chính

quyền Chavalit rút lại thuế xăng dầu sau chỉ có ba ngày công bố. Cẩm quyền đứng vào thời kỳ nền kinh tế rồi như mớ bong bong, chính phủ làm sao có được quyền chính đáng giữ các quyết định của mình. Nội các cũng không thông qua được các biện pháp khẩn cấp cần có để khởi động các kế hoạch cơ cấu lại nền tài chính và xác định các công ty tài chính nào phải đóng cửa hoặc tạm thời vẫn được hoạt động.

Khi Bộ trưởng tài chính Thanong Bidaya từ chức do việc rút lại phụ thu thuế xăng dầu, uy tín của chính quyền Chavalit bị giảm thê thảm. Sự căng thẳng và rối ren tăng lên được mô tả như sau :

“Cuối tháng Mười và đầu tháng Mười một, dư luận lan truyền khắp các thị trường trong vùng rằng IMF có thể giữ lại số tín dụng dành sẵn cho pha thứ hai được xác định vào tháng Chạp. Được biết quan chức IMF rất thận trọng trước bước đi chậm chạp của các cuộc cải cách và sự lưỡng lự của chính phủ trong việc thừa nhận tính chất nghiêm trọng của tình hình. Các chủ nợ nước ngoài đã bắt đầu cắt đứt liên lạc tín dụng và đòi các thiết chế Thái trả nợ tồn đọng. Với việc đồng bath tụt xuống 42 ấn một đôla Mỹ, người ta sợ rằng Thái lan có thể sẽ phải tuyên bố lệnh cho phép hoãn trả nợ”.¹⁴

Về phía nhân dân, đã xảy ra các cuộc biểu tình ngoài đường phố đòi chính phủ từ chức, và nhiều lời phản đối đã phảng phất màu sắc chống IMF. Đây đó những lời chỉ trích việc siết chặt tiền tệ, chính sách tài chính khắt khốc là một phác đồ điều trị sai chỉ làm cho

bệnh thêm trầm trọng. Hai nhà phân tích có uy tín nhận xét :

“Các quan chức IMF ... tin rằng một khi đơn thuốc của họ (một chương trình kinh tế khắc khổ) được theo đúng răm rắp thì lòng tin sẽ được khôi phục và các luồng vốn lại sẽ chảy vào Thái lan để cải thiện tiền mặt và ổn định đồng bath. Nhưng mong ước đó không trở thành hiện thực, đất nước vẫn bị tê liệt vì đồng vốn tiếp tục chảy ra ngoài”.¹⁵ Trong lúc đó, “nếu thiếu vốn, doanh nghiệp Thái lan nói chung sẽ đi tới tan vỡ”.¹⁶

Thủ tướng Chuan tiếp cứu

Với việc mất hết uy tín cả với dân chúng và IMF, chính phủ của Chavalit cuối cùng đã phải tuyên bố từ chức, để cho một liên minh các đảng trong quốc hội nắm quyền. Đó là ngày 3 tháng Mười một, chỉ vài giờ trước khi một phái đoàn IMF đến Băng cốc để kiểm tra sự tuân thủ thỏa thuận của chính phủ.

Trong khoảng thời gian từ khi Chavalit tuyên bố từ chức cho đến khi lập được chính quyền Chuan lần thứ hai, IMF đã gây sức ép mạnh mẽ buộc quốc hội thông qua bốn nghị định khẩn cấp cần thiết để việc tái cơ cấu tài chính được thi hành.

Khi chính phủ mới ra đời, IMF không để cho nó kịp thở, đốc thúc Chuan phải quyết định ngay lập tức công ty tài chính nào phải đóng cửa vĩnh viễn và công ty nào nên được hồi phục. Thực tế là IMF đã gần quyết định sẽ chuyển hoặc không chuyển số tiền 800 triệu

USD vào tuyên bố của chính phủ. Sự chấp hành của Chính phủ Thái lan, theo lời Karin Lissakers, đại diện Mỹ ở IMF, *“sẽ là một dấu hiệu chính trị quan trọng rằng chúng ta đã vượt qua được sự dễ kháng về chính trị đối với hành động do ta yêu cầu”*.¹⁷

Ngày 7 tháng Mười hai 1997, chính quyền Chuan tuyên bố 56 trên tổng số 58 công ty tài chính sẽ bị đóng cửa. Số tiền của IMF được giải ngân. Nhưng sự can thiệp quyết tâm chính trị của nhà chức trách Thái lan đã bị kìm bớt bởi sự thừa nhận của chính phủ rằng khủng hoảng tài chính và chương trình ổn định của IMF sẽ dẫn tới một sự suy giảm kinh tế còn tồi tệ hơn trong năm 1998, cụ thể là chính phủ và các nhà dương cục Thái lan hạ thấp mức dự đoán tăng trưởng kinh tế năm 1998 từ 2,5 % trong thỏa thuận tháng Tám xuống chỉ còn 0,6%.

Vào thời gian của đợt kiểm tra mới của IMF giữa tháng Hai 1998, mức tăng trưởng 0,6% lại bị hạ thấp hơn nữa với sự thừa nhận một sự suy thoái toàn diện, sản lượng kinh tế giảm 3,5% trong năm 1998 và hơn 6% vào hai quý đầu.

Dự đoán thê thảm đó về khả năng nền kinh tế ở vào trạng thái rơi tự do mạnh hơn đã buộc IMF lập tức phải nhượng bộ yêu cầu để cho chính phủ có một ngân sách thâm hụt từ 1 đến 2% GDP thay vì bội thu hơn 1%.

Giải thích sự nhân nhượng đó của IMF, Giám đốc IMF khu vực châu Á - Thái bình dương cho rằng *“nền kinh tế đã chững lại đến mức một chế độ khắc khổ*

ngặt nghèo có thể làm bùng nổ một cuộc khủng hoảng kinh tế mới".¹⁷ Tuy nhiên, chính phủ không có khả năng làm thay đổi đòi hỏi của IMF phải duy trì lãi suất cao, tức vào khoảng 20% hoặc hơn nữa.

Thỏa thuận của IMF với chính quyền Chuan đã buộc Thái lan xem xét lại Luật kinh doanh của nước ngoài để cho phép người ngoại quốc được ưu đãi tự do đầu tư vào các khu vực phi tài chính của nền kinh tế; chuẩn bị về pháp lý để làm cho luật phá sản chặt chẽ hơn; và đẩy nhanh việc tư nhân hóa toàn bộ hoặc một phần các xí nghiệp quốc doanh then chốt như điện thoại, hàng không và giao thông liên lạc của Thái lan.

Cuối cùng, thỏa thuận được duyệt lại đã buộc chính phủ phải công bố sớm các quy định chặt chẽ hơn về xếp các khoản cho vay nào là "không thanh toán được" vào cuối tháng Ba 1998 và buộc các ngân hàng phải bổ sung lại vốn của mình trên cơ sở đó.

Kể từ khi nắm quyền giữa tháng Mười một, chính phủ đã thực sự hối thúc các ngân hàng bổ sung vốn theo yêu cầu của IMF bởi vì giá trị tài sản của các ngân hàng đã bị tụt giảm nghiêm trọng do đồng tiền mất giá. Điều đó có nghĩa là tạo điều kiện cho các đối tác nước ngoài chiếm được một phần quan trọng nếu không nói là phần lớn cổ phần trong các thiết chế tài chính của Thái lan nhờ các điều khoản pháp lý được Quốc hội Thái lan thông qua vào tháng Mười.

Đối với một số thiết chế thì sự chọn lựa sẽ là, hoặc nhận tiền của nước ngoài, hoặc chịu sự kiểm soát trực tiếp hơn của chính phủ. Thực tế, chính phủ đã quốc

Thuần dưỡng những con hổ

hữu hóa bốn ngân hàng bên bờ phá sản để cơ cấu lại, bán đi hoặc giải thể.

Với sự bảo đảm của cơ sở pháp lý, các ngân hàng nước ngoài bắt đầu thương lượng với các ngân hàng Thái kiệt quệ về tài chính. Ngân hàng Nhật bản Sanwa thông báo sẽ mua lại 10% vốn của Ngân hàng thương mại Siam, ngân hàng lớn nhất của Thái lan và như vậy ngân hàng này sẽ có tới 35% cổ phần nước ngoài. Citibank của Mỹ tuyên bố sẽ sở hữu 50,1% cổ phần của First Bangkok City Bank.

Trong lúc cuộc thương lượng này chưa ngã ngũ tính đến tháng Hai 1998, tập đoàn tài chính ABN - AMRO của Hà lan cho biết họ đã đạt được một thỏa thuận dành cho họ chiếm đa số cổ phần trong Bank of Asia của Thái lan.

Vào tháng Hai 1998, sau hơn ba tháng nắm quyền, chính quyền Chuan đã được tiếng là hết sức ăn ý với IMF, dứt khoát là khá hơn nhiều so với chính quyền Chavalit và chính quyền Suharto ở Indônêsiã.

Đại diện của IMF là Neiss đã nhận xét: *"Thái lan đã vượt qua khủng hoảng một cách an toàn cùng với Hàn Quốc... (Thái lan) đã thắng vài trận đánh nhưng chưa thắng cuộc chiến tranh... Indônêsiã thì vẫn đang nằm trong buồng hậu phẫu"*.¹⁹

Có lẽ không sai khi nói rằng mặc dù có sự bất đồng về chính sách lãi suất và chi tiêu của chính phủ, chính phủ và IMF đã gặp nhau. Then chốt của hồi phục là lấy lại lòng tin của tư bản nước ngoài và chìa khóa của

việc đó là phải làm theo chương trình thắt lưng buộc bụng của IMF.

Tuy nhiên, người Thái đã không còn ảo tưởng về một mô thức phát triển dựa trên đồng vốn của nước ngoài bởi vì nói cho cùng chính điều đó đã dẫn Thái lan đến tai họa. Hơn thế nữa, làm thế nào để tư bản nước ngoài trở lại với một nền kinh tế đang suy thoái nặng nề, và triển vọng lợi nhuận phải vài ba năm nữa mới có được, câu hỏi đó vẫn chưa được trả lời một cách thích đáng.

Chú thích

1. Dẫn trong bài của Robert Chote, "Cuộc khủng hoảng Thái lan làm nổi bật các bài học của Mêhicô", *Financial Times*, 19 tháng Chín 1997, tr.16.
2. Dẫn trong bài của Jayatin Ghosh, Abhijit Sen và CP Chandrasekhar, "Các nền kinh tế Đông Nam Á: Thân kỷ hay bị nung chảy?", *Economic and Political Weekly*, 12 - 19 tháng Mười 1996, tr.2779.
3. Xem Pakorn Wichayanond, *Hệ thống tài chính Thái lan: Cơ cấu và tự do hơn* (Băng gốc: Viện nghiên cứu phát triển Thái lan, 1994), tr.3.
4. Jeffrey Sachs, "IMF và bệnh cúm châu Á", *The American Prospect*, tháng Ba và Tư 1998, tr.17.
5. IMF, "IMF chấp thuận tín dụng dự phòng cho Thái lan", Bản tin số 97/37, 20 tháng Tám 1997.
6. Như trên.
7. Như trên.
8. "Các xí nghiệp tài chính ở Thái lan bày tỏ hối tiếc", *Asian Wall Street Journal*, 5-6 tháng Mười hai 1997.
9. "Kinh tế năm 1996 và chiều hướng năm 1997", *Annual Report 1996* (Băng gốc: Ngân hàng Băng gốc, 1997),

Thuận dưỡng những con hổ

tr.42.

10. Sachs, trích dẫn từ bài của Vatchara Charoonsantikul và Thanong Khantong, "Có phải IMF điều trị không đúng con bệnh Thái lan?", *Nation*, 11 tháng Mười một, 1997.
11. Jeffrey Sachs, "IMF và bệnh cúm châu Á..."
12. IMF, "IMF chấp thuận tín dụng dự phòng cho Thái lan..."
13. "Viện trợ cả gói của IMF không phải là cho Thái lan ăn không trả tiền", *Nation*, 9 tháng Tám 1997.
14. Soonyuth Nunyamanee và Chiratas Nivatpumin, "Cải năm người ta nhấn chìm đồng bath", *Bangkok Post Economic Review Yearend 1997*, tr.19.
15. Vatchara Charoonsantikul và Thanong Khantong, "Có phải IMF điều trị không đúng con bệnh Thái lan?..."
16. *Như trên.*
17. Bob Davis, "Thái lan trắc nghiệm quyết tâm cải cách của IMF", *Asian Wall Street Journal*, 8 tháng Mười hai 1997.
18. "IMF đồng ý giảm bớt điều kiện khắt khe", *Bangkok Post*, 13 tháng Hai 1998.
19. Dân của Supachai, "Cần duy trì kỷ luật dù ước mong được thoải mái", *Bangkok Post*, 14 tháng Mười hai 1998.

2. IMF và Indônêsiá

Ngồi trên núi lửa

Vào tháng Chín 1997, Ngân hàng Thế giới (WB) vẫn cho rằng *"Indônêsiá đã đạt được thắng lợi nổi bật về phát triển kinh tế và được đánh giá là ở trong số những nền kinh tế Đông Á thành công nhất"*. Đáng kinh ngạc là nhận xét đó vẫn nằm trong các tư liệu được WB đưa vào mạng Internet tính đến tháng Ba 1998.²⁰

Báo cáo của WB nói tiếp :

"Indônêsiá đã tiến những bước dài trong đa dạng hóa nền kinh tế và thúc đẩy khu vực tư nhân cạnh tranh thông qua việc quản lý tốt kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh xóa bỏ điều tiết và đầu tư chiều sâu vào các dịch vụ hạ tầng cơ sở. Hiện nay, cả đầu tư ngoại quốc và trong nước đang bùng nổ... Tỷ lệ đầu tư tăng với nhịp điệu vững chắc và nay nằm trong số cao nhất trong các nước đang phát triển lớn. Sự năng động đó chủ yếu là do chương trình cải tổ của chính phủ đã tự do hóa mâu dịch và tài chính, khuyến khích đầu tư của nước ngoài cũng như xóa bỏ điều tiết".²¹

Thuần dưỡng những con hổ

Đó cũng chính là quốc gia trong sáu tháng qua đã diễn ra cảnh tượng thị trường chứng khoán giảm giá 50%, đồng tiền sụt giá 70% và “nền kinh tế năng động” đang bị phụ thuộc một cách kỳ lạ vào một loạt những điều kiện mang tính can thiệp đến từng chi tiết để đổi lấy khoản vay cấp cứu 43 tỷ đôla.

Tháng Bảy 1997, một thời gian ngắn sau khi đồng bath bị rút khỏi sự bảo trợ của đồng đôla, các nhà đầu tư và những kẻ buôn bán tiền tệ hoặc là do lo ngại hoặc là vì thấy dịp may, bắt đầu thử xem “nền móng” của nền kinh tế các nước châu Á khác vững chắc đến đâu bằng cách bán ra cổ phiếu, đòi nợ và bán phá giá đồng tiền. Những hành động đó đã gây nên phản ứng dây chuyền khiến đồng tiền và nền kinh tế các nước khác trong vùng bị sụp đổ. Malaysia, Indônêxia và Philippin bị tác động nghiêm trọng nhất trước các đòn liên tiếp đánh vào đồng tiền của họ buộc từng nước lần lượt phải bỏ tỷ giá hối đoái cố định và để cho thị trường quyết định giá trị đồng tiền.

Những yếu kém của nền kinh tế Indônêxia làm cho nước này dễ bị tổn thương trước các đòn tấn công vào đồng bản tệ cũng giống như Thái lan: nợ nước ngoài tăng lên, nợ của khu vực tư nhân và tình trạng vay nợ bừa bãi, thiếu tin tưởng vào khả năng giải quyết của chính phủ, số lượng đầu tư quá lớn làm tăng phình số tài sản “bong bóng” và một đồng tiền định giá quá cao gắn chặt với một đồng đôla Mỹ đang mạnh lên.

Mặc dù phần lớn các chỉ số kinh tế vĩ mô được coi là lành mạnh, khu vực tài chính rất đáng nghi ngại và

thể hiện là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền.²²

Vào đầu cuộc khủng hoảng, Chính phủ Indônêsi muốn trấn an dư luận bằng việc bảo vệ đồng tiền, sử dụng dự trữ của Ngân hàng Trung ương và buông lỏng bớt sự kiểm soát tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên ngày 13 tháng Tám, vào lúc Thái lan ký một thỏa thuận với IMF, đồng rupiah (đồng tiền của Indônêsi) tụt xuống một mức thấp lịch sử là 2.682 ăn một đôla so với trước tháng Bảy là 2.400. Ngày 14 tháng Tám, chính phủ hủy bỏ việc quản lý giá hối đoái và đồng rupiah lập tức tụt xuống 2.755.

Mặc dù Ngân hàng Trung ương cố bảo vệ quốc tệ bằng cách nâng lãi suất và chính phủ tuyên bố đình hoãn những công trình trị giá 39.000 tỷ rupiah do thiếu ngân sách, tình hình vẫn tiếp tục xấu đi và đồng rupiah lại tụt xuống mức thấp mới là 3.845 ăn một đôla.

Hai ngày sau, đứng trước tình hình dự trữ ngoại tệ giảm, các thiết chế tài chính sụp đổ và dòng vốn ào ạt chảy ra nước ngoài, chính phủ công bố ý định tìm kiếm sự giúp đỡ của IMF. Đến ngày 31 tháng Mười, Indônêsi đồng ý với một khoản vay 43 tỷ đôla Mỹ.²³

Trong số này, 23 tỷ USD được xếp vào "tài trợ tuyến một" gồm 10 tỷ của IMF, 4,5 tỷ của WB, 3,5 tỷ của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và 5 tỷ dự trữ ngoại tệ của bản thân Indônêsi. Một đợt tài trợ bổ sung tuyến hai tổng cộng 20 tỷ USD gồm 6 tỷ của Mỹ, 5 tỷ từ mỗi nước Nhật bản và Singapo và 1 tỷ từ mỗi nước Ôxtrâyli và Malaisia.²⁴

Thuần dưỡng những con hổ

Thỏa thuận này tương đương với 490% SDR (quyền rút vốn đặc biệt), vừa vặn dưới mức 500% là mức quy định phải được phê chuẩn đặc biệt.

Mục tiêu của gói cấp cứu này là *"ổn định các điều kiện trao đổi của thị trường, bảo đảm một sự điều chỉnh có trật tự cán cân thanh toán ngoại tệ để đối phó với tình trạng dòng vốn chảy vào giảm sút và đặt nền móng cho việc khôi phục lại sự tăng trưởng nhanh chóng một cách bền vững."*²⁵

Mục tiêu đề ra cho Indônêsi-a bao gồm cán cân tài khoản vãng lai thâm hụt ở mức 2% so với GDP, dự trữ ngoại hối chính thức tương đương năm tháng nhập khẩu và ngân sách thặng dư 1% nhờ tăng thu nhập từ thuế môn bài và hủy bỏ các trường hợp miễn thuế.

Các biện pháp chính sách chủ yếu nhằm đạt các mục tiêu đó là chính sách siết chặt tiền tệ (nâng lãi suất để thu hút số tiền thừa, tài trợ công bằng và thu hút đầu tư nước ngoài), đóng cửa các ngân hàng làm ăn thua lỗ, tự do hóa ngoại thương và đầu tư, hủy bỏ các độc quyền nội địa và mở rộng chương trình tư nhân hóa.

Các cải cách đặc biệt bao gồm giảm thuế ở các lĩnh vực như hóa chất, ngư nghiệp và sản xuất thép, một thỏa thuận rõ ràng để thực hiện trước khi WTO đưa ra các quy định về dự án Xe ô tô quốc gia (do Hoa kỳ yêu cầu) để đề phòng quy định của WTO ngược với lợi ích của Indônêsi-a, hoãn hoặc sắp xếp lại thời gian thực

hiện các đầu tư lớn của nhà nước. Chính phủ Suharto* cũng đồng ý giảm thuế nhập khẩu, cho phép nước ngoài đầu tư vào nhiều lĩnh vực hơn của nền kinh tế và tư nhân hóa các xí nghiệp công ích dưới sự quản lý của một ủy ban tư nhân hóa mới được thành lập.²⁶

IMF gây ra tình trạng đổ xô tới các ngân hàng để rút tiền

Chỉ đạo của IMF đóng cửa 16 ngân hàng không trả được nợ thay vì khôi phục lòng tin thì đã gây ra nỗi kinh hoàng khiến nhân dân đổ xô đến rút tiền ở hai phần ba số ngân hàng trong nước, làm suy yếu thêm khu vực tài chính và làm xói mòn sự tin nhiệm đối với nền kinh tế. Chính bản thân IMF đã thừa nhận điều đó trong một bản tin nội bộ được *New York Times* thuật lại vào giữa tháng Giêng:

"Một báo cáo mật của IMF về cuộc khủng hoảng kinh tế ở Indônêsiya thừa nhận một thành tố quan trọng của chiến lược cấp cứu của IMF đã phản tác dụng, gây ra sự khiếp hãi đối với ngân hàng và từ đó làm cho thị trường tài chính xuống dốc ở phần lớn châu Á... Những vụ đóng cửa (ngân hàng) đó chẳng những không cải thiện được lòng tin của dân chúng đối với hệ thống ngân hàng mà thực tế đã gây ra một đợt 'tìm phao cứu mạng'. Hơn hai phần ba ngân hàng bị ảnh hưởng và hơn hai tỷ USD đã bị rút khỏi hệ thống"

* Ngày 21 tháng Năm 1998, ông Suharto tuyên bố từ chức Tổng thống Indônêsiya, Phó tổng thống B.J. Habibie đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống (ND).

Thuần dưỡng những con hổ

ngân hàng.”²⁸

Trong hai tháng tới, sự cấp cứu của IMF chẳng làm được gì mấy để ngăn chặn dòng chảy ra ngoài nước của đồng vốn và cũng không làm chậm bớt được đà tụt dốc của đồng rupiah. Rõ ràng thị trường cần nhiều hơn những gì IMF can thiệp để tin tưởng rằng mọi việc đều tốt đẹp với chính quyền Suharto. Cả IMF và các nhà đầu tư đều không tin vào quyết tâm của chính phủ tôn trọng các điều kiện của khoản vay và những thông điệp trái ngược nhau từ Jakarta càng làm cho tình hình thêm rối ren.

Đã có lúc vị tổng thống 76 tuổi hứa sẽ cắt bỏ một số lớn các công trình cơ sở hạ tầng để rồi sau đó ông lại chọn 15 công trình ưu tiên để tiếp tục ủng hộ. Thực tế là nhiều những công trình đó trực tiếp có lợi cho thân thuộc của tổng thống, điều này cho thấy phạm vi ảnh hưởng của họ rất lớn đối với nền kinh tế Indônêsi-a. Ước tính gia sản của gia đình tổng thống là từ 6 tỷ đến 40 tỷ USD, được xếp vào một trong những gia đình giàu có nhất thế giới và “sáu người con của Suharto đã lợi dụng ảnh hưởng chính trị để nắm giữ cổ phần trong các công ty hàng không, ngân hàng và hóa dầu, quyền lợi ở Timor và Xe ô tô quốc gia của Indônêsi-a. Các công ty nước ngoài muốn làm ăn ở Indônêsi-a thường phải thuê mượn những người thừa kế của Suharto để làm “tư vấn”, một cách bôi trơn bánh xe.”²⁹

Ngày 17 tháng Giêng 1998, tờ *The Economist* bình luận:

*“ Ông Suharto hứa giỏi hơn làm. Nói cho cùng, ông đang được yêu cầu tháo dỡ một cơ cấu kinh tế đã tạo ra những tài sản lớn lao cho con cái... Do tình thế ngày càng khó khăn, ông có thể rút lui, gây ra một cuộc tấn công mới vào đồng tiền, nhưng vụ dầu cơ tích trữ mới trong hoảng loạn, những sức ép siêu lạm phát mới”.*²⁹

Cuộc khủng hoảng ở Indônêsi-a trở nên sôi động hơn vào đầu tháng Chạp khi có tin Suharto ngã bệnh và không dự cuộc họp ASEAN ở Kuala Lumpur khiến người ta lo ngại về sự ổn định chính trị và xã hội. Đối với bất cứ ai có ít nhiều quan tâm đến tình hình Indônêsi-a thì sự kém vững chắc của chế độ và khoảng trống chính trị mà Suharto tạo nên không có gì là lạ. Thế nhưng chừng nào nhà lãnh đạo cực quyền này còn mang lại những thành quả kinh tế thì có ai băn khoăn.

Chỉ đến khi nền kinh tế bắt đầu suy sụp thì những luận điểm về thống nhất dân tộc và thịnh vượng quốc gia chỉ để che lấp một sự thật u ám về chia rẽ, thất vọng, phần nộ và đói nghèo có khả năng biến thành bạo lực và hỗn loạn.

Tờ *The Economist* cho rằng “sự ổn định chính trị trong một thị trường dầu cơ sinh lợi có thể trở thành xơ cứng một cách nguy hiểm khi tình hình khó khăn”.³⁰

Suharto thách thức IMF

Diễn văn của Suharto về ngân sách ngày 6 tháng Giêng đã gây nên một chấn động có sức tàn phá. Ông

công bố tăng đáng kể trợ cấp cho xăng dầu và thực phẩm như gạo và phân bón, tăng chi tiêu chung của chính phủ 32% nhưng không nêu đến lúc nào và bằng cách nào các trợ cấp và độc quyền sẽ được xóa bỏ.

Thêm vào đó, các số liệu ngân sách lại dựa trên những tướng định hết sức lạc quan như sẽ đạt mức tăng trưởng 4%, lạm phát 9% và hối suất 4.000 rupiah ăn 1USD. (Vào lúc viết báo cáo này, mức tăng trưởng được dự tính là - 0,5%, giá hàng tiêu dùng tháng Hai 1998 tăng 32% và đồng rupiah vẫn chao đảo ở mức 10.000 ăn 1 đôla mà không có dấu hiệu cải thiện).

Đứng trước tình cảnh thất nghiệp hàng loạt, nền kinh tế co lại nhanh chóng và xã hội tiềm ẩn bất an, ngân sách của Suharto có thể được coi như một lời giải đáp lô gích đối với tình hình. Tuy nhiên, cả IMF và các thị trường lại không chấp thuận. Thị trường thì trả lời bằng việc tiếp tục bán hạ giá đồng tiền và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, khiến đồng rupiah vượt qua ngưỡng nguy kịch về tâm lý là 10.000 ăn 1 đôla vào ngày 9 tháng Giêng 1998.

Kể từ đó, tình hình chính trị và kinh tế vượt ra khỏi sự kiểm soát, giá thực phẩm tăng vọt, hỗn loạn và dấu cơ tích trữ lương thực xảy ra nơi này nơi khác. Chính phủ đối phó bằng việc tuyên bố sẽ phạt tù những kẻ đầu cơ và giao cho quân đội trách nhiệm phân phối lương thực, những biện pháp khó có thể được coi là có tác dụng trấn an dân chúng trong hoảng loạn và những nhà đầu tư thậm chí còn hốt hoảng hơn

trước tình hình đó.

Hoa kỳ ra tay

IMF lập tức cử đến một số quan chức cấp cao để buộc Suharto rút lại những hứa hẹn trong báo cáo về ngân sách và khẳng định lại cam kết trước đây với IMF. Suharto cũng nhận được điện thoại của Tổng thống Mỹ Clinton, Thủ tướng Nhật bản Hashimoto, Thủ tướng Ôxtrâyliya John Howard và Thủ tướng Helmut Kohl của Đức, tất cả đều yêu cầu Suharto xét lại ngân sách và tuân thủ các điều kiện của IMF. Clinton cử hai quan chức cao cấp của chính quyền là Bộ trưởng quốc phòng William Cohen và Thứ trưởng tài chính Lawrence Summers đến Indônêsiya để “chuyển các thông điệp” cho Tổng thống Suharto.

Bằng sức ép mạnh, IMF đã buộc Shuarto phải đưa ra một cam kết mới vào ngày 15 tháng Giêng 1998 được ghi lại trong bức ảnh Giám đốc IMF Michel Camdessus khoanh tay trước ngực nhìn Suharto ký vào bản thỏa thuận. Nhưng thị trường vẫn không yên và giá chứng khoán sụt thêm 4%, còn đồng rupiah thì từ 2.400 trong tháng Bảy tụt xuống 4.000 đầu tháng Chạp để rồi chỉ trong vòng một tháng rơi đến chóng mặt xuống 17.000 ăn 1 USD vào ngày 22 tháng Giêng 1998.

Các chi tiết của thỏa thuận lần thứ hai với IMF được công bố cụ thể, hẳn là để gây thêm áp lực đối với Indônêsiya và thuyết phục thị trường rằng những yêu cầu của IMF đã được đề cập.

Thuần dưỡng những con hổ

Thỏa thuận thừa nhận “Việc sụt giá nghiêm trọng của đồng rupiah dường như không phải do kinh tế vĩ mô bị mất cân đối (còn ở mức khiêm tốn) gây ra. Trái lại, sự sụt giá đó phản ánh sự mất lòng tin đối với đồng tiền bản xứ, lĩnh vực tài chính và nền kinh tế nói chung”.³¹

Không giống như thỏa thuận đầu tiên đã đề ra những mục tiêu kinh tế vĩ mô rất cụ thể, thỏa thuận lần này nhận xét một cách hiện thực rằng: “Trong những điều kiện dễ thay đổi hiện nay, rất khó để ra các mục tiêu kinh tế vĩ mô chính xác. Dù sao, chương trình này cũng nhằm tránh một sự sụt giảm về sản xuất đồng thời giới hạn lạm phát vào khoảng 20%”.³²

Các mục tiêu kinh tế vĩ mô được xác định là:

- đạt được thặng dư tài khoản vãng lai;
- giữ lạm phát ở mức 20%, bằng bằng ngân sách (trước đây đòi hỏi phải có bội thu ngân sách);
- hỗ trợ giá điện và dầu (trừ dầu lửa và diêden) từ ngày 1 tháng Tư 1998;
- tăng thuế một số mặt hàng, chấm dứt mọi miễn trừ đối với thuế trị giá gia tăng (VAT);
- định mức thuế 5% đánh vào xăng và cải tiến thu thuế;
- đưa vào ngân sách trung ương kể từ tài khóa 1998-1999 các quỹ đầu tư và trồng lại rừng với sự bảo đảm quỹ đó được sử dụng rành mạch cho mục đích cụ thể đó.³³

Các biện pháp tự do hóa mậu dịch và đầu tư bao gồm:

- giảm tất cả thuế lương thực thực phẩm nhập khẩu xuống mức 5% và cắt giảm thuế sản phẩm phi nông nghiệp xuống còn 10% vào năm 2003;
- cải tổ sâu rộng hệ thống ngân hàng, bao gồm việc cho nước ngoài sở hữu ngân hàng vào tháng Sáu 1998;
- bỏ các hạn chế đối với ngân hàng nước ngoài từ tháng Hai 1998;
- thành lập Cơ quan tái cơ cấu Ngân hàng Indônêsi để có thẩm quyền xử lý vấn đề thế chấp cho vay và giám sát việc sát nhập hoặc giải thể các thiết chế tài chính yếu kém.

Nhưng ngay ở đây vẫn còn “*nhiều sự nghi ngại... về khả năng của cơ quan mới này đóng cửa được các thiết chế tài chính yếu kém nhưng lại có các quan hệ chính trị hùng hậu, đặc biệt là những thiết chế gắn bó với đại gia đình của Tổng thống Suharto*”.³⁴

Gia đình Suharto bị đá kích

Những gì mà các mục tiêu kinh tế vĩ mô không đề cập trong thỏa thuận mới đã được bù lại bằng các chỉ thị kinh tế vĩ mô nhằm đúng yếu huyết quyền lực kinh tế của Suharto, thể hiện trong tài liệu chi tiết về giải thể các các ten, độc quyền và các sắc thuế trực tiếp mang lại lợi nhuận cho Suharto, gia đình và bè bạn của tổng thống.

Mười hai đại công trình bị đình hoãn, bao gồm một số dự án quan hệ tới con trai và con gái tổng thống và tất cả đặc quyền đặc lợi gắn với dự án Xe ô tô quốc gia

Thuần dưỡng những con hổ

(do con trai Suharto là Tommy điều hành) và dự án máy bay (do con trai "cưng" của Suharto và Phó tổng thống mới bổ nhiệm B.J.Habibie điều hành), tất cả bị dừng lại.³⁵

IMF cũng yêu cầu tự do hóa mua bán các sản phẩm nông nghiệp như hạt điều, đinh hương, cam, vani, thảo gờ các hạn chế đầu tư nước ngoài trong công nghiệp dầu cò vào ngày 1 tháng Hai 1998, hạn chế bán buôn bán lẻ vào tháng Ba 1998 và đóng cửa ủy ban tiếp thị sản phẩm đinh hương (do Tommy, con của Suharto nắm quyền) vào tháng Sáu 1998.

Nhưng ngay cả đối với những điều kiện nhẹ nhàng đó chính phủ cũng không có hành động tích cực. Cuối tháng Hai, một bộ trưởng nội các đưa ra ý kiến "*ủy ban tiếp thị sản phẩm đinh hương có thể tiếp tục hoạt động trên một cơ sở khác*".³⁶ Kinh doanh đinh hương đặc biệt thu được nhiều lợi nhuận ở Indônêsi-a vì bột đinh hương là một phụ gia cần thiết để làm thuốc lá nội địa.

IMF yêu cầu giải thể các các ten chính thức và không chính thức, các độc quyền và các dàn xếp tiếp thị (như trong ngành gỗ dán, giấy và xi măng) theo đó các nhà sản xuất được yêu cầu phải bán qua một đại lý tiếp thị trung ương, phải trả tiền thù lao để được còta hoặc được thị phần.

IMF cũng hạn chế độc quyền gạo của Bulog, cơ quan hậu cần của nhà nước. Bột mì đã được đưa vào thỏa thuận lần thứ nhất nhưng sau đó đã bị bỏ qua, nghe nói vì sợ đe dọa tới khả năng kiểm soát giá bột

mì của Liem Sioe Liong, người bạn chí cốt của Suharto và cũng là người sản xuất mì ăn liền lớn nhất thế giới. Việc nhập khẩu đường cũng không bị kiểm soát nữa, nông dân sẽ không buộc phải trồng mía mà được phép chuyển sang trồng lúa.

Kinh phí xã hội được tăng lên cho giáo dục chín năm và cho dịch vụ y tế cơ bản.

Tiếp theo thỏa thuận mới ký với IMF ngày 27 tháng Giêng 1998, Chính phủ Indônêsi-a công bố tạm thời đình chỉ việc trả nợ kinh doanh của các công ty Indônêsi-a, đồng thời có kế hoạch lập ra một cơ quan mới của chính phủ để trông nom cải tổ ngân hàng, bao gồm cả việc đóng cửa và thanh lý tài sản của các ngân hàng thua lỗ nghiêm trọng.

Khu vực tài chính Indônêsi-a đang ở trong tình thế cực kỳ hiểm nghèo. Dư luận cho rằng đồng vốn đã chảy ra nước ngoài ngay từ tháng Ba 1997 khi các cuộc bạo loạn và cướp bóc người Hoa thiểu số đã khiến họ phải chuyển tiền ra các nơi an toàn hơn là Singapo và Hồng Công.

Sự chảy máu tư bản nghiêm trọng đến mức làm cho khả năng thanh toán của Indônêsi-a thực sự bị đe dọa: các ngân hàng nước ngoài cắt đứt quan hệ liên ngân hàng với các ngân hàng Indônêsi-a và từ chối các thư tín dụng của nước này khiến cho các nhà nhập khẩu không nhận được nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài. Thêm vào đó, sự suy sụp của đồng rupiah có nghĩa là hàng nhập tăng giá hơn gấp đôi, nguồn cung cấp teo tóp, dân chúng tích trữ, các bệnh viện buộc phải giảm

bớt khả năng phục vụ, ngay đến cả thuốc men thiết yếu cũng không có.

Các điều kiện của IMF chấm dứt trợ cấp cho các mặt hàng như dầu, đường, bột mì tạo ra động năng thúc đẩy giá lương thực vốn đã lên cao càng tăng hơn nữa. Giá cả còn có thể tăng thêm sau ngày 1 tháng Tư 1998 khi nhà nước thôi trợ giá xăng dầu và điện lực.

Trong lúc đó thì kinh tế Indônêsi-a đang trong cơn sốt nợ nước ngoài nghiêm trọng, ước tính đến cuối tháng Chạp 1997 là 140 tỷ USD (bằng hai phần ba GDP), trong đó 20 tỷ là nợ ngắn hạn và 65 tỷ là nợ của các doanh nghiệp tư nhân không phải là thiết chế tài chính.³⁷ Số nợ đó tương đương với một tỷ lệ dịch vụ trả nợ bằng một phần ba thu nhập từ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Vấn đề Ủy ban tiền tệ*

Trong một nỗ lực tuyệt vọng để thu hút ngoại tệ, giữa tháng Hai, Tổng thống Suharto công bố kế hoạch

-
- Ý tưởng lập Ủy ban tiền tệ là do một chuyên gia Mỹ Steve Hanke đưa ra và giúp Tổng thống Suharto thực hiện. Kiểu ủy ban này đã từng được lập ở Bôsnia, Estônia và nhất là Achentina, một quốc gia bị siêu lạm phát mà không bị IMF phản đối. Hanke đã thành công ở Achentina nên được Suharto trọng dụng. Tuy nhiên, theo các nhà kinh tế thế giới, việc lập Ủy ban tiền tệ khó thực hiện ở Indônêsi-a vì dự trữ ngoại tệ nước này quá yếu (19 tỷ USD so với yêu cầu tối thiểu 30 đến 40 tỷ USD). Theo *FEER*, 26 tháng Hai 1998 (ND).

thành lập một ủy ban tiền tệ. Nguyên tắc cơ bản của một ủy ban tiền tệ là mọi đơn vị nội tệ lưu hành đều được hỗ trợ bởi dự trữ ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái cố định (5.000 - 5.500 rupiah ăn một đôla Mỹ là tỷ giá được đưa ra để bàn cãi). Hành động này của Suharto lập tức đưa ông vào cuộc đụng độ với IMF và bị IMF đe dọa sẽ rút số 43 tỷ USD cấp cứu nếu Jakarta tiếp tục dự kiến này.

Suharto cố gắng đến cùng để kiểm soát chính sách kinh tế, thậm chí phế truất Thống đốc Ngân hàng Trung ương là người dường như không ủng hộ ý kiến thành lập ủy ban tiền tệ. Cuộc tranh luận về ủy ban này sẽ tiếp diễn. Và ngày 11 tháng Ba, dư luận dồn đại khắp Jakarta là ủy ban sẽ ra đời trong vòng hai ngày tới. *"Chính phủ muốn hành động nhanh và hình như giải pháp là thành lập Ủy ban tiền tệ"*, một nhà phân tích người Indônêsi-a công tác ở Goldman Sachs, Singapo nhận định như vậy.³⁸

Có rất nhiều lý do tại sao Suharto quan tâm đến Ủy ban tiền tệ. Trước hết, cho dù ủy ban này chỉ tồn tại một hoặc hai ngày thôi thì cũng kịp đủ cho những người của Suharto rũ sạch nợ nước ngoài ở hối suất 5.500 rupiah thay vì 10.000.

Thứ hai, nó tạo cho Suharto cơ hội hồi sức để tái khẳng định quyền kiểm soát chính sách kinh tế sau khi đã phải chịu tổn thương trước áp lực của IMF đầu năm. Vô luận động cơ nào, việc bàn cãi thành lập Ủy ban tiền tệ cũng sẽ có tác dụng thu hút ngoại hối của các nhà đầu tư muốn vào Indônêsi-a sớm để đề phòng

đồng rupiah lại bị định giá thấp hơn.

Không giống như Thái lan và Hàn Quốc, Indônêsia tiếp nhận sự hào phóng của IMF một cách miễn cưỡng, thậm chí đối nghịch. Rõ ràng Suharto có những quyền lợi phải bảo vệ, cùng chính là những quyền lợi bị IMF nêu đích danh trong cố gắng để khôi phục lại niềm tin cho nền kinh tế Indônêsia.

Trong cuộc đấu tranh giành quyền lực khó phân xử giữa IMF và tổng thống, mọi thứ đều được sử dụng. Đầu tháng Ba, Tổng thống Clinton cử cựu Phó tổng thống Walter Mondale sang gặp nói chuyện thân tình với Suharto trong lúc vị tổng thống này vẫn tiếp tục chống đối phương Tây bằng việc thúc đẩy thành lập Ủy ban tiến tệ, hiên ngang đảm nhiệm chức vụ tổng thống nhiệm kỳ thứ bảy và thậm chí còn bổ nhiệm B.J..Habibie làm phó tổng thống, một người nổi tiếng hoang phí. Hai trăm triệu người Indônêsia là nạn nhân của tất cả sự ngang tàng và không khoan nhượng đó của cả hai phía.

Hậu quả thật là nghiêm trọng. Ước tính số người mất việc làm đến cuối năm 1997 là từ 2,5 triệu đến 6,6 triệu. Ngành công nghiệp xây dựng đặc biệt bị tổn thất nặng nề với ít nhất 950.000 người mất việc. Số thất nghiệp đã tăng từ 7,7% lên 10% và được trông đợi là cao hơn nữa trong năm 1998.

Vào cuối tháng Ba, đồng tiền giảm giá và đồng vốn chạy ra nước ngoài đã để lại một khu vực tài chính hoang tàn, giá cả nhảy vọt và các doanh nghiệp sụp đổ. Vì chính phủ trì hoãn việc thực hiện các cải cách

của IMF, nên không thể nào đánh giá được hậu quả đối với tình hình trước mắt và cũng chính là tương lai chính trị và kinh tế lâu dài của Indônêsi. Vô luận thế nào, các mối quan tâm chính trị đã vượt lên trên cuộc khủng hoảng kinh tế và không thể nào chỉ giải quyết cái này mà không giải quyết cái kia.

Chú thích

20. WB, *Báo cáo văn tắt tình hình các nước*, tháng Chín 1997 (truy cập từ WB trên mạng Internet).
21. Như trên.
22. Báo cáo của cơ quan nghiên cứu của quốc hội cho quốc hội, số 97-1021 E, "Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997", 25 tháng Mười một 1997.
23. Mặc dù con số 43 tỷ đôla được công bố rộng rãi, các số liệu có được chỉ tổng cộng 41 tỷ đôla. Nguồn của 2 tỷ đôla còn lại không rõ.
24. Như trên.
25. Thông cáo báo chí của IMF số 97/50 "IMF thông qua khoản cho vay dành sẵn cho Indônêsi", 5 tháng Mười một 1997.
26. Như trên.
27. David E. Sanger, "Nay IMF thừa nhận các sách lược ở Indônêsi làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng", *The New York Time*, 14 tháng Giêng 1998.
28. Johan Blank, "Gia đình Suharto giàu có, nhân dân Indônêsi nghèo khó", *Inter Press Service*, 24 tháng Giêng 1998.
29. "Và nay đến lượt giới chính trị bất hòa", *The Economist*, 17-23 tháng Giêng 1998.
30. Như trên.
31. "Indônêsi - Giác thư về chính sách kinh tế và tài chính", *Jakarta Post*, 17 tháng Giêng 1998.

Thuần dưỡng những con hổ

32. Như trên.
33. Quỹ trồng lại rừng được biết có đến hàng tỷ đôla từ tiền thuế gỗ, đây là quỹ nhằm trồng lại và bảo vệ rừng nhiệt đới của Indônêsi-a. Thế nhưng được phát hiện là quỹ không đủ khả năng để chống nạn cháy rừng năm ngoài vì tiền quỹ đã được sử dụng cho dự án Xe ô tô quốc gia, xem Michael Richardson, "Rừng cháy lại lâm Đông Nam Á lo lắng", *International Herald Tribune*, 13 tháng Hai 1998.
34. *Japan Economic Report*, số 4B, 30 tháng Giêng 1998.
35. *TAPOL Bulletin*, số 145, tháng Hai 1998.
36. "Suharrto nói đường lối mới cần IMF ủng hộ", *Asian Wall Street Journal*, 2 tháng Ba 1998.
37. Kafil Yamin, "WB viện trợ tạo việc làm, lại nhận được chỉ trích", *Inter Press Service*, 8 tháng Hai 1998.
38. "Tin đồn về Ủy ban tiền tệ đã nâng giá các đồng tiền châu Á", *Asian Wall Street Journal*, 11 tháng Ba 1998.

3. IMF và Hàn Quốc

Dạy cho con hổ một bài học

Ngày 30 tháng Chín 1996, Hàn Quốc, “*được coi là một trong những nền kinh tế sống động nhất thế giới*”³⁹ chào từ biệt thế giới đang phát triển để gia nhập “Câu lạc bộ thượng lưu”, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).

Các số liệu thống kê sự thăng tiến của Hàn Quốc thật hùng hồn. Vốn là quốc gia có GDP trên đầu người thấp hơn Philippin năm 1965, đến 1995, Hàn Quốc đã có thu nhập theo đầu người lên 13.269USD so với 2.475USD của Philippin. Như vậy là tăng 770% chỉ trong vòng 30 năm.⁴⁰ Tốc độ tăng trưởng hàng năm trong cùng thời gian đó đạt hơn 7% và trước ngày kinh tế bị sụp đổ, Hàn Quốc được xếp vào quốc gia có nền kinh tế lớn hàng thứ 11 thế giới.

Báo cáo của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) mô tả Hàn Quốc như “*minh chứng tuyệt vời cho một nhà tài trợ mới nổi lên có tiềm năng đóng góp đáng kể cho viện trợ phát triển*”. Báo cáo tiếp tục cho biết kể từ ngày độc lập năm 1945,

Thuần dưỡng những con hổ

Hàn Quốc đã nhận được 4,8 tỷ USD viện trợ không hoàn lại và *"đó là một quốc gia đã thoát ra khỏi sự lệ thuộc vào viện trợ một cách thắng lợi"*.⁴¹

Chỉ hơn chút ít một năm sau đó, Hàn Quốc lại trở thành người tiếp nhận viện trợ trên thực tế, với việc đồng ý một gói cấp cứu do IMF thu thập từ nhiều nguồn lên đến 57 tỷ USD - cao gấp mười lần tổng số ODA Hàn Quốc nhận được 40 năm qua. Mĩa mai là việc làm thành viên OECD đã buộc nước này phải xóa bỏ điều tiết về tài chính và các mặt khác, và đó chính là những nhân tố góp phần vào sự phân hủy của nền tài chính do tăng luồng vào của tài chính nước ngoài và gây sức ép đối với hàng hóa sản xuất trong nước bằng hàng nhập tốt và rẻ hơn.

Có điều gì không ổn ?

Không giống như các nền kinh tế Đông Nam Á, Hàn Quốc, một nước công nghiệp mới (NIC) cổ điển đã mở rộng đường cho sức mạnh công nghiệp dựa chủ yếu vào việc huy động tiết kiệm trong nước, được thực hiện một phần thông qua các cải cách như cải cách ruộng đất để thúc đẩy sự công bằng vào đầu những năm 1950. Mặc dù vốn nước ngoài đóng một phần quan trọng, nhưng các nguồn tài chính trong nước thu hút được nhờ một hệ thống đánh thuế nghiêm ngặt cộng với lợi nhuận thu được từ việc bán hàng cho một thị trường nội địa được bảo hộ và cho các thị trường ngoại quốc bằng một chiến lược trọng thương năng động, mới là nguồn chính của tích lũy tư bản.

Khuôn khổ thiết chế để tạo điều kiện cho công nghiệp hóa tốc độ cao là mối quan hệ gắn bó giữa khu vực tư nhân và nhà nước, trong đó nhà nước giữ vai trò chỉ huy. Nhà nước lựa chọn một số ngành công nghiệp và lĩnh vực ưu tiên, cung cấp tín dụng ưu đãi (có lúc lãi suất thực là âm) thông qua một hệ thống ngân hàng do chính phủ điều khiển, bảo hộ các ngành công nghiệp đó khỏi sự cạnh tranh của các công ty nước ngoài trên thị trường nội địa. Bằng cách làm đó, nhà nước là người sinh thành các tập đoàn công nghiệp (*chaebol*) và sau đó đưa chúng vào thị trường quốc tế. Chiến lược này tỏ ra rất thành công vào các thập kỷ 1960 và 1970, trở thành hòn đá tảng của sự "thần kỳ" Hàn Quốc về công nghiệp hóa và tăng trưởng xuất khẩu.

Đầu những năm 1980, sự liên kết nhà nước - *chaebol* tỏ ra không gì có thể ngăn nổi trên thị trường quốc tế. Đó là nhờ các ngân hàng thương mại rất sẵn sàng theo yêu cầu của chính phủ cung cấp tiền cho Hyundai, Samsung, LG và các tập đoàn khác để giành giật thị trường ở châu Âu, châu Á và Bắc Mỹ. Những năm tháng tốt đẹp đó kéo dài từ 1985 đến 1990, lợi nhuận thể hiện ở con số thặng dư mậu dịch mà Hàn Quốc thu được.

Thế nhưng cũng từ đầu năm 1980, những bất cập và tự mãn trong chiến lược do nhà nước lãnh đạo với thành công cực kỳ to lớn cho đến thời điểm đó bắt đầu bộc lộ, và cùng với sự phát triển kinh tế, sự tham nhũng của mối liên kết nhà nước - ngân hàng - *chaebol* trở nên rõ rệt. Mặc dù vậy, không có hành động nào

được đưa ra để cải tổ lại hệ thống, chẳng ai trong các nhà chính trị, kinh tế, quan chức chính phủ và cả những người liên quan ở các nước và các thiết chế quốc tế lên tiếng, không một ai cả.

Sức ép

Đầu những năm 1990, gió bắt đầu đổi chiều. Đặc biệt, có ba yếu tố trung tâm. Thứ nhất, thiếu đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Thứ hai, cuộc đột kích ồ ạt của hàng hóa Mỹ vào thị trường Hàn Quốc. Thứ ba, địa vị thành viên OECD đã buộc Hàn Quốc phải theo đuổi một lập trường tự do hơn đối với tài chính và dòng vốn nước ngoài. Các yếu tố đó đã làm bộc lộ sự bất lực của chính phủ trong việc ngăn chặn sự thất bại của thị trường mặc dù trước đây Hàn Quốc có ý thức phòng ngừa và nhờ đó đã đem lại những thành công của các thập kỷ “diệu kỳ”.⁴²

Thay vì tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển để làm ra các sản phẩm có trị giá gia tăng cao và phát triển công nghệ kỹ thuật sản xuất tiên tiến, các tập đoàn Hàn Quốc lại chạy theo con đường dễ hái ra tiền là đầu tư vào bất động sản và đầu cơ thị trường chứng khoán. Trong những năm 1980 các *chaebol* đã bỏ ra hơn 16,5 tỷ USD để mua đất đai kiếm lời, xây cất các khách sạn xa xỉ và các sân golf. Đến năm 1996, tổng lượng tiền ngân hàng ném vào bất động sản đã lên đến 25%, cao hơn Thái lan hoặc Indônêsiá.

Phần lớn thiết bị trong các nhà máy công nghiệp vẫn phải tiếp tục nhập từ Nhật bản và các dây chuyền

lắp ráp ti vi màu và máy vi tính xách tay chủ yếu vẫn sử dụng các linh kiện của Nhật bản. Trên thực tế, Hàn Quốc vẫn không có khả năng thoát ra khỏi địa vị một nơi sử dụng nhiều nhân công để lắp ráp các sản phẩm sử dụng công nghệ và đầu vào của Nhật bản. Rất dễ tiên đoán tình hình đó dẫn đến thâm thủng mậu dịch nghiêm trọng với Nhật bản, lên tới hơn 15 tỷ USD năm 1996.

Cán cân mậu dịch với Hoa kỳ cũng chịu chung số phận như với Nhật bản. Sự phải đối đầu với một Nhật bản khác đã làm cho Mỹ lao đao vì thường xuyên bị thâm hụt cán cân mậu dịch, Washington tấn công trên quy mô rộng lớn Seoul, quyết liệt hơn nhiều so với Nhật bản, có lẽ là vì Hàn Quốc thiếu khả năng trả đũa. Trong các biện pháp đó có sức ép đòi tăng giá đồng won (đồng tiền của Hàn Quốc).

Bị công kích từ mọi hướng, Hàn Quốc bị thâm hụt mậu dịch với Mỹ 159 triệu USD năm 1992 so với thặng dư 9,6 tỷ USD năm 1987. Đến năm 1996, thâm hụt với Mỹ đã tăng lên đến 10 tỷ USD trong tổng thâm hụt mậu dịch là 21 tỷ USD.

Thêm vào đó, Hàn Quốc còn bị sức ép cạnh tranh từ các nước Đông Á khác có giá trị lao động rẻ hơn. Tất cả những điều đó cộng với sự bành trướng và chuyên môn hóa quá mức đã khiến cho 20 công ty lớn nhất đăng ký trên thị trường chứng khoán của Hàn Quốc chỉ thu được lợi nhuận vắn vắn có 3% trên giá trị tài sản, trong lúc đó thì trung bình tiền lãi phải trả cho các khoản vay lên tới 8,2 %.

Bình quân nợ trên giá trị tài sản lên tới con số kinh khủng là 220% (không ít trường hợp lên đến 300 - 400%) và thu nhập cùng từ giá trị tài sản đó chỉ ở con số hết sức khiêm nhường là 0,8%. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nhiều công ty phải đình chỉ thanh toán vì không có tiền nữa.

Các biện pháp trong tuyệt vọng

Trong một cố gắng tuyệt vọng giành lại được lời lãi, vào tháng Chạp 1996 các nhà quản lý trình quốc hội một loạt các dự luật để mong được mở rộng quyền cho công nhân thôi việc và giảm bớt lực lượng lao động như kiểu làm của Mỹ sa thải số nhân công bị coi là “dư thừa” để làm cho lực lượng lao động còn lại tạo ra năng suất cao hơn.

Khi việc này vấp phải sự xuống đường chống đối quyết liệt của công nhân, phần lớn các *chaebol* không còn con đường nào khác là quay trở lại con đường cũ, dựa vào mối quan hệ cộng sinh với chính phủ và ngân hàng để vay nhiều tiền hơn nữa nhằm nuôi sống các xi nghiệp thua lỗ.

Việc nới lỏng sự kiểm soát theo đòi hỏi đi kèm việc chấp nhận tư cách thành viên OECD của Hàn Quốc và sức ép toàn cầu hóa đã khiến cho các doanh nghiệp tư nhân và các ngân hàng vay tiền nước ngoài ồ ạt để mong duy trì lợi nhuận, nợ sau chồng lên nợ trước không làm sao trả nổi.

Từ bỏ sự kiểm soát của nhà nước cũng dẫn tới hậu quả một số *chaebol* đầu tư quá mức về số lượng trong

một số ít ngành công nghiệp. Vấn đề này càng thêm nghiêm trọng trong tình hình các *chaebol* được thêm quyền tự trị và thiếu công khai minh bạch khi bản thân chúng chuyển thành các công ty xuyên quốc gia.⁴³

Hệ thống ngân hàng trong nước không có khả năng trung hòa hoặc hướng các luồng vốn nước ngoài vào đầu tư sản xuất nên hậu quả tất yếu là các luồng vốn vay dư thừa chảy vào các đầu tư nhiều bất trắc và mang tính đầu cơ. Theo ông Yilmaz Akyüz của UNCTAD, vấn đề không nhất thiết phải là kiểm soát và giám sát hệ thống ngân hàng mà là thiếu các công cụ để giới hạn số vốn chảy vào nhằm kiểm soát tác động của luồng tài chính đó đối với kinh tế vĩ mô: “các công cụ đó thường bị gạt bỏ bằng việc áp dụng sự tự do hóa được thiết kế để tháo gỡ sự “kiểm chế tài chính”.”⁴⁴

Vào tháng Mười 1997, ước tính số nợ của các xí nghiệp Hàn Quốc không trả được lên đến hơn 50 tỷ USD. Khi tình hình đó bộc lộ, các ngân hàng nước ngoài vốn đã đổ vào khoảng 200 tỷ USD đầu tư và cho vay ở Hàn Quốc, không chịu đổ thêm tiền vào Seoul. Đến cuối tháng Mười một 1997 đứng trước tình hình phải trả ngay trong vòng một năm 66 tỷ USD trong tổng số 120 tỷ USD nợ nước ngoài, Hàn Quốc phải theo gót Thái lan và Indônêxia xếp hàng xin IMF cấp cứu.

Từ Washington thẳng đến Seoul

IMF lập tức đáp ứng lời kêu cứu của Hàn Quốc. Một

toán chuyên viên kinh tế được gửi ngay đến Seoul với chỉ thị là đàm phán với Hàn Quốc một khoản cho vay cấp cứu theo kiểu Mèhicô để khôi phục “sức khỏe của nền kinh tế và sự ổn định”⁴⁵. Một tiền lệ quan trọng ra đời: lần đầu tiên một nước công nghiệp phát triển phải chịu những điều kiện nghiêm khắc của IMF, thường chỉ dành cho các nước đang phát triển.

Theo Michel Chossudovsky, Trường đại học Ottawa,⁴⁶ các điều kiện hỗ trợ khẩn cấp đã được sự đồng ý của Bộ Tài chính, Phòng thương mại Hoa kỳ, các chủ ngân hàng phố Wall và các ngân hàng lớn ở châu Âu trước khi toán chuyên viên bước lên máy bay. Theo một nguồn thạo tin của Hàn Quốc thì Phòng thương mại Hoa kỳ thực tế đã soạn thảo một phần quan trọng của bản thỏa thuận cuối cùng.⁴⁷

Phái đoàn IMF hoàn thành việc chuẩn bị tiền vào ngày 3 tháng Chạp 1997. Chỉ trong vòng một tuần, IMF đã tập hợp được 57 tỷ USD tín dụng dành sẵn, bao gồm 21 tỷ từ IMF, 10 tỷ của WB, 4 tỷ của ADB, 20 tỷ của các nước công nghiệp hàng đầu, trong đó Nhật bản đóng góp 10 tỷ và Mỹ 5 tỷ.

Đây cũng là lần đầu tiên một số nước châu Âu hứa hẹn tín dụng cho một quốc gia châu Á đang trong khó khăn, một tín hiệu về tính chất toàn cầu của cuộc khủng hoảng (xem bảng 1). Đổi lại, Chính phủ Hàn Quốc đồng ý với một danh mục dài về cải tổ kinh tế, thiết chế, lao động và công nghiệp nhằm hồi sinh một nền kinh tế đang ngắc ngoải.

Những đó đúng là một tuần sóng gió: thị trường

chứng khoán và đồng tiền tiếp tục xuống dốc và Bộ trưởng tài chính hai lần thông báo cuộc đàm phán đã có kết quả để rồi sau đó mọi việc vẫn rối như tơ vò. Báo chí tường thuật các nhà thương lượng IMF có phần bứt rứt khi phải mặc cả với các đối tác nổi tiếng cứng rắn của một nền kinh tế phát triển.

Họ cũng bị phê bình vì cuộc đàm phán kéo dài, hình như còn tự tiện chấp nhận những điều kiện không được Michel Camdessus thông qua trước đó. Bản thân vị giám đốc này lại nhận được những chỉ thị hết sức nghiêm ngặt của thành viên IMF thế lực nhất là Hoa kỳ, yêu cầu phải cứng rắn khi thương thảo với Hàn Quốc.⁴⁸

Trong lúc đó thì dự trữ ngoại tệ của Hàn Quốc cạn bớt và chính phủ đứng trước triển vọng không trả được nợ trừ phi đạt được ngay một thỏa thuận với IMF. Mỗi ngày trôi qua là một ngày lập trường Hàn Quốc thêm nao núng.

Những điều kiện của IMF

IMF đã đề xuất mau lẹ một kiểu cho vay mới gọi là “phương tiện bổ sung dự trữ” cho phép mình ra khỏi thông lệ là các gói tài chính cho vay không được vượt quá năm lần cota IMF của nước nhận. Số tiền 21 tỷ USD “cấp cứu” Hàn Quốc⁴⁹ vượt kỷ lục 17,8 tỷ USD trước đó cho Mêhicô vào năm 1995 và hơn 20 lần cota theo quy định dành cho Hàn Quốc.

Thỏa thuận này giúp cho Hàn Quốc tránh tình trạng không trả được số nợ ngắn hạn ước tính 66 tỷ

USD trong tổng số 120 tỷ nợ nước ngoài.⁵⁰ Chắc chắn Hội đồng quản trị các ngân hàng Nhật bản sẽ vô cùng khoan khoái vì họ đã cho Hàn Quốc vay đến 23,4 tỷ USD và nếu Hàn Quốc phải tuyên bố không trả được nợ thì họ không sao chịu nổi vì bản thân hệ thống ngân hàng của họ cũng đang trong tình trạng khốn đốn.⁵¹ Những chủ nợ châu Âu cũng kẹt nhiều vốn ở Hàn Quốc. Tổng số tiền của Đức cho Malaysia, Hàn Quốc, Indônêxia, Philippin, Thái lan và Đài Loan vay lớn hơn của Mỹ.⁵²

Cũng giống như với các thỏa thuận khác của IMF, nội dung chương trình cho Hàn Quốc chỉ được nêu đại cương, nhưng các thông tin được đăng tải cũng cho thấy một sự pha trộn thú vị giữa công thức truyền thống của IMF siết chặt tài chính và tiền tệ cộng với việc đáp ứng các quyền lợi đặc biệt của các chủ ngân hàng và chủ doanh nghiệp nước ngoài, như cải cách thị trường lao động, mở cửa hơn nữa lĩnh vực tài chính cho các ngân hàng Mỹ và các nhà quản lý IMF, mở rộng thị trường cho hàng hóa Nhật bản và dọn đường cho nước ngoài sở hữu đa số cổ phần của các công ty Hàn Quốc.

Theo tài liệu IMF công bố,⁵³ mục tiêu của chương trình là *"thu hẹp thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai xuống 1% GDP năm 1998 và 1999, kiểm chế lạm phát ở mức 5% hoặc thấp hơn và cùng với hy vọng sớm khôi phục lòng tin, giới hạn việc giảm mức tăng trưởng thực tế còn khoảng 3 % năm 1998 tiếp theo là phục hồi tiềm năng vào 1999"*.⁵⁴

Bảng 1 Bảng đóng góp vào khoản cho vay
khẩn cứu của IMF (tỷ USD)

<i>Nguồn</i>	<i>Indônêsi</i>	<i>Thái lan</i>	<i>Hàn Quốc</i>
IMF	10	4	21
ADB	3,5	1,2	4
WB	4,5	1,5	10
Ôxtrâyli	1	1	1
Canada			1,15
Pháp			1,25
Đức			1,25
Anh			1,25
Italia			
Nhật bản	5	4	10
Singapo	5	1	
Hoa kỳ	6		5
Hàn Quốc	5	0,5	
Indônêsi	5	0,5	
Brunây		0,5	
Hồng Công		1	
Malaisia	1	1	
Trung Quốc		1	
TỔNG CỘNG *	46	17,2	57

* Số liệu cả gói vay và tín dụng của IMF thay đổi và các con số chính xác cho mỗi nước chưa có sẵn.

Thuần dưỡng những con hổ

Các yếu tố chủ chốt của thỏa thuận là:

- Chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm “khôi phục và tồn tục sự an định của thị trường”.
- Tăng lãi suất từ 12,5% lên 21% trong thanh toán tiền mặt (lãi suất lên tới 32% vào tháng Chạp).
- Kiểm soát cung ứng tiền tệ để khống chế lạm phát dưới 5%.
- Thả nổi tỷ giá ngoại hối đi đôi với hạn chế tối thiểu sự can thiệp (của ngân hàng...).
- Duy trì một ngân sách cân đối hoặc bội thu chút ít (bao gồm cả việc trả lãi cho khu vực tài chính đang được cơ cấu lại).
- Tăng thuế trị giá gia tăng (VAT) và mở rộng cơ sở thuế thu nhập và thuế kinh doanh.

Ngoài các chính sách tài chính và tiền tệ, bản thỏa thuận còn bao gồm một danh mục dài các cải cách thiết chế, trong đó có việc lập ra một ngân hàng trung ương độc lập (để cắt đứt con đường cung cấp giữa chính phủ và các *chaebol*), đóng cửa các thiết chế tài chính “nguy kịch”, áp đặt tỷ lệ nợ trên tài sản theo quy định của Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS) và chấp thuận sớm việc để cho nước ngoài thâm nhập lĩnh vực tài chính trong nước, kể cả cho phép các ngân hàng nước ngoài lập chi nhánh.

Những cải cách cơ cấu then chốt khác bao gồm tự do hóa mậu dịch, tự do hóa tài khoản vốn, xem xét lại cơ cấu và quản lý doanh nghiệp, cải cách thị trường lao động.

Gần một tháng sau khi ký thỏa thuận, tiếp theo ba tuần tiền tệ và thị trường xáo trộn cộng thêm những lo ngại chương trình của IMF sẽ không thể giải quyết được những vấn đề kinh tế của đất nước và chính phủ không có khả năng thanh toán nổi số 16,3 tỷ USD nợ ngắn hạn (trong lúc chỉ có 10 tỷ đôla dự trữ ngoại hối), Hàn Quốc nhận được một khoản 10 tỷ USD khẩn cứu để ngăn chặn tuyên bố không trả được nợ.

IMF bị chỉ trích giải ngân quá chậm nhưng một phần là vì Mỹ muốn Hàn Quốc có thêm nhượng bộ trước khi nhận được đợt cứu trợ đầu tiên. Sau khi IMF và Hoa Kỳ đã đạt được mục tiêu, đợt tiền đó được xem như là món “quà Nôen”, đổi lại chính phủ phải đẩy nhanh cải tổ kinh tế:

- Đóng cửa các ngân hàng thương mại ốm yếu và hạn chế các tài sản bất trắc để hấp dẫn nước ngoài mua lại.
- Mở thị trường công trái vào cuối năm 1997.
- Thả nổi lãi suất.
- Mở thị trường nội địa cho xe cộ và các sản phẩm công nghiệp quan trọng khác của Nhật bản vào giữa năm 1999.
- Cho phép ngân hàng và thiết chế tài chính nước ngoài thành lập các chi nhánh sở hữu 100% trước thời hạn.⁵⁵

Dường như các chủ nợ không muốn bày tỏ thiện chí vào dịp Giáng sinh mà tận lực ép một quốc gia thất thế nhượng bộ ngay cả những thứ chẳng liên quan gì đến khủng hoảng kinh tế.

IMF lập tức bị chỉ trích tới tấp dữ dội. Ngay cả trước khi mặc cả xong xuôi, một bài xã luận của tờ *The Financial Times* ngày 27 tháng Mười một đã cảnh báo:

“Cả chính phủ và IMF phải hết sức thận trọng. Hàn Quốc lâm vào một cuộc khủng hoảng tài chính tư nhân chứ không phải loại vấn đề thanh toán do chính phủ gây ra mà IMF thường đối phó. Thâm hụt tài khoản vãng lai của Hàn Quốc thấp và đang giảm bớt và Hàn Quốc vốn vẫn có ngân sách cân bằng. Hạn chế nghiêm ngặt về tài chính có thể tác động không lợi cho việc điều chỉnh khu vực tư nhân. Chính phủ có thể vay mượn để tài trợ cho việc cứu giúp các ngân hàng của mình. Nhấn mạnh tăng thuế và giảm chi xem ra chỉ có hại”.

Thế nhưng đây chính là những gì mà IMF đề ra: hạn chế ngân sách, tăng thuế, giảm chi, siết chặt tiền tệ và tự do hóa tài chính hơn nữa.

Jeffrey D. Sachs, Giám đốc Viện phát triển quốc tế đại học Harvard phê phán kịch liệt IMF, cáo buộc tổ chức này bị mất hành động, “đòi hỏi tất cả ứng cử viên tổng thống cuộc bầu cử sắp diễn ra phải lập tức “ứng hộ” một thỏa thuận mà họ không tham gia soạn thảo và cũng chẳng có đủ thời gian để tìm hiểu”.⁵⁶

Sachs vạch rõ mâu thuẫn giữa biện pháp và kết quả mong muốn, theo chính lời của IMF, “hạn chế sự sụt giảm của tăng trưởng thực tế GDP... để đi tới phục hồi tiềm năng vào năm 1999”. Sachs viết :

“Đồng won giảm giá 80% trong 12 tháng qua, từ

840 ăn 1 USD xuống 1.565 ngày 10 tháng Chạp 1997. Tiền mất giá tất yếu làm giá cả hàng hóa tăng lên. Thế nhưng IMF nhất mực đòi Hàn Quốc phải nhằm mục tiêu cơ bản không thay đổi tỷ lệ lạm phát...(nhưng) để giữ lạm phát ở mức thấp trong tình hình đồng tiền bị mất giá quá nhiều, Hàn Quốc cần phải bóp nghẹt tiền tệ. Và đó chính là điều IMF buộc Hàn Quốc phải thi hành. Lãi suất ngắn hạn từ 12,5% tăng lên 21% ngay sau khi ký thỏa thuận và từ đó tiếp tục tăng lên”⁵⁷.

Các yếu tố đó hợp lại mau chóng gây nên một phản ứng dây chuyền co thắt nền kinh tế: tiền lưu thông không cung đủ, các công ty không chịu nổi lãi suất tín dụng cao, dân chúng mất việc làm, nhu cầu tiêu dùng giảm, v.v..

Thêm vào đó, nhằm đáp ứng các tiêu chí của BIS về tỷ lệ nợ trên tài sản, các thiết chế tài chính đang thua lỗ vội vã đóng cửa các cơ sở cho vay, không cho phép kéo dài các khoản vay hiện mắc và cố gắng tăng dự trữ nhằm hạ thấp tỷ lệ so với vốn liếng.

Các doanh nghiệp địa phương (kể cả số làm ăn có lãi) thấy nguồn cung cấp tín dụng cho họ khô cạn, các chủ nợ nước ngoài đứng trước mối đe dọa con nợ tuyên bố vỡ nợ và một nền kinh tế bị thu hẹp nhanh chóng, tất cả nổi kinh hoàng đó làm thế nào để “khôi phục và an định thị trường” như IMF dự kiến. Trong thực tế, cố gắng của IMF chẳng khác gì thổi bùng ngọn lửa và chỉ vài ngày sau khi ký thỏa thuận, mức còn chưa ráo thì đồng won đã sụt giá thêm.

Jeffrey Sachs gọi chương trình của IMF là “quá

tay”, nghĩa là chẳng đếm xỉa gì đến thực tế của một nền kinh tế “*được coi là (một cách dùng dẫn) theo đuổi các chính sách kinh tế vĩ mô tốt đẹp chỉ mới mấy tháng trước*”.⁵⁸ Sachs cho rằng lẽ ra IMF có thể có cách tiếp cận khác, kiểu trong nhà đóng cửa dạy nhau, khuyến khích Nhật bản, Hoa kỳ và châu Âu cung cấp tín dụng cho Ngân hàng Hàn Quốc và cho vay tiếp các khoản vay ngắn hạn.

Về phía khác, dường như Chính phủ Hàn Quốc không muốn tiết lộ tin tức, thổi phồng quá đáng lượng ngoại tệ dự trữ trong lúc thực ra nó đã cạn kiệt.

Đập tan các chaebol

Một trong những mục tiêu rõ rệt của IMF là giải thể *chaebol* - tức là các tập đoàn kinh doanh do những người trong cùng một gia đình điều hành, đi tiên phong trong sự tăng trưởng ghê gớm của Hàn Quốc và tăng cường sự hiện diện toàn cầu của nước này thông qua các gia huy lầy lừng của Daewoo, Hyundai và Samsung.

Như đã nói trên về hậu quả của các chính sách bành trướng, *chaebol* còn phải chịu trách nhiệm phần rất lớn gánh nợ của Hàn Quốc. Mặc dù *chaebol* không được lòng dân và công nhân, việc giải thể chúng không hẳn là một giải pháp đúng đắn, đặc biệt khi hậu quả phụ của nó là cho nghỉ việc hàng loạt và giảm sản lượng, ít nhất cũng là trước mắt.

Ở Hàn Quốc, các cải cách thị trường lao động đã gây ra sự phản đối chính phủ mạnh mẽ nhất. Nhớ lại

cuộc đấu tranh kéo dài năm 1996 chống lại việc chính phủ đưa ra dự luật cho phép sa thải công nhân (được giả định là để tăng hiệu năng), có thể cho rằng điều khoản đặc biệt được đưa ra với sự nhất trí của chính phủ và *chaebol* là nhằm tìm cách làm sống lại những cải cách mất lòng dân đã bị nghị viện bác bỏ để làm cho các xí nghiệp Hàn Quốc trở lên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài muốn sở hữu chúng.

Thư ký quốc tế Tổng công đoàn Hàn Quốc (KCTU) cho rằng: *"Chính công nhân mới là người phải gánh vác phần lớn hậu quả của bất cứ biện pháp nào của IMF chứ không phải là các quan chức chính phủ hoặc các vị lãnh đạo công ty những người đã gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế của Hàn Quốc"*.⁵⁹

Về phía các *chaebol*, họ cũng hết sức bất bình trước cách tiếp cận trịch thượng của IMF. Họ nói đã *"phát hiện Mỹ và Nhật bản thông lưng nhau nhằm sử dụng IMF để làm suy yếu sức cạnh tranh quốc tế của Hàn Quốc"*.

Chỉ mấy ngày trước khi được bầu làm tổng thống, Kim Dae Jung buộc tội chính phủ đã bỏ chủ quyền kinh tế để đổi lấy số tiền cấp cứu của IMF: *"Chịu cúi đầu trước áp lực, chính phủ đã phải mở thị trường vốn, khiến các ngân hàng và các doanh nghiệp lành mạnh khác phải bất lực trước sự xâm chiếm của bên ngoài"*.⁶⁰

Kim hứa sẽ thương lượng lại với IMF nếu được bầu. Năm ngày sau, tin tức tiết lộ IMF đã yêu cầu tất cả các ứng cử viên tổng thống trong cuộc bầu cử sắp tới, ký

vào một văn bản cam kết ủng hộ chương trình của IMF. Tất cả đồng ý, trừ một ông Kim có ý kiến ủng hộ thỏa thuận “*về nguyên tắc nhưng phải thương lượng lại thêm*”.⁶¹

Tuy chỉ được chính thức năm quyền từ ngày 28 tháng Hai 1998 nhưng ông Kim và các cộng sự đã trở thành các nhà thương lượng chính ngay từ khi được bầu. Mặc dù có vẻ như ông Kim tuân theo chương trình IMF, nhưng sự can thiệp ban đầu của ông phản ánh sự phản ứng mạnh mẽ của dân chúng đối với IMF, sự phản nộ đối với chính phủ và *chaebol* đã bành trướng một cách bừa bãi khiến các ngân hàng trống rỗng và tạo nên sự lệ thuộc vào tài chính ngoại quốc, chủ quyền kinh tế bị dâng cho IMF và Hoa kỳ, và công nhân sẽ phải chịu gánh nặng của cuộc khủng hoảng.

Martin Wolf viết trên tờ *The Financial Times* ngày 16 tháng Chạp 1997:

“Vấn đề không phải chỉ là liệu chương trình IMF giúp các nhà đương cục Hàn Quốc bảo đảm thanh toán nợ ngắn hạn có được đáp ứng không mà còn là liệu IMF có nên làm như vậy không? Điều quan trọng cần nhớ là các chủ nợ phương Tây lựa chọn cho các chaebol vay để rồi đột nhiên nhận ra rằng các con nợ của mình cháy túi. Họ lựa chọn cho các ngân hàng vay để rồi dường như chợt nhận ra rằng các con nợ này chịu ảnh hưởng nặng nề của chính phủ”.

Bất chấp những lời phê phán đó, cuối tháng Giêng 1998, 25 tỷ USD nợ ngắn hạn của Hàn Quốc được cơ cấu lại thành nợ trung hạn sau khi đạt được thỏa

thuận với một nhóm chủ ngân hàng thương mại ở thành phố New York, nhưng không phải trước khi chính phủ đưa ra bảo đảm sẽ chịu trách nhiệm 24 tỷ USD trong số tiền đó trong trường hợp các con nợ thuộc khu vực tư nhân mất khả năng thanh toán.

Hơn thế nữa, mặc dù có sự bảo lãnh của chính phủ, lãi suất tính cho số nợ được bố trí lại lịch thanh toán là từ 7% đến 9% trong lúc lãi suất cho vay quốc tế LIBOR (lãi suất cho vay liên ngân hàng London) chỉ là 5,6%, như vậy là tăng trung bình 2,5%.

Nỗi lo một chương trình cấp cứu giúp các nhà đầu tư nước ngoài khỏi chịu hậu quả của các quyết định đầu tư thiếu cân nhắc chỉ giản đơn khuyến khích họ tiếp tục con đường cũ (nói cách khác là liều lĩnh) đã thể hiện rõ ở Hàn Quốc. Được cứu thoát khỏi mối đe dọa con nợ mất khả năng thanh toán và tiếp theo sự nhất trí cho tạm đình trả nợ của các ngân hàng cho vay nhiều nợ, các nhà đầu tư nay lại đổ tiền của vào Hàn Quốc - hơn 500 triệu USD cổ phần và trái phiếu chỉ trong tháng Giêng và thị trường chứng khoán ở nước này đạt mức thành công nhất trên thế giới trong năm nay. Các nhà đầu tư được tiếp thêm sức mạnh của cải cách thị trường lao động, việc giải thể một cách hiệu quả các *chaebol* đã giành được một thị trường cấp tiến và cửa đầu tư mở rộng mà họ khao khát bấy lâu.

Tuy nhiên, sự phục hồi vẫn hết sức mong manh và sự tự do hóa tài chính hơn nữa sẽ có nguy cơ biến nền kinh tế Hàn Quốc từ chỗ dựa trên tiết kiệm nội địa thành con nghiện vốn nước ngoài, đặc biệt là đầu tư

tài chính và các nguồn vốn ngắn hạn khác. Điều đó có thể dẫn đến một cuộc khủng hoảng khác, tương tự như của Thái lan trong tương lai gần, một kịch bản đã được một số người Hàn Quốc khác và các nhà kinh tế, nhà nghiên cứu nước ngoài trao đổi với nhau.

Chú thích

39. Thalida Deen, "Hàn Quốc từ già thế giới đang phát triển", *Inter Press Service*, 30 tháng Chín 1997.
40. Vinod Ahuja, Benu Bidani, Fransisco Ferreira và Michael Walton, *Sự kỳ diệu của ai? Trở lại với nghèo khổ và bất công ở Đông Á*, (Washington: World Bank, 1997).
41. "Hàn Quốc từ già thế giới đang phát triển ..."
42. Các thông tin chi tiết hơn của cuộc khủng hoảng kinh tế Hàn Quốc, xin xem Walden Bello "Hàn Quốc: Nỗi đau của nền kinh tế con hổ cổ điển" và Ha Joon Chang "Hàn Quốc: Cuộc khủng hoảng bị hiểu sai".
43. Yilmaz Akyüz, "Cuộc khủng hoảng Đông Á: Trở lại với tương lai", UNCTAD, Geneva 1998 (truy cập từ UNCTAD trên mạng Internet).
44. Như trên.
45. Chossudovsky Michel, "IMF cấp cứu Hàn Quốc", 1 tháng Giêng 1998 (Email) Khoa kinh tế, Trường đại học Ottawa.
46. Như trên.
47. Phỏng vấn, yêu cầu khuyết danh, 15 tháng Hai 1998.
48. John Burton, "Cuộc chiến đấu sứt đầu mẻ trán tại bàn đàm phán về viện trợ IMF cho Hàn Quốc", *The Financial Times*, 3 tháng Chạp 1997.
49. Mặc dù trông có vẻ như một gói quà của Hội Chữ thập đỏ, trong thực tế đó là một khoản vay có lãi kèm theo nhiều điều kiện ngặt nghèo. Không một quốc gia nào đã từng không thanh toán một khoản nợ nào của IMF.
50. "IMF, thật bản viện trợ cho Hàn Quốc, một kỷ lục cho vay khẩn cấp", *Japan Economic Institute Report*, số 46B, 12

- tháng Chạp 1997.
51. Người ta cho rằng một lý do khiến Nhật bản rút lui dễ dàng đề nghị lập quỹ tiền tệ châu Á là vì nhận ra rằng họ có thể sớm cần tiền mặt ngay trong nước để thúc đẩy nền kinh tế của chính Nhật bản.
 52. “Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997”, Congressional Research Service Report, số 97-1021 E, tháng Mười một 1997, Thư viện quốc hội, Washington DC.
 53. Bản khái lược thỏa thuận cấp tiền của IMF cho chương trình kinh tế, 5 tháng Chạp 1997 (truy cập từ IMF trên mạng Internet).
 54. Như trên.
 55. “Seoul nhận món quà bất ngờ 10 tỷ USD cho vay”, *The Nation*, 25 tháng Chạp 1997.
 56. Jeffrey Sachs, “IMF là quyền lực tự thân”, *The Financial Times*, 11 tháng Chạp 1997.
 57. Như trên.
 58. Như trên.
 59. John Burton, “Triển vọng đau thương”, *The Financial Times*, 8 tháng Chạp 1997.
 60. “Người Hàn Quốc hỏi Ai là kẻ đáng trách?”, *The Nation*, 6 tháng Chạp 1997.
 61. John Burton, “Phản nộ về các điều kiện của IMF có thể làm tăng sức chống đối của Hàn Quốc”, *The Financial Times*, 11 tháng Chạp 1997.

4. Tác động về xã hội của cuộc khủng hoảng

Tác động về xã hội của cuộc khủng hoảng kinh tế và của các biện pháp áp dụng dưới áp lực của IMF là hiển nhiên ở cả ba nước của tài liệu nghiên cứu điển hình này tuy rằng phần lớn thông tin bước đầu vẫn còn mang tính chất chuyện kể và suy diễn. Nhiều nhà nghiên cứu tin rằng hậu quả chính của cuộc khủng hoảng dưới hình thức thất nghiệp và đói nghèo tăng lên sẽ chỉ biểu hiện rõ ở Hàn Quốc và Thái lan vào cuối năm 1998, trong lúc ít có ai muốn dự báo khi nào thì Indônêsia sẽ lâm vào tột cùng của khủng hoảng tuy rằng phần lớn những người chịu dự đoán nhận định phải mất vài ba năm xáo trộn về kinh tế và xã hội trước khi có sự chuyển biến.

Trong lúc rất khó tách rời tác động xã hội do bản thân khủng hoảng gây ra và các ảnh hưởng xã hội do chương trình IMF đề xướng tạo nên, người ta nói chung đều cho rằng chỉ đạo của IMF tăng lãi suất, tăng thuế và cắt giảm chi tiêu công cộng làm cho nền kinh tế càng bị co lại cả ở Thái lan và Hàn Quốc mặc dù IMF cho rằng phải làm như thế mới chống được lạm phát và ổn định được giá trị đồng tiền. Ở Indônêsia, do

Chính phủ Suharto không áp dụng nhiều cam kết với IMF trong các thỏa thuận tháng Mười 1997 và tháng Giêng 1998 nên hậu quả cụ thể của các biện pháp được IMF thông qua còn phải chờ xem.

Ở Thái lan và Indônêxia có một đội quân lao động thời vụ rất lớn mà các thống kê không thể nắm được hết. Tuy nhiên, chính lực lượng này dễ bị tổn thương nhất vì họ không có mạng an toàn xã hội hiệu quả; họ lại thường không có tay nghề, không có đất canh tác, có ít nguồn lực và phương tiện để kiếm việc làm thay thế.

Tình hình ở Hàn Quốc khác hẳn vì khu vực chính thức ở đây có lực lượng lao động được đào tạo tốt hơn và ít có thất nghiệp. Thế nhưng, ảnh hưởng trước mắt của việc giảm giá trị đồng tiền, suy thoái kinh tế và ảnh hưởng lâu dài của các cải cách cơ cấu do IMF đưa ra chắc chắn là rất lớn.

Thái lan

Cuối những năm 1960, 57% nhân dân Thái sống dưới mức nghèo khổ. Trước cuộc khủng hoảng này, tỷ lệ đó là 13%.⁶² Mặc dù tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong những thập kỷ qua, vẫn còn 8 triệu người Thái sống dưới mức 2 USD một ngày: họ không được hưởng lợi từ phát triển kinh tế và nay là trong số những người đầu tiên chịu đau khổ từ suy thoái.

Hầu như mọi lĩnh vực của nền kinh tế đều bị ảnh hưởng bởi sự xuống dốc quá đột ngột, hàng nhập khẩu tăng giá nhanh, lãi suất tín dụng lên vùn vụt, các

doanh nghiệp thua lỗ và chi tiêu của chính phủ bị cắt giảm.

Số thất nghiệp vào cuối năm 1997, tính một cách bảo thủ nhất là 1,4 triệu và sẽ lên đến 2 triệu vào nửa đầu năm 1998. Tuy nhiên, những ước tính khác là 2,9 triệu vào cuối năm 1997 trong số 29 triệu lực lượng lao động.⁶³ Đứng hàng đầu danh sách bị tổn thương đó là 15.000 nhân viên của 58 công ty tài chính bị đóng cửa theo hối thúc của IMF.⁶⁴ Các nhà phân tích cho rằng sẽ có đến 200.000 nhân viên ngành tài chính mất việc sau khi cơ cấu lại lĩnh vực này.⁶⁵

Các quan chức Bộ Lao động Thái lan nói tại một cuộc hội thảo gần đây ở Trường đại học Rangsit rằng 62.000 công nhân bị mất việc do kết quả trực tiếp của cuộc khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, số liệu này chắc chắn là quá thấp bởi vì nó chỉ dựa vào báo cáo hàng tháng của các công ty gửi cho Bộ Phúc lợi xã hội về số công nhân buộc phải nghỉ việc chứ không bao gồm số người làm việc trong khu vực không chính thức.⁶⁶

Nền kinh tế “bong bóng” bị vỡ dường như gây tổn thất cho nền kinh tế thực nhanh hơn người ta dự kiến. Vào nửa cuối năm 1997, phần lớn các công trình xây dựng ở Băng cốc bị đình lại để lại trên nền trời thủ đô những tháp bê tông dở dang xấu xí và trả lại hàng ngàn công nhân cho một nền kinh tế bị thu hẹp. Theo các tổ chức phi chính phủ thì trung bình mỗi làng trong số 60.000 làng của Thái lan vào cuối tháng Chạp có năm công nhân trở về.⁶⁷

Việc lũ lượt quay về với kinh tế nông thôn đã được

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

nhiều người chứng kiến, trong số đó có một nhà nghiên cứu xã hội ở tỉnh Pichit, cách Băng cốc ba tiếng đồng hồ xe buýt. Ông ta thấy *"khá nhiều công nhân xây dựng nay đang làm đồng. Họ bị sa thải, mất tinh thần và đói khổ"*.⁶⁸

Trong một cuộc điều tra những người thất nghiệp ở tỉnh Nan, cực bắc Thái lan, nhà nghiên cứu này tìm thấy *"chừng 80% số người được hỏi trở về làng từ tháng Chạp 1997 vì khủng hoảng kinh tế"*.⁶⁹

Những số liệu này khớp với số liệu của những nhà nghiên cứu khác. Chẳng hạn, ở làng Sap Poo Pan, Đông Bắc Thái lan, vùng có nhiều người di cư trong nước nhất - các nhà nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới phát hiện thấy trong số 260 dân làng có 110 người di làm ăn xa xứ và trong số này đã có 40 người trở về làng vào cuối tháng Giêng 1998.⁷⁰

Tháng Chín 1997, Thanong Bidaya, Bộ trưởng tài chính lúc đó dự kiến sẽ có khoảng một triệu người mất việc làm trong cuộc suy thoái đang đến. Đó là một ước tính thấp vì có những nguồn khác cho biết trong số lực lượng lao động 29 triệu người, có tới 2,9 triệu sẽ bị mất việc làm vào cuối năm 1997.⁷¹

Các số liệu của chính phủ cho thấy có 80.000 công nhân bị cho thôi việc kể từ giữa năm 1997 đến tháng Hai 1998 và theo chuyên gia về lao động, tiến sĩ Nikhom Chandravithun, phải cộng thêm 2 triệu người không có việc làm cùng năm đó do những nguyên nhân khác, không phải là khủng hoảng tài chính.⁷²

Nền kinh tế bị co lại đã đưa tới sự bùng nổ các cuộc

Thuần dưỡng những con hổ

phản kháng mà cả người Thái và thế giới đều tận mắt như cuộc nổi dậy của các công nhân làm ở nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô ngày 21 tháng Giêng 1998. Những người phản đối ngăn con đường cao tốc đồng xe cộ Bangna-trat để phản đối thông cáo của công ty định sẽ không trả tiền thưởng đã hứa từ lâu mà công nhân trông đợi để đổi đời cuộc sống.

Tiếp theo là nhiều giờ xung đột giữa công nhân với cảnh sát và những người đi xe để cuối cùng chấm dứt với việc 54 công nhân bị lừa lên các xe cảnh sát giống như những tù nhân chiến tranh. Đối với cả người Thái và cộng đồng quốc tế, hình ảnh trên máy thu hình của sự kiện này trông giống như ở Hàn Quốc hơn là ở Thái lan và như là điềm báo trước những sự việc chẳng lành sẽ xảy ra.

Lĩnh vực xây dựng trước đây sử dụng tới 1,5 triệu công nhân bị thiệt hại nặng nề nhất, chẳng những gây tổn thất cho công nhân ngành xây dựng mà còn cho công nhân của các ngành công nghiệp khác cung ứng cho lĩnh vực bất động sản.

Tháng Giêng 1998, Chính phủ Thái lan công bố ý định đưa trở về nước con số ước tính 600.000 công nhân ngoại quốc, phần lớn là người Mianma, làm việc với đồng lương thấp ở các ngành ngư nghiệp, nông nghiệp và xây dựng để lấy chỗ cho công nhân Thái mất việc trong các cơ sở công nghiệp ở đô thị. Hạn cuối cùng là tháng Sáu 1998, sau thời gian đó các giấy phép lao động sẽ không gia hạn cho công nhân nước ngoài nữa.

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

Tháng Hai, một sự kiện đầy kịch tính diễn ra ngay trước ống kính máy thu hình CNN, khi 100 người Mianma, cả đàn ông, đàn bà và con nít bị quân đội Thái xua đi bộ ba tiếng đồng hồ từ thủ phủ tỉnh Karnchanaburi đến biên giới Thái - Mianma. Liệu chính phủ có thể hồi hương được những người lao động nhập cư hay không và liệu công nhân Thái có sẵn sàng làm những công việc với đồng lương rẻ mạt đó không, vẫn còn là một ẩn số. Rõ ràng khó mà phân biệt nổi những ai rời bỏ Mianma vì không muốn sống trong chế độ độc tài với những ai đơn thuần chỉ vì mưu sinh. Một số trở thành người tị nạn, một số là công nhân nhập cư nhưng tất cả đều thấy cuộc sống trong đất nước mình khó chịu đựng nổi.

Chưa có số liệu tin cậy nào về số công nhân xây dựng bị mất việc. Ngoài số công nhân nhập cư và bất hợp pháp, nhiều người lao động trong ngành xây dựng là thời vụ, vào thành phố kiếm việc làm vào mùa khô.

Vào những năm phồn thịnh, hơn 6 triệu lao động nông thôn tìm đến Băng cốc và nay nhiều người đã trở về làng, làm nảy sinh vô số vấn đề: chẳng những các gia đình mất nguồn thu nhập mà còn thêm miệng ăn. Mặt khác, lại có những báo cáo cho rằng người tha hương cầu thực sung sướng được trở về quê cha đất tổ và những ai vẫn còn đất đai thì vẫn có phương kế mưu sinh.

Quả thực, các nhà xây dựng chính sách Thái lan nay đặt hy vọng vào một sự trỗi dậy lại của nền kinh tế nông thôn để kéo Thái lan ra khỏi tình trạng kinh

Thuần dưỡng những con hổ

tế tri trệ, thu hút hàng trăm ngàn công nhân công nghiệp và công nhân xây dựng không có công ăn việc làm và duy trì được sự ổn định của xã hội.⁷³

Mặc dù nông nghiệp chỉ chiếm chưa tới 20% giá trị xuất khẩu nhưng nó lại thu hút hơn 50% lực lượng lao động. Nhưng như Voravidh Charoenlert, nhà kinh tế học và chuyên gia về lao động của Trường đại học Chulalong korn nhận xét:

“Cũng như trong quá khứ, nông thôn Thái lan sẽ thu hút số lao động thặng dư do công nghiệp suy thoái. Tuy nhiên, điều đó làm cho dân làng về lâu dài sẽ nghèo hơn, vì có thêm nhiều người hơn chia sẻ vốn chỉ từng ấy nguồn lực.”⁷⁴

Lẽ ra sản phẩm nông nghiệp của Thái lan phải có sức cạnh tranh hơn vì đồng tiền mất giá, nhưng đến cuối tháng Ba cán cân mậu dịch được cải thiện gần như hoàn toàn do giảm nhập khẩu. Khủng hoảng kinh niên về tiền mặt trong khu vực nông nghiệp giảm bớt tuy vẫn có nhu cầu rất lớn về nhập các sản phẩm đầu vào.

Dù sao, xuất khẩu gạo của Thái lan vẫn được trông đợi là cao nhất từ nhiều năm nay vì các nước như Indônêsi-a, Malaysia, Trung Quốc bị hạn hán do ảnh hưởng của El Nino. Bất hạnh là số cầu của thế giới càng lớn thì thị càng đẩy giá gạo trong nước lên cao, làm cho đời sống người nghèo thêm khó khăn, đặc biệt là dân nghèo ở thành thị, nơi giá lương thực cao nhất.

Cắt giảm mạnh ngân sách

Việc IMF hối thúc phải có thặng dư ngân sách (sau đó được duyệt lại cho phép thâm hụt 1-2%) đã khiến ngân sách bị cắt giảm mạnh (xem bảng 2) tất cả lĩnh vực chi tiêu công cộng bao gồm y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, lao động và phúc lợi - những lĩnh vực hoạt động chủ chốt của chính phủ đặc biệt trong thời kỳ suy thoái, xáo trộn xã hội và thất nghiệp gia tăng.

Đầu năm 1998, Quỹ hội phát triển trẻ em tiến hành điều tra 143 học sinh trung học được học bổng thuộc năm tỉnh, có bố mẹ là công nhân thời vụ các nhà máy hoặc công nhân xây dựng.⁷⁵ Phần lớn họ không có đất canh tác nên hoàn toàn phụ thuộc vào đồng lương. Tỉnh trung bình mỗi tháng công nhân gửi cho gia đình từ 1000 đến 3000 bath để chi tiêu vào giáo dục, thuốc men, áo quần và đầu vào sản xuất nông nghiệp.

Tài liệu điều tra cho thấy trong số 143 học sinh thì 10 em có bố mẹ bị cho thôi việc, 11 em có một người trong gia đình thu nhập bị giảm và 19 người không còn việc làm vì xí nghiệp đã đóng cửa.

Ảnh hưởng đối với trẻ em thấy rõ. Giá xe buýt tăng gấp đôi, từ 3 lên 6 bath, một bát mì từ 5 lên 7 bath, vị chi tăng từ 8 lên 10 bath trong lúc thu nhập của gia đình bị giảm đi. Đồng thời, do các biện pháp khắc khổ IMF đưa ra, tiền trợ cấp sữa và ăn trưa ở trường học giảm 40 - 50%.⁷⁶

Thuần dưỡng những con hổ

Hoàn cảnh của những người định cư ở các khu nhà ổ chuột ở Băng cốc còn bi đát hơn. Những gia đình đó không có đất để trở về dung thân, quan hệ với đời sống nông thôn đã bị gián đoạn hoặc chẳng còn mấy nổi. Theo những gì được thuật lại thì việc sử dụng ma túy tăng lên, giá chất gây nghiện lại giảm xuống vì có nhiều người hơn quay ra buôn bán amphetamin để kiếm sống. Và dường như nhiều phụ nữ, thanh nữ buộc phải bán thân nuôi miệng.

Do đó, cảm giác chung là hàng ngàn gia đình mất sinh kế, hoặc thu nhập giảm sút nghiêm trọng trong lúc đời sống đắt đỏ hơn vì giá lương thực, nhiên liệu và các dịch vụ cơ bản tăng lên. Gạo tăng giá gấp đôi, từ 25 lên 50 bath một kilôgam, chủ yếu do tình trạng thiếu gạo của thế giới đã làm tăng giá gạo xuất khẩu và kéo theo giá gạo trong nước.

Đa số các hộ nông dân ở Thái lan đã phải mua gạo cho nên ngay cả số hộ có đất cũng chịu tác động của giá cả leo thang. Thêm vào đó, mùa vừa rồi ở Thái lan rất ít mưa, các hồ thủy lợi lớn chỉ có một phần ba lượng nước, ảnh hưởng tai hại đến sản xuất thóc gạo chung.

Toàn bộ hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế và hạn hán chỉ bắt đầu lộ rõ vào tháng Chín và tháng Mười 1998 khi các gia đình đã hết lương thực dự trữ và buộc phải mua gạo giá cao lúc giáp hạt để tồn tại cho tới vụ mùa mới.

Theo Hội đồng kinh tế xã hội châu Á - Thái bình dương (ESCAP), hễ giá gạo tăng 10% thì số người bị

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

lâm vào cảnh đói nghèo tăng 1%.”⁷⁷ Ước tính một cách khiêm tốn nhất theo những số liệu đó thì số người rơi xuống hàng ngũ đói nghèo cùng cực hay còn gọi là tuyệt đối tăng thêm 5% đơn thuần do giá gạo tăng, chưa nói gì tới thất nghiệp tăng, đồng lương giảm và dịch vụ của các cơ quan nhà nước bị thu hẹp.

Ngân hàng Thế giới làm dịu cơn đau

Năm tháng sau khi thỏa thuận với IMF được ký, WB cử một nhóm quan chức tới Thái lan để điều tra ảnh hưởng xã hội của khủng hoảng và xác định những lĩnh vực WB có thể giúp đỡ. WB dự tính tham gia giải quyết những hậu quả về xã hội bằng cách thiết lập một Quỹ đầu tư xã hội (SIF) 300 triệu USD sẽ được giải ngân một phần qua chính phủ và phần còn lại trực tiếp cho các cộng đồng thông qua Ngân hàng tiết kiệm.

Các khoản vay của WB với lãi suất từ 7 đến 8%, sẽ được sử dụng để hỗ trợ các chương trình hiện hữu của chính phủ đang bị ảnh hưởng vì cắt giảm ngân sách như cơ sở hạ tầng, y tế, môi trường, giáo dục hoặc các dự án do cộng đồng hoặc chính quyền cơ sở đảm đương. Các cộng đồng sẽ nhận được tiền của SIF dưới hình thức viện trợ cho không, nhưng lại do chính phủ chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều mỉa mai của SIF là nó được sử dụng để làm dịu bớt tác động của sự cắt giảm ngân sách triệt để do các điều kiện của IMF đặt ra. Mặt khác, do các địa phương của Thái lan còn đầy rẫy tham nhũng và đặc

Thuần dưỡng những con hổ

**Bảng 2 Ngân sách quốc gia Thái lan,
tháng Giêng - Chạp 1998, triệu bath**

<i>Chương trình</i>	<i>Ngân sách dự chi</i>	<i>Ngân sách thực chi</i>	<i>% cắt giảm</i>
Ngân sách trung ương	82.051,6	76.590,0	-6,7
Văn phòng chính phủ	7.993,7	6.588,3	-17,6
Quốc phòng	105.238,4	80.998,6	-23,0
Tài chính	44.797,9	42.753,0	-4,6
Ngoại giao	4.131,9	3.503,2	-15,2
Nông nghiệp	80.864,7	62.580,5	-22,6
Giao thông	102.108,1	67.786,4	-33,6
Thương mại	4.364,6	3.746,8	-14,2
Nội vụ	178.540,3	132.710,2	-25,7
Lao động & phúc lợi	11.158,2	9.437,2	-15,4
Tư pháp	5.962,5	5.289,1	-11,6
Khoa học & công nghệ	16.595,7	10.945,6	-34,0
Giáo dục	166.308,9	148.577,2	-10,7
Y tế công cộng	70.145,5	59.920,9	-14,6
Công nghiệp	5.461,7	4.057,3	-25,7
Đại học	39.337,4	32.900,9	-16,4
Các hạng mục khác	5.035,5	4.686,3	-6,9
Xí nghiệp của chính phủ	29.660,6	26.932,5	-9,2
Quỹ quay vòng	22.246,0	20.016,0	-10,0
TỔNG CỘNG	982.000,0	800.000,0	-18,5

Nguồn: Thai Post, 26 tháng Mười một 1997.

quyền đặc lợi, nên nếu tiền được chuyển thẳng cho các dự án cộng đồng thì có thể giúp khắc phục một số khiếm khuyết trong quá khứ.

Diễn đàn của người nghèo, một tổ chức quần chúng của các nhóm nông dân thuộc các vùng nghèo khổ nhất của Thái lan phê phán kịch liệt các biện pháp khắc khổ do IMF áp đặt và việc xã hội hóa nợ của tư nhân. Nhưng họ cũng coi cuộc khủng hoảng như một thời cơ để “hồi hương” và làm chậm bớt tiến độ đô thị hóa và công nghiệp hóa tưởng chừng không thể đảo ngược được, lấp khoảng cách giữa dân cư đô thị và nông thôn và phục hồi các giá trị truyền thống gắn với đời sống nông nghiệp và thôn dã.

Tuy nhiên, đang có mối lo là những lời hứa mà chính phủ của Chavalit đưa ra năm ngoái sau khi Diễn đàn này ngồi lì liên ba tháng trước dinh thự của chính phủ sẽ không được thực hiện vì thiếu ngân sách.

Đặc biệt, chính phủ đã cam kết hỗ trợ một chương trình nông nghiệp quốc gia sáng tạo cho các hộ nghèo và không có đất canh tác bằng việc dành ra 4 triệu hecta để sản xuất nông nghiệp bền vững (thay vì sản xuất để xuất khẩu), cung cấp cả đất đai lẫn đầu vào khác và huấn luyện. Chương trình này có thể hỗ trợ 8 triệu người, tương đương với số dân hiện sống dưới mức nghèo khổ được xác định là từ 1 USD đến 2 USD một ngày.

Mặc dù việc mở rộng cơ hội việc làm ở vùng nông thôn là cấp bách và rõ ràng phải khắc phục hậu quả của hơn 20 năm công nghiệp hóa nghẹt thở, đường

như chương trình khắc khổ sẽ không cho phép có một ngân sách thích đáng để giải quyết vấn đề này.

Indônêsia

Trong số ba nước được đưa vào tài liệu nghiên cứu này, cho đến nay, Indônêsia là nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất, chịu sự tàn phá của khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng chính trị - có tác động tăng cường lẫn nhau, tạo ra một cơn xoáy lốc của sự bất ổn định, nghèo khổ và bạo loạn ngày càng gia tăng, và sự bó tay của chính phủ, tất cả đều không hề có dấu hiệu nào của sự kết thúc. Ảnh hưởng về mặt xã hội của cuộc khủng hoảng ở Indônêsia đã trở nên bức xúc và sâu sắc, làm lộ rõ những vấn đề xã hội nghiêm trọng trước đây từng bị che đậy bởi sự ổn định kinh tế chỉ ở mức tương đối.

Các số liệu ước tính về tình trạng thất nghiệp và bị dân việc ở Indônêsia rất khác nhau, vì thế phải thận trọng khi sử dụng chúng. Một bài phóng sự trên báo cho biết, từ khi cuộc khủng hoảng bắt đầu nổ ra cho đến nay, 6,6 triệu người đã bị mất việc làm, trong khi thống kê chính thức của chính phủ chỉ là 2,5 triệu. Một tổ chức bảo vệ quyền lao động của Indônêsia ước lượng có khoảng 4 triệu người phải tạm thời việc từ tháng Bảy 1997 đến tháng Hai 1998, và trong số 28.000 công nhân thuộc 48 nhà máy thì có tới 10% bị mất việc làm tính cho tới cuối tháng Giêng.

Các số liệu này chỉ thống kê số người bị mất việc làm chứ không tính số người đã bị thất nghiệp trước

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

thời điểm cuộc khủng hoảng nổ ra, hay số lượng khoảng 2,5 triệu người được sung vào lực lượng lao động hàng năm.⁷⁸ Đầu năm 1998, Hiệp hội tri thức hội giáo Indônêxia (ICMI) nêu tổng số thất nghiệp trong cả nước là 12 triệu người.⁷⁹

Những người hiện đang có việc làm phàn nàn về việc bị cắt lương thêm giờ, vì thế họ chỉ vừa đủ để tồn tại với mức lương tối thiểu của khu vực Jakarta là 5.700 rupiah một ngày. Đây là mức lương được giữ nguyên từ tháng Tư 1997 đến nay. Nhiều người khác, do nhà máy không có việc làm, phải ở nhà với mức lương tối thiểu hoặc thậm chí ít hơn thế.

Theo thời giá hiện hành, mức lương tối thiểu trị giá khoảng 63 xu Mỹ (40 xu Anh) một ngày. Tính lương theo đồng đôla Mỹ thì Indônêxia có lẽ là nước có giá nhân công rẻ vào loại nhất thế giới, thế nhưng bất kỳ sự bùng nổ nào về hàng xuất khẩu cũng sẽ bị kìm hãm lại bởi khủng hoảng tiền tệ trong lĩnh vực ngân hàng và sự hoang mang của các nhà đầu tư trước tình trạng bất ổn về xã hội và chính trị đang diễn ra.

Giá cả các mặt hàng thiết yếu như gạo, dầu ăn và đường đều đã tăng thêm 20-100% và giá xăng dầu cũng sẽ tăng thêm 25% nếu chính phủ thi hành yêu cầu của IMF là phải cắt bỏ các hình thức trợ giá nhiên liệu vào ngày 1 tháng Tư 1998. Giá nhiên liệu tăng mạnh sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tức thời đối với giá lương thực, lan truyền mối lo ngại trong dân chúng về sự bất ổn định xã hội ngày càng trầm trọng.⁸⁰

Tính theo đôla Mỹ, GDP bình quân đầu người giảm

từ 1.000 đôla xuống còn 230 đôla, trong khi tỷ lệ lạm phát hàng năm ở thời điểm tháng Hai 1998 ước tính khoảng 32%, cao hơn hẳn mức dự đoán của IMF chỉ là 20%. Lạm phát của riêng tháng Hai là 12,7% và tăng trưởng kinh tế dự tính sẽ giảm từ 2 đến 3% trong năm 1998. Ngân hàng Thế giới tuyên bố rằng trước khi cuộc khủng hoảng bùng nổ, tỷ lệ số dân sống dưới mức nghèo khổ đã giảm từ 60% năm 1970 xuống còn 11 % năm 1996, (mặc dù một số người khác lại cho rằng mức nghèo khổ đã bị hạ thấp xuống để làm cho tỷ lệ này giảm đi).⁸¹

Từ thời điểm bắt đầu cuộc khủng hoảng đến nay, quá trình này đã diễn biến theo chiều ngược lại. Các chuyên gia trong nước hiện đang đánh giá lại tỷ lệ nghèo khổ, và dự đoán rằng tới 30-40% số dân nước này sẽ bị tụt xuống dưới mức nghèo khổ vào cuối năm 1998.⁸² Tất cả những điều này là thực trạng của một quốc gia trước đây được cả Ngân hàng Thế giới và IMF xem là một mẫu mực của sự phát triển thành công.

Sự thiếu thốn ảnh hưởng đến những người nghèo nhất

Những mối lo ngại về sự thiếu thốn lương thực đang tỏ ra là đúng với thực tế. Nó kích thích đầu cơ và tích trữ, phá hoại các nguồn cung cấp lương thực và gây ra sự thiếu thốn thực sự. Điều tất yếu là người nghèo gánh chịu hậu quả nặng nề nhất, bởi vì họ không có đủ tiền để mua nhiều hàng hóa khi giá cả còn thấp, mà ngược lại phải trả giá cao hơn rất nhiều cho các nhu cầu tiêu dùng hàng ngày.

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

Giá sữa bột đến nay đã tăng gấp ba lần so với khi cuộc khủng hoảng bắt đầu nổ ra. Các gia đình nghèo đang buộc phải cho con cái họ ăn trà pha đường thay cho sữa.⁸³ Ngành chăn nuôi gia cầm, một nguồn cung cấp protein quan trọng, đang suy sụp vì ngành này phụ thuộc nặng nề vào thức ăn gia cầm và thuốc thú y nhập khẩu mà hiện nay Indônêsi-a không có đủ tiền để mua.

Những khó khăn của Indônêsi-a lại càng trở nên trầm trọng do thiếu hụt khoảng 10 đến 12 triệu tấn lúa - hậu quả của nạn hạn hán dưới tác động của hiện tượng El Nino. Giá gạo ở Jakarta tăng lên hai lần kể từ tháng Bảy 1997.

Mặc dầu thiếu thốn về lương thực có thể được hỗ trợ bởi nhập khẩu, nhưng chi phí nhập khẩu lại không cho phép và các nhà xuất khẩu nước ngoài trong mọi trường hợp đều không chấp nhận thư tín dụng do các ngân hàng của Indônêsi-a phát hành, khiến các hoạt động thương mại dần dần chững lại.⁸⁴

Sự phân nộ và giận dữ chung chủ yếu được đổ lên đầu thiếu số người Hoa theo Đạo Thiên chúa. Tại nhiều thị trấn và làng mạc, người Hoa là những nhà buôn và chủ các hiệu tạp hóa nên họ bị đổ lỗi là nguyên nhân làm cho giá cả tăng cao và gây ra nạn thiếu thốn lương thực và hàng hóa.

Tuy nhiên, các nguồn tin đáng tin cậy cho biết quân đội đã cố ý khuấy động tình cảm bài Hoa để đánh lạc hướng sự chú ý tới sự yếu kém của chính phủ.⁸⁵ Cho đến nay, trong số gần 30 vụ bạo loạn xảy

ra, năm người đã bị thiệt mạng và hàng trăm cửa hàng, nhà ở và nhà thờ bị phá hủy, song cộng đồng thiếu số người Hoa lại lo ngại rằng tình hình thậm chí sẽ trở nên tồi tệ hơn.⁶⁶

Giá cả hàng hóa nhập khẩu tăng vọt đã làm ảnh hưởng đến mọi ngành kinh tế và dịch vụ.⁶⁷ Thuốc và thiết bị y tế trở nên quá đắt không thể nhập khẩu được. Được biết, khoảng một nửa trong số trên 120 cơ sở y tế tại một nơi thuộc vành đai Jakarta đã phải đóng cửa do giá cả ngày càng tăng và nỗi lo người bệnh sẽ kiện các cơ sở này vì không cung cấp các dịch vụ y tế đạt yêu cầu. 70% lượng thuốc men hiện có được nhập khẩu từ bên ngoài và theo một nguồn tin của chính phủ cho biết thì số thuốc còn lại chỉ đủ để sử dụng trong vòng bốn tháng, trong khi đó giá của các dược phẩm được sản xuất trong nước và được chính phủ trợ giá một phần sẽ tăng mạnh do giá các mặt hàng hóa chất nhập khẩu cũng tăng lên. Các công cụ và thuốc tránh thai hiện cũng không được cung cấp đầy đủ.

Người nghèo sẽ bị ảnh hưởng bởi điều này. Các bệnh viện ở vùng nông thôn đều đã “trở lại với các biện pháp thô sơ”, dùng chỉ khâu làm bằng ruột và sử dụng lại các y cụ chỉ được phép sử dụng một lần. Các quan chức của Tổ chức y tế thế giới đã tỏ ý lo ngại rằng cuộc khủng hoảng sẽ dẫn đến một mức độ trầm trọng hơn của các bệnh như sốt và lao phổi.⁶⁸

Sản xuất lương thực giảm 4% vào năm 1997, và lần đầu tiên trong nhiều năm, Indônêxia bắt đầu phải nhập khẩu gạo.⁶⁹ Lúa mì cũng được nhập khẩu hoàn

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

toàn và 30% nhu cầu về đường và đậu tương - hai sản phẩm chủ lực cũng phải nhập khẩu.

Giá giấy tăng tới bốn, năm lần làm cho một số tờ báo phải ngừng hoạt động trong khi các báo khác phải tăng giá, giảm biên chế và cắt bớt số trang. Thiệt hại lớn còn diễn ra trong thu nhập của ngành quảng cáo, làm hạn chế toàn diện sự tiếp cận của công chúng với các nguồn thông tin, mà điều này lại mang tính chất sống còn đối với một đất nước đang trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc đến như thế.

Với cố gắng trước mắt của chính phủ nhằm tăng doanh thu từ xuất khẩu, thuế quan đánh vào mặt hàng gỗ đã giảm từ 200 xuống còn 10%, dẫn đến tăng nhanh việc khai thác gỗ rừng, tăng xuất khẩu gỗ chưa qua chế biến chấm dứt sự tồn tại của ngành công nghiệp gỗ dán trong nước.⁹⁰

Ngân hàng Thế giới cũng đã đổ vào Indônêsià tới 100 triệu đôla để làm giảm bớt tác động của cuộc khủng hoảng bằng cách tạo thêm "75 triệu ngày công cho các công việc được trả lương rẻ mạt trong khoảng thời gian còn lại của năm 1998". Tuy nhiên, đó chỉ là một phần trong nhiều kế hoạch tổng thể của Ngân hàng nhằm "giải ngân 4,5 tỷ đôla trong vòng ba năm tới cho các hoạt động điều chỉnh và các khoản vay để đầu tư vào các dự án hiện có và được dự tính".⁹¹

Các nhà phê bình, không có ấn tượng gì tốt đẹp với các biện pháp của Ngân hàng, đã vạch ra Ngân hàng và IMF từng cố gắng che đậy cho những khiếm khuyết ẩn sâu trong nền kinh tế, và liên tục thổi phồng

Thuần dưỡng những con hổ

Indônêsi-a như một hình mẫu phát triển.⁹²

Ông Rizal Ramli, người đứng đầu cơ quan nghiên cứu Econit cho rằng: *"Ngân hàng Thế giới luôn tìm cách làm hài lòng chính phủ bằng những lời lẽ đẹp đẽ khi nói về nền kinh tế Indônêsi-a. Những đánh giá tích cực đó lập tức làm cho các nhà quản lý vốn của nước ngoài đổ tiền vào cho vay, hầu hết các khoản vay đó là vay ngắn hạn"*.

Những người đã gặp Chủ tịch ngân hàng, ông James Wolfensohn, lại kết tội Ngân hàng là đã làm ngơ trước vấn đề tham nhũng, nạn gây bè kéo cánh và một hệ thống ngân hàng yếu kém để hết lời ca ngợi Indônêsi-a và tiếp tục cho chính phủ nước này vay tiền. Họ cho rằng sự ủng hộ của Ngân hàng đã không khuyến khích cải cách để xóa bỏ các độc quyền và đã đáp ứng cho cơn khát vay tiền của nước này.

Ngày 10 tháng Ba 1998, Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á khẳng định những điều kiện đặt ra cho chương trình này và tuyên bố quyết định hoãn khoản viện trợ 2,5 tỷ đôla cho đến khi Chính phủ Indônêsi-a đáp ứng đủ các tiêu chí về cải cách do IMF đưa ra. Đây chính là việc theo gót với quyết định của IMF tạm hoãn giải ngân khoản vay 3 tỷ đôla cho Indônêsi-a với những lý do tương tự.⁹³

Những khó khăn của Indônêsi-a mới chỉ bắt đầu. Các dự đoán về những diễn biến sắp tới đều bi quan. Một nhà lãnh đạo của NU - tổ chức quần chúng Hồi giáo lớn nhất ở Indônêsi-a nói: *"Nếu IMF và các chính phủ khác quan tâm đến người dân Indônêsi-a thì chúng*

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

*tôi còn có hy vọng. Nếu không, thất nghiệp sẽ tăng lên và dân chúng sẽ phải chịu nạn đói và sẽ dễ dàng bị kích động - gây mất ổn định trong xã hội, bạo loạn, v.v.. Và chính phủ phải luôn trong sạch - nếu nạn tham nhũng cứ tiếp diễn như hiện nay, chúng ta sẽ phải chứng kiến một sự bùng nổ. Chúng tôi rất lấy làm lo ngại”.*⁹⁴ Việc khôi phục lại niềm tin và sự ổn định trong nước đòi hỏi không chỉ loại bỏ các độc quyền.

Hàn Quốc

Ảnh hưởng về mặt tâm lý của cuộc khủng hoảng tại Hàn Quốc trước hết là một cú sốc, theo sau nó là sự bùng nổ tình trạng phản nộ dân tộc chủ nghĩa. Tuy nhiên, ảnh hưởng này là có thật nếu xét về sự giảm sút tuyệt đối trong sức mua thực tế của đồng tiền, hàng ngàn công ty nhỏ bị dón vào chân tường và buộc phải tiến hành một cuộc chuyển đổi sâu sắc trong quan hệ giữa chủ và thợ.

Một trong những điều kiện then chốt nhất của IMF là “cải cách thị trường lao động” để cho phép các công ty có quyền cho công nhân tạm nghỉ việc. Rõ ràng, đây là vấn đề được đeo đuổi từ tháng Giêng 1996 khi người ta định đưa ra một đạo luật nhằm tăng cường một cách mạnh mẽ các quyền của giới chủ đối với công nhân. Đã có một cuộc biểu tình phản đối và cuối cùng thì đạo luật đó đã bị rút lại để đến bây giờ lại tái hiện với tư cách là một trong những điều kiện về cải cách mà IMF đưa ra.

Thuần dưỡng những con hổ

Thất nghiệp sẽ là hậu quả chủ yếu của cuộc khủng hoảng, và một điều không có gì phải nghi ngờ là các biện pháp can thiệp của IMF đã làm tăng tình trạng mất việc làm và đóng cửa các doanh nghiệp, gây ra một cơn co thắt mạnh trong nội bộ nền kinh tế. Người ta ước tính rằng những tác động của suy thoái kinh tế kết hợp với hợp lý hóa công nghiệp có thể sẽ làm tăng rất nhanh (gấp hai hoặc gấp ba lần) tỷ lệ thất nghiệp hiện nay, từ 3% năm 1997 lên tới ít nhất là 6-7% năm 1998 (tức là ít nhất sẽ có thêm 1 triệu người bị thất nghiệp).

Nhiều nhà quan sát lo ngại rằng đến cuối năm 1998 con số thực tế có thể còn vượt quá hai triệu, chiếm khoảng 9% lực lượng lao động. Nguy cơ này đòi hỏi phải có sự tái điều chỉnh lớn cả về mặt tâm lý và xã hội trong một đất nước đã tự di lên bằng mồ hôi và đã quen với việc có công ăn việc làm đầy đủ. Các viện nghiên cứu lao động báo cáo rằng phụ nữ là những người đầu tiên bị sa thải, và những phụ nữ có con cái rất có khả năng sẽ là những người trước tiên bị cho thôi việc bởi vì các ông chủ cho rằng, "*gia đình họ cần có họ ở nhà*".⁹⁶

Theo Liên đoàn các nghiệp đoàn Hàn Quốc (KCTU),⁹⁶ kể từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng, ước tính mỗi ngày có khoảng 200 công ty phải đóng cửa, cao điểm nhất là ngày 5 tháng Giêng 1998 có tới 340 công ty phải đóng cửa.

Hậu quả là mỗi ngày có thêm khoảng 4000 công nhân thất nghiệp lang thang trên các đường phố. Thư

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

ký phụ trách các vấn đề quốc tế của liên đoàn còn chỉ ra rằng, trong khi các tập đoàn lớn, tức là các *chaebol* có đủ ‘chất béo dự trữ’ để vượt qua được những thời điểm khó khăn thì các xí nghiệp nhỏ và vừa vốn phụ thuộc vào chu chuyển tiền mặt và cũng sử dụng phần lớn công nhân là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Ngày 6 tháng Hai 1998, một thỏa ước ba bên đã đạt được giữa chính phủ, giới chủ và các nghiệp đoàn về việc hợp pháp hóa hình thức cho nghỉ việc tạm thời và được quốc hội thông qua. Thỏa ước này tạo điều kiện cho việc sa thải công nhân hàng loạt lần đầu tiên diễn ra tại nước này. Nhiều công nhân làm việc ở Hàn Quốc đã nhận thức được rằng IMF không phải là một cứu cánh của nền kinh tế mà là một lực lượng ở phía sau đang lợi dụng tình trạng thất nghiệp và bấp bênh về công ăn việc làm để thực hiện mục đích của mình. Trong các cuộc biểu tình phản đối của công nhân, IMF được phiên thành “I am Fired” (Tôi bị sa thải).

Theo thỏa ước ngày 6 tháng Hai, các công ty sẽ được phép cho công nhân tạm thời việc chỉ trong “những trường hợp khẩn cấp” như gặp khó khăn về tài chính, sáp nhập hoặc mua lại công ty, song thực tế nhiều nơi lại cho rằng việc xác định thế nào là “trường hợp khẩn cấp” sẽ do chủ quan chủ doanh nghiệp quyết định, đặc biệt là trong những thời điểm khó khăn như thế này. Tuy nhiên, lãnh đạo doanh nghiệp phải thông báo cho công nhân 60 ngày trước khi sa thải và chủ doanh nghiệp phải có trách nhiệm thuê lại những công nhân đã bị sa thải nếu công việc kinh doanh được cải

Thuần dưỡng những con hổ

thiện, mặc dầu điều này trong thực tế khó có hiệu lực.

Đổi lại cho sự nhượng bộ lớn này, các nghiệp đoàn lần đầu tiên giành được quyền tham gia vào hoạt động chính trị, kể từ đầu năm 1998. Cũng là lần đầu tiên, giáo viên cũng được phép lập nghiệp đoàn, kể từ tháng Bảy 1999 và các quan chức nhà nước được phép thành lập một "bộ phận tư vấn" bắt đầu từ đầu năm 1999.

Quy ổn định việc làm, bao gồm đóng góp của chính phủ, các doanh nghiệp và công nhân, là "lưới an toàn xã hội" duy nhất dành cho các công nhân bị sa thải, sẽ phải tăng lên tới mức 5000 tỷ won (3.2 tỷ đôla), cao hơn so với mức do chính phủ đề ra trước đây là 4400 tỷ won (2,8 tỷ đôla).

Tính hiệu quả của thỏa ước ký bởi KCTU - một liên minh nghiệp đoàn đối lập có tiếng nói lớn nhất đã bắt đầu bị nghi ngờ chỉ vài ngày sau khi ký khi ban lãnh đạo của liên đoàn bị những thành viên nghiệp đoàn giận dữ phế truất vì những thành viên này từ chối không tuân theo thỏa ước. Một số nghị sĩ quốc hội cũng tỏ ý nghi ngờ về sự thông qua trôi chảy của quốc hội và cho rằng những nhượng bộ trong vấn đề lao động là quá lớn và không thể chấp nhận được theo kiểu đã thỏa thuận được.

Đầu tháng Hai, một ủy ban đặc biệt phụ trách việc sắp xếp cơ cấu chính phủ đã công bố những kế hoạch nhằm giảm bớt 10.000 người trong tổng số biên chế 163.000, mặc dù con số giảm biên chế cuối cùng được dự đoán là có thể còn cao hơn. Cùng lúc đó, nội các chính phủ thông qua mười hai dự thảo luật nhằm đẩy

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

manh việc tái thiết các ngành công nghiệp và cho phép các công ty cho công nhân tạm thôi việc.

Sự cắt giảm ngân sách cũng là điều chưa từng có trong vòng 25 năm qua, mặc dù tại Hàn Quốc, chưa bao giờ tới mức trầm trọng như ở Thái lan. Thống kê ngân sách công bố đầu tháng Hai bao gồm việc cắt giảm chi tiêu về cơ sở hạ tầng xã hội, khoảng 13,1% so với những kế hoạch được đệ trình cuối năm 1997, tức giảm 4,2% so với năm trước.

Điều này sẽ buộc phải đình lại một số dự án cơ sở hạ tầng thuộc diện ưu tiên, trong đó có dự án Đường xe lửa cao tốc Pusan, bảy dự án tuyến đường cao tốc cấp vùng và dự án xây dựng các tuyến tàu điện ngầm mới tại thủ đô, ngoài việc phải tạm hoãn giải ngân cho dự án cảng mới.

Sự cắt giảm đáng kể ngân sách dành cho phát triển cơ sở hạ tầng có thể sẽ dẫn tới khả năng cạnh tranh quốc tế của Hàn Quốc bị suy giảm, cả trước mắt và lâu dài.

Tổng ngân sách điều chỉnh được công bố cho thấy chỉ tăng thêm có 3,3% so với năm 1997, đây là tỷ lệ tăng ngân sách hàng năm thấp nhất từ năm 1973 đến nay. Ngay cả ngân sách dành cho quốc phòng, ước tính chỉ tăng 1,8% (thấp hơn 15% so với mức yêu cầu), cũng là mức tăng thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Ngân sách dành cho giáo dục được dự tính là sẽ giảm 5,6% và nông - ngư nghiệp 10,4%, trong khi các kế hoạch tăng lương cho viên chức chính phủ thêm khoảng 3,5% lại bị hủy bỏ. Lạm phát trong năm 1998

Thuần dưỡng những con hổ

dự kiến sẽ vào khoảng 10-20%, cao hơn hẳn so với mục tiêu và dự đoán của IMF.

Một số người cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế là một cơ hội để cân nhắc lại và cải cách các quan hệ xã hội và các giá trị xã hội. KCTU, một tổ chức luôn chỉ trích mạnh mẽ IMF, các *chaebol* và chính phủ, tin rằng:

Nếu chúng ta có thể kiểm soát được hệ thống chaebol, đối phó được nạn tham nhũng và sự cấu kết giữa các thế lực trong nhà nước với giới kinh doanh, và các tập quán tài chính do nhà nước chỉ đạo, thì cuộc khủng hoảng hiện nay sẽ có thể là một cơ hội quý báu để tiến hành một cuộc cải cách thực sự và làm trưởng thành hệ thống chính trị, xã hội và nền kinh tế của Hàn Quốc.⁹⁷

Chú thích

62. WB, "Báo cáo văn tắt về đất nước Thái lan", tháng Chạp 1997 (truy cập từ WB trên mạng Internet).
63. "2,9 triệu người Thái có nguy cơ bị mất việc làm vào tháng Chạp", *Bangkok Post*, 1 tháng Chín 1997.
64. Hầu hết trong số 58 hãng sẽ không tồn tại, *Bangkok Post*, 7 tháng Chạp 1997.
65. Prangtip Daorueng, "Cuộc khủng hoảng mang lại nhiều khổ đau hơn cho công nhân", *Inter Press Service*, 26 tháng Chạp 1997.
66. Phỏng vấn ông Jaran Ditapichai, 13 tháng Ba 1998.
67. Số liệu từ Wanida Tantiwitthayaphitak, người phát ngôn cho Diễn đàn của người nghèo, Bangkok, 21 tháng Giêng 1998.
68. Phỏng vấn tiến sĩ Angkarb Korsieporn, Bangkok, 12

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

tháng Giêng 1998.

69. Phỏng vấn tiến sĩ Angkarb Korsieporn, Bangkok, 12 tháng Hai 1998.
70. WB, "Những phương tiện xã hội của cuộc khủng hoảng: Nhận thức của công đồng nghèo", *Bangkok Post*, 1 tháng Chín 1997.
71. "2,9 triệu người Thái có nguy cơ mất việc làm vào tháng Chạp", *Bangkok Post*, 1 tháng Chín 1997.
72. Phỏng vấn giáo sư Nikhom Chandravithun, Bangkok, 20 tháng Hai 1998.
73. "Nông dân chia bàn tay giúp đỡ", *Satya Sivaraman, Inter Press Service*, 17 tháng Chạp 1997.
74. Như trên.
75. Quỹ xã hội phát triển trẻ em, "Tiếng nói của những người thiệt thòi trong cuộc khủng hoảng kinh tế", Số 1: Dữ liệu về tình hình trẻ em và gia đình, tháng Hai 1998 (bằng tiếng Thái).
76. Như trên.
77. Hội đồng kinh tế và xã hội châu Á - Thái bình dương, "Tự do hoá kinh tế và nghèo khổ ở nông thôn: một nghiên cứu về hậu quả của thả nổi giá cả và cải cách thị trường ở các nước đang phát triển", Liên hợp quốc, New York, 1996, tr 170.
78. Duncan Green, "Cuộc khủng hoảng kinh tế Indônêsi", CAFOD, tháng Ba 1998.
79. Thống kê ước tính của Tổng thư ký Hiệp hội trí thức Hồi giáo Indônêsi nêu trong *Indonesia Observer*, 27 tháng Giêng 1998.
80. Duncan Green, *Sách đã dẫn*.
81. Thông tin truy cập từ Ngân hàng Thế giới, trên mạng Internet, 3 tháng Ba 1998.
82. Siddho Deva, Oxfam UKI, trao đổi riêng tư, 13 tháng Ba 1998.
83. Duncan Green, *Sách đã dẫn*.

Thuần dưỡng những con hổ

84. Báo cáo của Viện kinh tế Nhật bản, số 4B, 30 tháng Giêng 1998.
85. Bộ phận châu Á theo dõi quyền con người, "Khủng hoảng kinh tế dẫn đến việc người Hoa phải gào khóc chịu báng", 24 tháng Hai 1998.
86. Duncan Green, *Sách đã dẫn*.
87. Tôi chân thành cảm ơn Nurina Widagdo, người đã cung cấp cho tôi nhiều thông tin về ảnh hưởng xã hội của cuộc khủng hoảng tại Indônêsi-a.
88. "Lo ngại về một cuộc khủng hoảng sức khỏe tại Indônêsi-a", Tổng hợp báo chí, 8 tháng Ba 1998.
89. Kafil Yamin, "Thuốc men, lương thực biến thành xa xỉ phẩm trong bối cảnh khủng hoảng", *Inter Press Service*, 23 tháng Hai 1998.
Theo Overseas Merchandise Inspection (Nhật bản), Indônêsi-a là khách hàng chính mua gạo của Việt Nam. Trong tháng Tư 1998, Indônêsi-a nhập của Việt Nam 445.986 tấn, đưa tổng số gạo Indônêsi-a mua của Việt Nam lên tới 1.216.297 tấn trong bốn tháng đầu năm 1998. (*Chú thích thêm của bản dịch tiếng Việt*).
90. Chấm dứt hoạt động của các các ten kinh doanh gỗ dán là một trong những mục đích của IMF. Điều không may có thể xảy ra là các điều kiện của IMF trực tiếp dẫn đến việc khai thác tài nguyên một cách không bền vững.
91. Thông tin truy cập từ Ngân hàng Thế giới, trên mạng Internet, 13 tháng Ba năm 1998.
92. Kafil Yamin, "Ngân hàng Thế giới cung cấp viện trợ để giúp tạo việc làm song lại chỉ nhận được sự chỉ trích", *Inter Press Service*, 5 tháng Hai 1998.
93. "WB, ADB tạm hoãn viện trợ cho Indônêsi-a, Nhật bản đi trước", *Jakarta Post*, 11 tháng Ba 1998.
94. Duncan Green, *Sách đã dẫn*.
95. Ahn Mi Youg, "Phụ nữ phải ra đi trước tiên khi các công ty cắt giảm việc làm", *Inter Press Service*, ngày 3

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG

tháng Hai 1998.

- 96 “Tự do sa thải công nhân không hạn chế không hề là tự do”, Báo cáo của Liên đoàn các nghiệp đoàn Hàn Quốc chuẩn bị cho Đối thoại KCTU-IMF, 13 tháng Giêng 1998. Truy cập từ địa chỉ <http://kctu.org.news8.htm>.
- 97 “Viện trợ của IMF và cuộc khủng hoảng việc làm: Phản ứng của người lao động”, Liên đoàn các nghiệp đoàn Hàn Quốc, 11 tháng Mười hai 1997.

5. Vai trò của IMF

Sau khi can thiệp vào tình hình ở Thái lan, Indônêsi-a và Hàn Quốc, IMF thấy mình bị tấn công từ mọi phía. Đột nhiên, các tổ chức phi chính phủ và cánh tả tiến bộ, đã chỉ trích IMF từ khi quỹ này đưa ra các chương trình bình ổn tiền tệ vào đầu những năm 1980, tự thấy khó mà đồng hành với IMF.

Những lời chỉ trích này được phát ra từ một số nguồn đáng để ta kinh ngạc, trong đó có cả Jeffrey Sachs, một nhân viên cũ của IMF và là giám đốc của Viện phát triển quốc tế Harvard; Joseph Stiglitz - đứng đầu nhóm chuyên gia kinh tế của Ngân hàng Thế giới và cả từ những tờ nhật báo cứng rắn, bảo thủ như *Economist* và *The Financial Times*; các đại biểu Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ trong Quốc hội Mỹ; và thậm chí cả những người theo tư tưởng tự do mới triệt để như Martin Feldstein - Cố vấn trưởng kinh tế của cựu Tổng thống Mỹ Ronald Reagan và Milton Friedman thuộc Trường Chicago.

Các cuộc tranh luận rộng rãi về chủ đề và đặt lại các nội dung căn bản như hiệu suất và tính phù hợp của những lời khuyên về kinh tế của IMF, cách thức hoạt động của quỹ và các mối quan hệ của nó với cổ

đông lớn nhất là Mỹ.

Cũng có khi quỹ tư vốn rất dở

Các biện pháp thắt lưng buộc bụng của khu vực nhà nước do IMF áp đặt, như việc cắt giảm ngân sách, tăng lãi suất và tăng thuế, không phù hợp với hoàn cảnh của một cuộc khủng hoảng nợ trong khu vực tư nhân và thực tế còn làm cho những nền kinh tế mà quỹ muốn hỗ trợ bị co lại một cách nhanh chóng. Như Jeffrey Sachs nói: *“cuộc khủng hoảng tiền tệ không phải là hậu quả của việc các chính phủ châu Á chi tiêu hoang phí. Đây là cuộc khủng hoảng chủ yếu diễn ra trong các thị trường tài chính tư nhân thiếu điều tiết”*.⁹⁸

Trong khi đó, IMF lại áp dụng những biện pháp chính sách được thiết kế nhằm chế ngự việc chi tiêu quá mức của chính phủ mà lại không giải quyết vấn đề thực sự là sự thất bại của khu vực tư nhân.

Những yêu cầu về kinh tế vĩ mô mà IMF đưa ra đều nhằm để ổn định các đồng tiền và lấy lại chữ tín trên thương trường. Tại Thái lan, Hàn Quốc và Indônêxia, đồng tiền các nước này tiếp tục mất giá với tốc độ ngày càng tăng, ngay cả sau khi đã có sự can thiệp của IMF. Điều này cho thấy, các chính sách kinh tế của IMF vừa không trúng đích, vừa không có được tác động “kỳ diệu” khôi phục lòng tin của các thị trường và các nhà đầu tư.

Trong số những nước được nghiên cứu ở đây, duy

nhất chỉ Hàn Quốc là có những dấu hiệu phục hồi nếu căn cứ vào con số các nguồn đầu tư đổ vào trong nước (chủ yếu vẫn là đầu tư ngắn hạn và mang tính chất đầu cơ hơn là đầu tư dài hạn) và điều này xảy ra chỉ sau khi các ngân hàng chính cho Hàn Quốc vay tiền đồng ý kéo dài các khoản tín dụng tư nhân ngắn hạn với sự bảo lãnh của nhà nước.

IMF còn bị quy kết đã gây ra vấn đề “rủi ro đạo đức”, giúp cho cả những người cho vay và người đi vay tránh khỏi những hậu quả do những quyết định lựa chọn đầu tư kém khôn ngoan của họ gây ra, và như vậy có nghĩa là rất có thể họ sẽ tái phạm trong tương lai.

Quỹ cũng bị chỉ trích nặng nề vì đã hết sức nhiệt tình tháo khoán các nguồn vốn. Cuộc khủng hoảng ở châu Á là cuộc khủng hoảng của khu vực tư nhân, có liên quan đến tình trạng vay nợ quá nhiều từ các nguồn tài chính dễ tiếp cận, tiếp sau việc tự do hóa các tài khoản vốn bắt đầu từ những năm 1980. Vì thế, chính sách của IMF yêu cầu tự do hóa hơn nữa ngành tài chính và các luồng lưu thông tài chính là sai lầm và thực tế đã *“làm tăng thêm khả năng dễ bị tổn thương về mặt tài chính và đẩy các nền kinh tế này càng gần hơn với nguy cơ khủng hoảng trong tương lai”*.⁹³

Phát biểu tại Helsinki ngày 7 tháng Giêng 1998, người đứng đầu nhóm chuyên gia kinh tế của Ngân hàng Thế giới cho biết thêm rằng *“các thị trường tài chính không làm tốt việc lựa chọn những khách hàng*

có năng suất nhất để cho vay hay giám sát việc sử dụng các quỹ và các thị trường tài chính phải được kiểm soát".¹⁰⁰

Sự đau đớn do điều chỉnh không được san sẻ công bằng

Hiện có hai tiêu chuẩn song song về lãi suất cho vay "trong nước" và "ngoài nước". Các công ty trong nước bị phò mặc cho thị trường (chẳng hạn, IMF kiên quyết yêu cầu không cho phép nhiều thiết chế tài chính ở Indônêxia và Thái lan được nhận cấp cứu).

Trong khi đó, các nhà đầu tư nước ngoài lại được tăng cường các quyền sở hữu, có thể chuyển đổi nợ thành vốn cổ phần trong các doanh nghiệp châu Á đang trong nguy kịch và được tạo cơ hội để mua lại các doanh nghiệp khác với giá hạ đặc biệt nhờ có những thay đổi trong các quy định về sở hữu của phía nước ngoài gắn liền với chương trình cấp cứu của IMF.

Chương trình của IMF cho khu vực tư nhân cũng bị chỉ trích là đã xã hội hóa tình trạng nợ nần, làm cho chính phủ và nhân dân nói chung, tại châu Á và cả các quốc gia đóng góp chủ yếu cho IMF, phải gánh chịu sự thất bại của khu vực tư nhân.

Quỹ đã đi quá phạm vi quyền hạn cho phép và cần được cải tổ

Các nhà phê bình cho rằng IMF đã vượt quá chức trách của mình, như được quy định trong các Điều

Thuận dưỡng những con hổ

khoản thỏa thuận và đã đảm nhiệm vai trò của một sen đầm kinh tế toàn cầu, “*buộc quý phải hướng theo sự đồng thuận*”¹⁰¹ (trong trường hợp này là cái gọi là “sự đồng thuận Washington”).

Martin Feldstein, giáo sư kinh tế tại Trường đại học Harvard và đã từng là cố vấn của Tổng thống Mỹ Ronald Reagan, là người chỉ trích IMF rất gay gắt.

“Việc áp đặt những biện pháp kinh tế cụ thể đối với các chính phủ chân chính sẽ luôn luôn là một vấn đề nên hay không nên làm ngay cả khi các nhà kinh tế đều nhất trí về một phương pháp tốt nhất nhằm cải cách chính sách kinh tế của các nước. Tuy nhiên, trong thực tế, có những bất đồng lớn về việc cần hành động như thế nào”.¹⁰²

Ông Martin còn cho rằng quý không nên lợi dụng cơ hội trong khi các nước đang bị “đo ván” để bỏ qua những quy trình chính trị của các quốc gia và áp đặt những thay đổi về mặt kinh tế “*cho dù có thể có lợi như thế nào đi nữa cũng không cần thiết để giải quyết vấn đề cán cân thanh toán vì đó phải là trách nhiệm riêng của hệ thống chính trị của mỗi nước*”. Hơn nữa, “*mặc dù một quốc gia đang có nhu cầu cấp bách được hỗ trợ về mặt tài chính, thì đó cũng không phải là lý do tinh thần để IMF lấy các phán quyết kỹ thuật của mình thay thế cho kết quả của các quy trình chính trị của một quốc gia*”.¹⁰³

Cũng nên nhìn lại những Điều khoản thỏa thuận của IMF để có thể đánh giá sơ bộ liệu IMF đã đạt được những mục tiêu của mình hay chưa, ngay cả theo

những tiêu chí riêng của quỹ.

Các mục tiêu của Quỹ Tiền tệ quốc tế là:

- *thúc đẩy hợp tác quốc tế thông qua một thiết chế thường trực có trách nhiệm cung cấp một bộ máy tư vấn và cộng tác nhằm giải quyết các vấn đề tiền tệ quốc tế*
- *tạo điều kiện mở rộng và tăng trưởng cân đối hoạt động mậu dịch quốc tế, và nhờ đó góp phần vào việc tăng cường và duy trì ở mức cao việc làm và thu nhập thực tế và việc phát triển nguồn lực sản xuất của tất cả các nước thành viên, coi đó là những mục tiêu quan trọng nhất của chính sách kinh tế*
- *tăng cường ổn định ngoại hối, nhằm duy trì một cách có trật tự hoạt động giao dịch ngoại hối giữa các thành viên, và tránh việc phá giá tiền tệ để cạnh tranh*
- *hỗ trợ việc thành lập một hệ thống thanh toán đa phương phù hợp với hoạt động giao dịch tiền tệ giữa các nước thành viên và xóa bỏ các hạn chế về ngoại hối gây phương hại tới sự tăng trưởng của mậu dịch thế giới*
- *tạo niềm tin cho các nước thành viên bằng cách cung cấp cho họ những nguồn lực dự trữ của quỹ được bảo đảm an toàn, tạo cơ hội cho họ sửa chữa những mất cân đối trong cán cân thanh toán*
- *rút ngắn thời gian và giảm bớt mức độ mất cân bằng trong cán cân thanh toán của các nước thành*

viên.¹⁰⁴

Tóm lại, chẳng có điều nào liên quan đến mậu dịch và tự do hóa đầu tư, tư nhân hóa, đầu tư nước ngoài hay các biện pháp khắc khổ áp dụng cho khu vực nhà nước, song tất cả những nội dung đó đều đã trở thành yêu cầu chính của IMF tại châu Á. Tuy nhiên, Điều II có đề cập vai trò của quỹ trong việc thúc đẩy “*tăng số lượng việc làm và thu nhập thực tế*” - đây chính là những mục đích mà quỹ rõ ràng đã không thực hiện được tại Hàn Quốc, Thái lan và Indônêsiá.

Trong khi yêu cầu chính phủ và các hệ thống tài chính phải bảo đảm tính minh bạch, chính IMF lại bị chỉ trích là thiếu minh bạch và trách nhiệm. Một lần nữa, Jeffrey Sachs đi thẳng vào vấn đề: “*Tất nhiên, người ta không thể chắc chắn IMF hiện đang cố vấn cái gì bởi vì các chương trình của IMF và các tài liệu hỗ trợ đều được giấu kín, không đưa ra công khai. Chính sự bí mật đó làm mất lòng tin một cách nghiêm trọng*”.¹⁰⁵

Quỹ còn bị chỉ trích rằng trích thượng và áp dụng cùng một giải pháp cho mọi vấn đề. Theo Joseph Stiglitz, vấn đề chủ yếu là việc người ta tin rằng “*những khuyến nghị chính trị có thể là do các nhà kinh tế học đề ra dựa trên những phép tính đơn giản*”, dẫn đến tình trạng “*các nhà kinh tế bay đến một nước, xem xét và kiểm chứng các dữ liệu, rồi đưa ra những khuyến nghị kinh tế vĩ mô nhằm thực hiện cải cách chính sách, tất cả những công việc đó chỉ diễn ra trong khoảng thời gian một vài tuần*”.¹⁰⁶

Quy hoạch động vì lợi ích của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ

Cuối cùng là sự quan tâm có cơ sở về chính sách và các mối liên hệ của IMF với cổ đông lớn nhất của quỹ là Mỹ.

Trước sự phản đối trong nước đối với chương trình tự do hóa mậu dịch,¹⁰⁷ Chính phủ Mỹ đang phải trông cậy nhiều hơn vào các thiết chế như IMF và APEC để thúc đẩy các mục đích thương mại.

Charlene Barshefsky, trong bản điều trần trước Tiểu ban nhà ở và phương tiện mậu dịch đã mô tả những lợi ích của Mỹ có thể sẽ được IMF thúc đẩy hơn như thế nào: *"Nhiều thành phần cải cách cơ cấu trong các kế hoạch cải gởi của IMF sẽ trực tiếp góp phần cải thiện chế độ mậu dịch ở các nước này. Nếu được thực hiện một cách có hiệu quả, các chương trình này sẽ bổ sung và tăng cường các mục tiêu về chính sách thương mại"*.¹⁰⁸

Để làm rõ Mỹ sẽ không cho phép có sự cạnh tranh, Barshefsky nói tiếp: *"Sự ủng hộ dành cho IMF ... hàm ý một thông điệp rằng Mỹ sẽ tiếp tục dẫn đầu trong nền kinh tế thế giới"*.¹⁰⁹

Phó giám đốc điều hành thứ nhất của IMF, Stanley Fischer, nhấn mạnh lại quan điểm này trong một bài phát biểu đầu năm nay khi đề cập mục đích chủ đạo của IMF, đồng thời trích dẫn những điều khoản thỏa thuận của IMF: *"Tạo điều kiện ... tăng trưởng cân đối hoạt động mậu dịch quốc tế, và nhờ đó góp phần*

vào... đạt mức cao việc làm và thu nhập thực tế” rồi bổ sung thêm ý kiến riêng của ông ta, “chúng tôi đã kiên trì đẩy mạnh tự do hóa mậu dịch”.¹¹⁰ Có một sự tương đồng tuyệt đối giữa quan điểm quốc tế của IMF và cổ đông lớn nhất của quỹ là Mỹ.

Mỹ còn phải chịu trách nhiệm về việc đã gạt bỏ đề nghị của Nhật bản cho thành lập một Quỹ tiền tệ châu Á (AMF) với số vốn 100 tỷ đôla nhằm mục đích đối phó với tình trạng không ổn định của tiền tệ và thị trường trong khu vực.

Nhật bản có những lý do chính đáng để đặt cược: các ngân hàng của Nhật bản đều có quan hệ chặt chẽ với các thị trường Thái lan, Hàn Quốc và Indônêsi-a và việc ổn định các thị trường tiền tệ chao đảo này nằm trong lợi ích của Nhật bản. Gia dĩ, nền kinh tế Nhật bản hòa nhập sâu sắc với các nước láng giềng nên nếu xảy ra sự suy thoái hoặc sụp đổ kinh tế ở các nước láng giềng thì sẽ lập tức gây tác động trong nước.

Trong thời gian qua, Nhật bản đã khuếch trương một mô hình phát triển mang đậm nét châu Á trong quan hệ của Nhật bản với các thiết chế tài chính như IMF và Ngân hàng Thế giới. Luận cứ chủ yếu của Nhật bản là “sự đồng thuận Washington” về việc nhanh chóng xóa bỏ điều tiết, hạn chế vai trò của nhà nước và tự do hóa các nguồn chu chuyển vốn có thể không phải là hướng đi tốt nhất cho các nước ở châu Á, là những nước đã theo mô hình phát triển do nhà nước lãnh đạo, và rằng cắt đứt những liên hệ giữa nhà nước với ngành công nghiệp ở một bên và với các ngân hàng

ở bên kia sẽ không dễ được chấp nhận về mặt chính trị và có thể sẽ không đạt được những kết quả như mong muốn.

Tóm lại, Quỹ tiền tệ châu Á được hình dung sẽ linh hoạt hơn, bớt giáo điều hơn và "châu Á" hơn so với IMF. Ý tưởng về một Quỹ tiền tệ châu Á xem ra là một ý kiến hay nếu như nó không nhằm bất kỳ một lý do nào khác mà là xóa bỏ sự độc quyền của IMF về tư duy kinh tế kinh tế và mở rộng thị trường cho những ý tưởng và những kiểu thức kinh tế mới.

Trong bối cảnh đó, Nhật bản bị buộc phải rút lại đề nghị của mình với lý do là *"có sự phản đối mạnh mẽ từ phía các quan chức Bộ Tài chính Mỹ, đặc biệt là Thứ trưởng Lawrence Summers và Quỹ Tiền tệ quốc tế... Thay vào đó, họ khẳng định lại vai trò trung tâm của IMF trong kế hoạch cứu trợ tài chính cho châu Á"*.¹¹¹

Diễn biến của cuộc khủng hoảng có thể đã đổi khác rất nhiều nếu như Quỹ tiền tệ châu Á đã kịp chào đời. AMF có thể sẽ có các điều kiện linh hoạt hơn trong khi chính sự thiếu linh hoạt của IMF đã làm cho cuộc khủng hoảng càng trở nên trầm trọng. Người ta không nên đánh giá thấp mức độ mà IMF được nhìn nhận ở châu Á như một công cụ của chủ nghĩa tự do mới phương Tây, và do đó, một cách tiếp cận "châu Á" chẳng hạn có thể đã tỏ ra hiệu quả hơn khi thương lượng với Tổng thống Suharto.

IMF hiện nay đang bị hạn chế về tiền mặt và việc

huy động thêm những nguồn lực khác tỏ ra khó khăn. Thực tế, chính quyền Mỹ đang vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của quốc hội, cả Dân chủ cũng như Cộng hòa, khi cố gắng được Cơ quan lập pháp thông qua khoản ngân sách bổ sung để bù lại những nguồn lực của IMF đã bị cạn kiệt.

Theo Bộ trưởng tài chính Robert Rubin, Bộ Tài chính Mỹ đã bắt đầu tiến hành một chiến dịch tổng lực để gây áp lực đề nghị quốc hội thông qua dự luật này vì nó rất quan trọng đối với Mỹ: *"Không cung cấp được khoản ngân sách này có thể sẽ làm giảm lực đòn bẩy của chúng tôi tại IMF"*.¹¹²

Liên minh châu Âu và cuộc khủng hoảng tại châu Á

Mặc dù các cổ đông từ châu Âu kiểm soát 29% số phiếu được quyền tại IMF, trong khi Mỹ chiếm có 18%, Liên minh châu Âu (EU) cho đến nay chỉ đứng phía sau đối với cuộc khủng hoảng.¹¹³ Tuy nhiên, vai trò hiện nay của IMF trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á xem ra lại đối lập với chính sách mà EU đã tuyên bố trong quan hệ với các nước đang phát triển. Điều 17 của Hiệp ước Maastricht quy định những nguyên tắc hợp tác phát triển của EU, cam kết rằng cộng đồng này sẽ phấn đấu vì *"sự hội nhập suôn sẻ và từng bước của các nước đang phát triển vào nền kinh tế thế giới"*.¹¹⁴

Điều này hoàn toàn không phù hợp với những đòi

hội hiện nay của IMF là phải thực hiện một quá trình tự do hóa tài chính và mậu dịch cực kỳ nhanh chóng để đổi lại khoản cứu trợ khẩn cấp đối phó với những cuộc khủng hoảng mà chính những cuộc khủng hoảng này là hậu quả của quá trình tự do hóa quá nóng vội.

Theo Hiệp ước Maastricht, EU cam kết sẽ hoạt động vì "*sự phát triển bền vững kinh tế và xã hội*" và tiến hành "*chiến dịch chống nghèo khổ tại các nước đang phát triển*". Tuy nhiên, các biện pháp của IMF như việc chuẩn bị xóa bỏ chế độ trợ giá nhiên liệu ở Indônêsia rõ ràng có nguy cơ làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo khổ và làm mất ổn định nền kinh tế. Việc dành ưu tiên nhiều hơn cho giảm nghèo khổ, hoặc ít nhất là tránh để cho tình hình trở nên xấu đi, cũng cải thiện khả năng quỹ đạt được mục tiêu đã tuyên bố là ổn định đồng tiền và xây dựng lại lòng tin của các nhà đầu tư. Những vụ bạo động do nạn thiếu lương thực và làn sóng tội phạm không thể đem lại sự ổn định kinh tế.

Nước Anh hiện đang giữ ghế chủ tịch EU, và ở đây nữa, lại vẫn có mâu thuẫn giữa chính sách phát triển mà chính phủ đã tuyên bố là tập trung vào xóa nghèo khổ và sự đồng bộ giữa các cơ quan khác nhau trong quan hệ của chính phủ với các nước đang phát triển,¹¹⁵ với cách hành xử của nước này trong cuộc khủng hoảng tại châu Á.

Công bằng mà nói, Chính phủ Anh đã cùng với Ngân hàng Thế giới thành lập một Quỹ quản thác để giúp các nước đánh giá ảnh hưởng của cuộc khủng

hoảng đối với nghèo khổ.¹¹⁶ Tuy nhiên, Chính phủ Anh cũng đang đi đầu trong việc tiến hành vận động trong nội bộ nhóm G7 để thay đổi những Điều khoản thỏa thuận của IMF nhằm trao cho IMF nhiều thẩm quyền hơn trong việc theo đuổi tự do hóa tài khoản vốn. Sau khi thảo luận những bài học từ cuộc khủng hoảng của châu Á tại Hội nghị các bộ trưởng tài chính nhóm G7 ở London tháng Hai 1998, các bộ trưởng đã khuyến nghị rằng “*Một sự sửa đổi liên quan đến tài khoản vốn trong các Điều khoản thỏa thuận của IMF phải được nhanh chóng thực hiện*”.¹¹⁷

Xét kết quả của tự do hóa ở châu Á, điều cần thiết lúc này là xem phải làm thế nào để quản lý tiến trình tự do hóa đó nhằm cải thiện được sự ổn định và tăng trưởng chứ không phải là làm ngược lại và giảm nghèo chứ không làm tăng bất bình đẳng. Việc này đòi hỏi phải bàn bạc và tham khảo, chứ không phải hối thúc nhằm tăng thêm viện trợ của IMF đang được tiến hành.¹¹⁸

Thái lan

Ngay cả trước khi IMF đến Thái lan, chính người Thái đã đòi phải có một giải pháp khẩn cấp cho cuộc khủng hoảng kinh tế đang lan rộng, đã buộc chính phủ của ông Chavalit phải đóng cửa 16 công ty tài chính. Song được biết số công ty tài chính của Thái lan bị buộc phá sản còn nhiều hơn thế. Vì vậy, ngày 14 tháng Tám 1997, không lâu sau khi thỏa thuận giữa IMF và Thái lan được tuyên bố, thêm 42 công ty nữa

được bổ sung vào danh sách phá sản và gần như không có sự phản đối nào đối với quyết định của chính phủ. Trong chính sách cải cách tài chính của mình, IMF đã khéo khai thác dư luận trong nhân dân Thái lan rằng những chính trị gia tham lam và vô trách nhiệm đã đưa đất nước này tới sự suy sụp về tài chính.

Chỉ trích kế hoạch ổn định cả gói

Một phần trong kế hoạch viện trợ cả gói của IMF là viện trợ nhằm ổn định giá trị đồng tiền đã trở thành chủ đề tranh cãi vài tháng sau đó. Đơn thuốc mà IMF kê cho Thái lan đòi hỏi nước này phải duy trì lãi suất cao để ngăn không cho vốn ngoại tệ bị chuyển ra nước ngoài và phải giảm mạnh chi tiêu của chính phủ nhằm giúp chính phủ đạt được số dư ngân sách.

Người ta dự tính rằng cả hai điều kiện đó sẽ kết hợp cùng với cuộc khủng hoảng tài chính làm giảm tỷ lệ tăng trưởng GDP, mà tại thời điểm tháng Tám khi thỏa thuận viện trợ cả gói của IMF được ký kết đã dự đoán rằng sẽ giảm dần xuống 2,5% vào năm 1998 (trong khi tỷ lệ này là 8,7% năm 1995 và 6,4% năm 1996). Con số này cho đến tháng Mười một được điều chỉnh xuống chỉ còn 0,6% và tiếp tục hạ thấp hơn nữa xuống (âm) - 3,5% khi IMF tiến hành xem xét lại kế hoạch viện trợ tháng Hai 1998.

Vấn đề được các nhà phê bình cả trong và ngoài nước đề cập là cuộc khủng hoảng này không phải là khủng hoảng của khu vực nhà nước mà là của khu vực tư nhân, do nạn vay nợ quá nhiều gây nên. Trong

thực tế, cho đến năm 1996, Chính phủ Thái lan luôn duy trì được ngân sách thặng dư. Vậy thì tại sao lại thu hẹp khu vực nhà nước, khu vực này từ khi hoạt động đầu tư tư nhân bị giảm sút đã trở thành nhân tố chủ yếu trong những cố gắng ngược dòng nhằm ngăn chặn sự suy thoái đang ngày càng trở nên nặng nề?

Chẳng phải mục tiêu đã được các nhà chức trách của cả Thái lan và IMF tuyên bố - sự trở lại của vốn nước ngoài - trong thực tế, sẽ bị cản trở bởi cuộc khủng hoảng sâu sắc hay sao? Không hề có một sự đáp ứng rõ rệt nào ngoại trừ một điều rằng vốn nước ngoài sẽ được bảo đảm bởi Thái lan bằng lòng thực hiện một chương trình khắc khổ.

Bất luận thế nào, khi những số liệu của năm 1998 dự báo tỷ lệ tăng trưởng sẽ giảm hơn nhiều so với mong đợi thì IMF đã đồng ý chấp nhận mức thâm hụt ngân sách của Chính phủ Thái lan bằng từ 1 đến 2% của GDP, ngầm ý công nhận rằng đòi hỏi ban đầu mà IMF đưa ra về sự thặng dư ngân sách là sai lầm và có thể thực tế đã góp phần làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng do tác động của nó đối với quyết định đầu tư của các doanh nghiệp.

Về phần mình, IMF phản bác lại rằng những sự nhượng bộ đã được thỏa thuận vì nền kinh tế đang có những dấu hiệu phục hồi nhờ việc "*Chính phủ Thái lan kiên quyết thực hiện một chương trình kinh tế trong những hoàn cảnh rất khó khăn*", và những hành động được tiến hành "*đang góp phần cải thiện tình hình thị trường*".¹¹⁹

Sự chú mục vào vấn đề thặng dư ngân sách đã đặt ra một câu hỏi khác là khoản thặng dư đó thực tế nhằm để làm gì nếu không nói là chỉ để bảo đảm với các nhà đầu tư rằng Thái lan sẵn sàng chấp nhận vị thuốc đắng hơn để trông đợi điều kỳ diệu sẽ đến là các nhà đầu tư trở lại miền đất này. Một khả năng khá chắc chắn khoản thặng dư đó là nhằm cứu vãn nền tài chính bệnh hoạn của Thái lan, ngoài việc phải hoàn trả cho quỹ cứu trợ 17,2 tỷ đôla của IMF và các nhà tài trợ song phương.

Khuyến khích "rủi ro đạo đức"

IMF đã giải thích rằng số tiền quỹ cấp cứu trị giá 17,2 tỷ đôla là nhằm để *"hỗ trợ cán cân thanh toán và để bù lại dự trữ của chính phủ"*. Ít nhất, một phần của quỹ đó sẽ được sử dụng để trang trải nợ nước ngoài mà phần lớn số nợ đó là của tư nhân vay các ngân hàng tư nhân quốc tế. Tất nhiên, người ta hy vọng rằng các ngân hàng quốc tế sẽ cho Thái lan kéo dài số nợ ngắn hạn, song quỹ nhiều tỷ đôla của IMF được lập ra cốt để cho thấy rằng có một lượng tiền mặt dự trữ để bảo đảm cho phần lớn các khoản nợ sắp đáo hạn.

Tóm lại, chính phủ đang đóng vai trò bảo lãnh cho các khoản nợ của khu vực tư nhân và IMF cũng đứng ra bảo đảm với các chủ nợ quốc tế rằng họ sẽ chẳng hề hấn gì. Điều này đã dẫn tới sự chỉ trích IMF khuyến khích loại hình "rủi ro đạo đức" hay hình thức cho vay vô trách nhiệm này bởi vì chủ nợ có thể ỷ lại vào IMF được coi như lưới an toàn cuối cùng. IMF có

thể trở lại bất cứ lúc nào và nói rằng cách duy nhất để giành được niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài là phải bảo đảm cho họ tránh khỏi rủi ro.

Chiến lược phục hồi của Thái lan thiếu đa dạng và do đó nguy hiểm. Nền kinh tế của Thái lan sẽ phụ thuộc gần như hoàn toàn vào sự trở lại của vốn nước ngoài chứ không phải là vào việc xây dựng một nền tảng phong phú cho sự phục hồi. Điều đó thậm chí còn nguy hiểm hơn khi ta biết một trong những nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng tài chính là tình trạng đổ vốn tài chính và đầu tư ồ ạt mà không có sự điều tiết.

Điều thú vị là một giám đốc quỹ của American Express International, một trong những thiết chế tài chính đang được ve vãn theo chiến lược đó đã chỉ ra rằng *"con bài duy nhất mà chính phủ phải chơi lúc này là kéo các nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại. Thật đáng lo là mọi thứ đều phụ thuộc vào sự trở lại của các nhà đầu tư nước ngoài"*.¹²⁰ Và đặc biệt như vậy khi IMF dự đoán trong năm 1998, đồng vốn rông của Thái lan sẽ chảy ra bên ngoài từ 12 đến 14 tỷ đôla.¹²¹

IMF và nghị trình của Mỹ

Một số yếu tố của chương trình tái cơ cấu tài chính cũng đã bắt đầu bị chất vấn. Đặc biệt là khi IMF nhất mực đòi các thiết chế tài chính của Thái lan, vốn đã phải chịu tổn thất lớn do các khoản vay không được trả lãi kết hợp với nợ nước ngoài ngày càng nặng do sự sụt giá đột ngột của đồng baht, phải được tiếp thêm

vốn chủ yếu thông qua các ngân hàng nước ngoài và đổi lại, những ngân hàng nước ngoài đó sẽ có nhiều quyền sở hữu hơn.

Việc sáp nhập giữa các ngân hàng và các thiết chế tài chính của Thái lan là một cách lựa chọn, song cách lựa chọn đó đã bị quỹ không đồng ý. Bằng quan điểm chống vai trò nhà nước của IMF, việc cấp vốn cho các ngân hàng từ những nguồn lực của nhà nước để đổi lấy quyền sở hữu lớn hơn cho nhà nước cũng không phải là khả thi đối với thiết chế tài chính hùng mạnh này.

Thái lan đã bắt đầu chịu nhượng bộ bằng việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tới 100% các thiết chế tài chính trong khoảng thời gian tới 10 năm mà không bị điều chỉnh, và Thái lan cũng đang chịu sức ép phải nhượng bộ trước những đòi hỏi khác của IMF: tự do hóa Luật kinh doanh của ngoại quốc và cho phép những nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn lớn vào được sở hữu đất đai.

Sức ép đòi cho phép sự có mặt nhiều hơn của các nhà đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế ngày càng thuyết phục nhiều người Thái rằng IMF thực sự hối thúc hoàn tất nghị trình từ lâu chưa được thực hiện của cổ đông lớn nhất của quỹ là Mỹ, đó là tăng cường sự có mặt hùng hậu hơn của các nhà đầu tư nước ngoài tại Thái lan thông qua việc thiết lập những quy tắc về thương mại, đầu tư và sở hữu tự do hơn. Trong thực tế, các quan chức Mỹ đều khá chân thật khi nói về mối quan hệ cộng sinh giữa chính sách của IMF và

chính sách của Mỹ. Đại diện thương mại của Mỹ tại IMF, Charlene Barshefsky đã công nhận rằng:

*“Thái lan đã cam kết sẽ cơ cấu lại các xí nghiệp công ích và thúc đẩy tư nhân hóa các ngành kinh tế then chốt - bao gồm năng lượng, giao thông, tiện ích và thông tin - tăng cường sự cạnh tranh và xóa bỏ điều tiết dưới tác động của thị trường. Chúng tôi hy vọng những cải cách cơ cấu này sẽ tạo ra những cơ hội đầu tư mới cho các công ty Mỹ”.*¹²²

Indônêsi-a

Trong số những điều kiện mà IMF đưa ra, gần như chưa có điều kiện nào được thực hiện ở Indônêsi-a. Vì thế không thể biết được liệu những điều kiện đó có ảnh hưởng như thế nào đối với một tình hình đã trở nên quá nghiêm trọng của nước này. Ngoại lệ duy nhất đã có cho đến nay là chỉ thị tai hại của IMF buộc Indônêsi-a phải đóng cửa 16 ngân hàng và chính quỹ cùng đã phải công nhận trong một thông báo nội bộ là:

*“đã gây ra một nỗi kinh hoàng trong giới ngân hàng, và mở đầu cho sự giảm sút hoạt động của các thị trường ở nhiều nước châu Á. Những vụ đóng cửa ngân hàng này, chẳng những không cải thiện được lòng tin của dân chúng đối với hệ thống ngân hàng mà thay vào đó còn châm ngòi cho một “cuộc đánh bài tấu mã” khác”.*¹²³

Tuy nhiên, cuộc khẩu chiến giữa ông Suharto - tổng thống 76 tuổi của Indônêsi-a, người vừa mới bắt đầu nhiệm kỳ lần thứ bảy liên tục với tư cách là một vị

tổng thống hùng mạnh của nước này - và IMF về kế hoạch lập Ủy ban tiền tệ do ông Suharto đề nghị giúp cho chúng ta có một cái nhìn bổ ích về cái gì đang được toan tính. Với sự pha trộn của tính chất ngạo mạn, mạo hiểm lợi ích riêng và chủ nghĩa dân tộc, cuộc tranh cãi về vấn đề Ủy ban tiền tệ là đỉnh điểm của mâu thuẫn gay gắt giữa Tổng thống Suharto và IMF, một cuộc chiến giành quyền lực ở mức cao nhất trong đó cả hai phía đều chiến đấu để giành được chiến lợi phẩm lớn nhất.

Trong khi quý đã tìm thấy những đối tác dễ thỏa hiệp như ở Kim Dae Jung của Hàn Quốc và Chuan Leekpai ở Thái lan - những người có khát vọng dân chủ tự do tương thích về căn bản với kế hoạch tự do hóa của quý thì toàn bộ con người Suharto được coi như một sản phẩm chính trị bất kham.

IMF lập luận rằng những điều kiện của quý đưa ra cho Indônêsia là nhằm để triệt tận gốc nạn tham nhũng (đây là nguyện vọng mới nhất của IMF và Ngân hàng Thế giới, thay thế cho những lời ca ngợi trước đây rằng Indônêsia là một mô hình của sự phát triển thành công) và tăng cường hiệu quả cũng như khả năng cạnh tranh của thị trường. Trong thực tế, thông qua các cuộc tấn công công khai vào những quyền lợi cá nhân của Tổng thống Suharto, IMF hiện đang cố gắng làm tan rã kiểu nhà nước gia đình trị, một nhà nước cứng rắn, cường chế và đặc quyền, một nhà nước bảo vệ và khuyến khích quyền lợi cá nhân trong khi thiếu một bộ máy hành chính mạnh hay các thiết chế hoạt động có hiệu quả.

Ở Indônêxia, tấn công vào Suharto có nghĩa là tấn công vào nhà nước, và ngược lại.¹²⁴ Những lời tuyên bố của các thành viên gia đình ông Suharto cho thấy rõ mức độ mà ở đó lợi ích dân tộc và lợi ích cá nhân được coi là đồng nhất: *"nếu các nguồn quỹ (của IMF) đòi hỏi phải hy sinh phẩm giá của dân tộc thì chúng tôi sẽ không cần chúng nữa,"* lời giải thích của Siti Hardijanti "Tutut" Rukmana, con gái cả của Suharto.¹²⁵

Trong không khí dân tộc chủ nghĩa ngày càng tăng, Suharto đang vạch ra chiến tuyến giữa các nguyên tắc kinh tế "tự do" không phù hợp với nền kinh tế của Indônêxia" và "nguyên tắc gia đình" như được ghi trong Hiến pháp năm 1945".¹²⁶ Những tư tưởng này được phản ánh rõ ràng ở một số nhóm nhân vật quan trọng, trong đó có Iman Taufik, Phó chủ tịch Phòng thương mại và công nghiệp của Indônêxia, người đã từng gọi quyết định tạm hoãn giải ngân khoản cứu trợ khẩn cấp của IMF là một động thái chính trị. Ông Iman nói: *"Mọi người phải đặt câu hỏi cho động thái này, liệu nó có phải thuần túy là quyết định của IMF hay chính là quyết định của Mỹ"*.¹²⁷

Từ khi giành được độc lập năm 1945, nhìn chung, Indônêxia đã thi hành những chính sách kinh tế có sự can thiệp của nhà nước và, mặc dù việc thực hiện những chính sách đó chưa tốt do nạn gây bè kéo cánh, tham nhũng và những yếu kém của hệ thống quan liêu hành chính thiếu năng lực, nước này cũng đã đạt được một sự tăng trưởng đầy ấn tượng trong vòng 30 năm qua.¹²⁸

Tuy nhiên, những nhược điểm về mặt thiết chế và

thiếu trách nhiệm, kết hợp với cơ cấu chính trị với nhiều hạn chế, đã dẫn đến sự bành trướng của các hoạt động vay mượn, cả cá nhân và tập thể, thông qua các mạng lưới gia đình thân thuộc. Có nghĩa là các nhóm lợi ích đặc biệt và các cá nhân có khả năng trực tiếp dựa vào những người có quyền thế hoặc thông qua những người có liên hệ trực tiếp với những kẻ có chức quyền. Quá trình này đã được ủng hộ và tăng cường thêm bởi các nhà đầu tư nước ngoài, các ngân hàng nước ngoài và các công ty xuyên quốc gia, lợi dụng chính sách mở cửa đầu tư, sự tăng trưởng nhanh chóng và khả năng thu lợi nhuận cao ở Indônêsiã.

Kết quả là gia đình và bạn bè của ông Suharto đều trở nên vô cùng giàu có và đầy quyền lực. Bất kỳ một cố gắng nào của quý nhằm phá hoại vị trí của Suharto cũng sẽ tạo ra một khoảng chân không chính trị nguy hiểm không thể lấp được vì sau 32 năm cực quyền và thường là bằng cách đàn áp của ông Suharto, ở nước này không hề có một bộ máy hành chính hiệu quả, cũng chẳng có một lực lượng đối lập nào mạnh và được tổ chức tốt.

Lực lượng đối lập tồn tại duy nhất chủ yếu tập trung ở các tổ chức phi chính phủ và các nghiệp đoàn độc lập với những quan điểm khác nhau về vai trò của IMF và được tóm tắt trong một lời nhận xét là vai trò đó "tích cực về mặt chính trị và tiêu cực về mặt kinh tế". Trong khi tiến hành các cuộc phỏng vấn, những người hoạt động phi chính phủ đã xác định được các yếu tố tích cực của chương trình cứu trợ của IMF là nó giúp cho công tác quản lý ngành ngân hàng và tài

chính được thực hiện tốt hơn, gây áp lực đòi chính phủ phải minh bạch và trong sạch hơn và loại bỏ các độc quyền và tập đoàn lũng đoạn.

Những mặt tiêu cực được nêu ra là sự cắt giảm trợ giá nhiên liệu của nhà nước và các loại trợ giá khác; những biện pháp nhằm làm cho thị trường lao động linh hoạt hơn bằng việc giảm các quyền của công nhân và đóng băng tiền lương. Đa số những người được phỏng vấn đều có quan điểm cho rằng nhu cầu cấp thiết nhất trước mắt là phải loại bỏ Suharto và IMF có thể hỗ trợ việc đó. Một số rất ít bày tỏ sự quan tâm đến những vấn đề lâu dài liên quan đến chủ quyền của đất nước và liệu mô hình phát triển anglo - xắc xông do IMF áp đặt có phải là sự lựa chọn tốt nhất cho Indônêxia hay không.¹²⁹

Kết quả có thể xảy ra đối với người dân Indônêxia sẽ làm cho họ khó xử vì nó đẩy họ tới chỗ phải lựa chọn giữa hai cái xấu, một đã biết và một còn lẫn lộn đầu óc.

Thứ nhất, Suharto và IMF có thể đạt được sự xích lại gần nhau ở một mức độ nào đó. Trong trường hợp này, Indônêxia sẽ bị kẹt lại trong chế độ của Suharto (ít nhất là cho đến khi tuổi già hay sức yếu buộc ông ta phải rời bỏ quyền lực), song lại đánh mất chủ quyền về kinh tế vì nền kinh tế được mở cửa để đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó sẽ bảo đảm một mức độ ổn định nào đó nhưng chẳng qua cũng chỉ là tạm hoãn một sự quá độ chính trị cần thiết của xã hội Indônêxia mà thôi.

Vào thời điểm tài liệu này được biên soạn, một viễn cảnh như thế ngày càng khó có khả năng biến thành thực tế với một nội các mới được Suharto bổ nhiệm, trong đó có bạn chơi gôn của Suharto là ông Mohamad "Bob" Hasan - Bộ trưởng thương mại và công nghiệp, một mục tiêu đầu tiên trong chương trình cải cách của IMF và con gái của Suharto, Siti Hardiyanti Rukmana - Bộ trưởng xã hội. Điều này sẽ chẳng đóng góp được gì cho việc cải thiện mối quan hệ giữa Indônêsi-a và IMF.

Thứ hai, IMF có thể rút khỏi Indônêsi-a. Sự triệt thoái của IMF được nhiều người dự đoán là sẽ dẫn đến tình trạng đồng vốn chảy ào ạt ra nước ngoài và sự trượt dài tới rối loạn về kinh tế và chính trị ở Indônêsi-a. Tuy nhiên, cũng có một số biểu hiện cho thấy thực tế Indônêsi-a còn có những sự lựa chọn khác ngoài IMF. Một tập đoàn các ngân hàng của Nhật bản và Đức đã ngỏ ý giúp thành lập một Quỹ bình ổn với trị giá khoảng 10 đến 15 tỷ đô-la, quỹ này sẽ cho phép các công ty gặp khó khăn về vốn của Indônêsi-a được vay và hoàn trả sau một năm với cùng tỷ giá 5000 rupiah ăn một đô-la Mỹ.

Thêm vào đó, có lời đồn đại rằng gia sản của Suharto mà nhiều người cho rằng đang được đầu tư một cách an toàn ở nước ngoài phải đạt tới 40 tỷ đô-la - đủ để cá nhân Suharto có thể lập nên Ủy ban tiền tệ.¹³⁰

Thậm chí người ta còn gợi ý rằng những bạn bè giàu có của Suharto, những người mà lợi ích của họ

đang bị đe dọa bởi các cuộc cải cách do IMF đề xướng, sẽ sẵn sàng hậu thuẫn cho kế hoạch thành lập Ủy ban tiền tệ của Suharto bằng tài sản cá nhân của họ, với điều kiện "IMF chỉ cho người ta đâu là cửa ra vào". Và, như một chủ ngân hàng kinh doanh tại Singapo nhận xét, "thậm chí họ còn có thể có lợi từ việc đó".¹³¹

Thứ ba, các áp lực trong và ngoài nước có thể sẽ buộc Suharto phải ra khỏi cuộc chơi, song khả năng này dường như đã bị bỏ qua vì cuộc "bầu cử" đã do quốc hội thực hiện không hề gặp phải khó khăn nào vào tháng Ba 1998, cho phép Suharto có thêm một nhiệm kỳ nữa ở cương vị tổng thống.* Với B.J. Habibie, một kẻ nổi tiếng vung tay quá trán và ngấp nghé chiếc ghế tổng thống, chắc là phương Tây sẽ cầu mong cho Suharto mạnh khỏe, sống lâu.

Đằng sau sân khấu chính trị của Suharto và IMF là rất nhiều những vấn đề sâu sắc như nghèo khổ, đặc quyền, đặc lợi, tình trạng thiếu sự tham gia của nhân dân và thiếu dân chủ về kinh tế sẽ tiếp tục kìm hãm sự tiến bộ của Indônêsia. Cả Suharto và IMF đều không có giải pháp nào cho vấn đề đó vì không hề có một lực lượng đối lập có tổ chức hay một giải pháp thay thế nào và tương lai của Indônêsia có thể sẽ lại giống hệt như trong quá khứ mà thôi.

Hàn Quốc

Hơn bất kỳ nước nào khác, Hàn Quốc chính là nơi

* Xem chú thích trang 33 (BT).

giúp ta thấy vai trò của IMF như một công cụ của cổ đông và người đóng góp lớn nhất vào kế hoạch khẩn cứu. Về nhiều phương diện, IMF đóng vai trò con ngựa thành Tơ roa thời hiện đại, giấu mình trong "kế hoạch khẩn cứu cả gói" toàn bộ những lợi ích mâu dịch, an ninh và thương mại. Có lẽ, điều này giải thích tại sao những lời chỉ trích đối với IMF lại căng thẳng nhất tại Hàn Quốc.

Trong vòng hơn 30 năm, Hàn Quốc luôn làm chủ vận mệnh kinh tế của nước mình, thái độ đó đã làm cho Mỹ thấy khó chịu song lại tạo cho người dân Hàn Quốc tràn trề lòng tự hào dân tộc đã tự biến mình từ người khốn khó lên thành hoàng tử chỉ trong vòng một thế hệ. Vì thế, phản ứng tức thời của công chúng đối với IMF là sự giận dữ, bác bỏ và khẳng định rằng đó chẳng qua chỉ là một cửa hậu khác để Mỹ chiếm lĩnh thị trường của Hàn Quốc. Và, đã có một số minh chứng bảo vệ cho quan điểm này.

Trong bản điều trần trước Tiểu ban nhà ở và phương tiện mâu dịch của Hạ nghị viện, Đại diện thương mại Mỹ Charlene Barshefsky trả lời rằng: *"Hoạt động kinh tế dưới sự điều khiển của chính sách hơn là thị trường... có nghĩa là nền công nghiệp của Mỹ gặp phải rất nhiều vật cản cụ thể về mặt cơ cấu trong môi trường mâu dịch, đầu tư và cạnh tranh của Hàn Quốc"*.¹³²

Đẩy lùi sự can thiệp của nhà nước và cắt đứt mối liên hệ giữa nhà nước với ngành công nghiệp (vốn đã yếu ớt) là một trong những ưu tiên cao nhất của Mỹ

và không phải ngẫu nhiên mà một phần quan trọng trong các điều kiện của IMF là một loạt những biện pháp nhằm làm tan rã các *chaebol* và làm suy yếu những mối liên hệ giữa nhà nước và ngành công nghiệp (xem thêm Chương 3).

Những cản trở cụ thể mà Charlene Barshefsky đề cập bao gồm các thủ tục thông quan và chứng nhận nhập khẩu, cấp giấy phép nhập khẩu cho nông sản, và mở cửa thị trường dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp nước ngoài.

Theo thỏa thuận với IMF, Hàn Quốc đã đồng ý nơi lỏng các quy định về cấp giấy phép nhập khẩu và chứng nhận nhập khẩu đối với một số mặt hàng trong đó có nông sản và mở cửa ngành tài chính, cho phép người nước ngoài được quyền sở hữu và các công ty nước ngoài vào hoạt động. Rất hài lòng với kết quả đạt được, Barshefsky cho rằng kế hoạch khẩn cứu của IMF sẽ *“cải thiện khả năng tiếp cận thị trường ở Hàn Quốc và khắc phục mô thức xuất khẩu quá khả năng và quá tham lam của các chaebol Hàn Quốc”*.¹³³

IMF từ bỏ các điều kiện

Ngay cả sau khi thỏa thuận với IMF được tuyên bố đầu tháng Chạp năm ngoái, thị trường chứng khoán Seoul vẫn tiếp tục xuống dốc và đồng won còn mất giá hơn nữa. Xem ra phép màu của IMF đã không có tác dụng, vừa không lấy lại được lòng tin của các nhà đầu tư, không trấn an thị trường, vừa không bình ổn được nội tệ. Thực tế, những yêu cầu chặt chẽ về mặt tài

chính của IMF đã làm cho cuộc khủng hoảng thêm sâu sắc với việc thu hẹp thị trường tín dụng trong nước và tăng lãi suất, biến cuộc khủng hoảng của ngành tài chính thành cuộc khủng hoảng thực sự của cả nền kinh tế. Cả con người và công việc của họ đã bắt đầu cảm nhận được mối đe dọa đó.

Như đã trình bày ở trên, tình hình ngày càng xấu đi đặt chính phủ trước nguy cơ vỡ nợ trừ phi tiền mặt được lập tức đổ vào trong nước, trước cả chương trình cấp cứu của IMF. Theo những nguồn tin đáng tin cậy,¹³⁴ Mỹ kiên quyết đòi phải *có đi có lại* đối với một số vấn đề mấu chốt trước khi thảo khoản viện trợ cho Hàn Quốc.

Những điều kiện này bao gồm việc đóng cửa những ngân hàng thương mại kém hiệu quả và giảm bớt những tài sản mang tính chất rủi ro để tăng thêm sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài muốn mua lại chúng, mở cửa thị trường chứng khoán vào cuối năm 1997, tự do hóa lãi suất, mở cửa các thị trường trong nước để nhập khẩu xe hơi và các mặt hàng công nghiệp quan trọng khác của Nhật bản chậm nhất là tới giữa năm 1999, và cho phép các ngân hàng và thiết chế tài chính nước ngoài thành lập các chi nhánh 100% vốn nước ngoài trước khi chương trình cấp cứu được thực hiện.¹³⁵ Vì thế, Hàn Quốc sẽ phải chấp nhận thêm một loạt điều kiện thứ hai nữa, trước cả khi nước này nhận được tiền.

Những lợi ích về an ninh luôn luôn nổi lên trong mọi cuộc thảo luận về Hàn Quốc. Một nguồn tin đáng

tin cậy cho biết¹³⁶ dùng vào lúc người ta biết rằng Chính phủ Hàn Quốc có thể cắt giảm ngân sách dành cho quốc phòng để thỏa mãn những mục tiêu của IMF thì Lầu năm góc Mỹ lại cho rằng sự cắt giảm đó sẽ ảnh hưởng tới những hợp đồng thương mại lớn và việc theo đuổi chính sách cắt giảm ngân sách không phải là một ý kiến hay.

Trong vòng một tháng thực hiện chương trình cấp cứu của mình, IMF đã nới lỏng một số điều kiện đặt ra ban đầu. Trong đó có việc điều chỉnh lại mục tiêu của tỷ lệ lạm phát từ 5% lên 9%, cho phép tỷ lệ tăng trưởng lưu hành tiền tệ từ 9% lên 14%, xóa bỏ điều kiện về thặng dư ngân sách và gia hạn cho các ngân hàng trong nước có thêm thời gian để đáp ứng những tiêu chuẩn của Ngân hàng khôi phục quốc tế. Biện pháp cuối cùng trong số kể trên là buộc các ngân hàng phải phong tỏa tất cả các khoản cho vay để bảo đảm tiêu chuẩn của BIS.¹³⁷

Trong thực tế, không chỉ chương trình ổn định đã gây ra sự *mất ổn định* mà cả phác đồ điều trị mở cửa ngành tài chính do IMF đưa ra cũng đi ngược lại so với mục đích vì mọi người đều biết một trong những nhân tố quan trọng nhất của cuộc khủng hoảng là hoạt động vay nợ không được điều tiết. Chẳng có lý do gì để tin rằng các nhà đầu tư, những người trước đây đã hành động không thận trọng, sẽ có *trách nhiệm* hơn nếu ít bị điều tiết hơn.

Hơn nữa, sự chỉ trích cho rằng IMF đưa ra vấn đề "rủi ro đạo đức" bằng cách bảo vệ các nhà đầu tư

tránh khỏi những rủi ro từ chính các quyết định của họ đặc biệt thấy rõ tại Hàn Quốc. Mặc dù các chủ nợ và người vay đều đã thỏa thuận chuyển khoảng 95% trong tổng số nợ ngắn hạn 22,5 tỷ đôla sang kỳ hạn thanh toán một, hai hay ba năm (với lãi suất trung bình cao hơn lãi suất quốc tế LIBOR 2,5%), nhưng điều này chỉ được thực hiện sau khi chính phủ đã đồng ý bảo lãnh cho toàn bộ số tiền vay.¹³⁸

Cuối cùng, cũng như ở Thái lan, IMF và các cổ đông lớn của quỹ tìm thấy một đối tác muốn hợp tác và dễ thỏa hiệp là Kim Dae Jung: thành tích dân chủ của ông là tốt, đã từng là một đối thủ dưng cảm và kiên cường của các chế độ quân sự và bán quân sự thống trị Hàn Quốc trong nhiều thập kỷ. Ông Kim còn kịch liệt phản đối các *chaebol* hùng mạnh và có đủ khả năng đưa phong trào liên minh lên cao nhờ đã có quan hệ từ trước (mặc dù quan hệ đó đã có từ những năm phong trào liên minh là tiếng nói đối lập duy nhất ở Hàn Quốc).

Tuy nhiên, bản lĩnh kinh tế của ông Kim ít có ấn tượng hơn và Hàn Quốc sẽ có nguy cơ đánh mất nét độc đáo trong chiến lược phát triển của mình đã cho phép Hàn Quốc vừa đạt được tăng trưởng, vừa đạt được một mức độ dân chủ kinh tế nhất định trong những thập kỷ qua, khi phải cố gắng thái quá nhằm làm hài lòng IMF, Mỹ và Nhật bản trong cuộc khủng hoảng hiện nay.

Chú thích

98. Jeffrey D. Sachs, “Cấp nhăm thuốc chữa bệnh cho châu Á”, *The New York Times*, 3 tháng Mười một 1997.
99. C.P. Chandrasekhar và Jayati Ghosh, “Ngao mạn, quá khích và hy vọng: Nền kinh tế chính trị của cuộc khủng hoảng và phản ứng tại Đông Á,” (sắp xuất bản).
100. Joseph Halon, “Ngân hàng công nhận các điều kiện của HIPC là sai lầm”, *Cập nhật vay nợ*, tháng Ba 1998.
101. Roberto Mangabeira Unger, “Các thiết chế Bretton Woods thực sự mới”, trong cuốn do Marc Uzan chủ biên *Hệ thống tài chính bị sức ép: Một mô hình kiến trúc cho nền kinh tế thế giới mới*, (New York & London: Routledge, 1996). Bài báo này phân tích một cách vô cùng thú vị và mang tính chất xây dựng về vấn đề làm thế nào để cải cách các thiết chế được thành lập theo Hiệp ước Bretton Woods, được minh họa bằng sự thôi thúc là “nền kinh tế thế giới cần nhiều hơn, chứ không phải là ít hơn, tất cả những lợi ích mà Hiệp ước Bretton Woods được thiết kế để cung ứng thông qua các thiết chế điều phối quốc tế và siêu quốc gia”, tr.23.
102. Martin Feldstein, “Đặt lại trọng tâm cho IMF”, *Các vấn đề ngoại giao*, tháng Ba và Tư 1998.
103. Như trên.
104. Các điều khoản thỏa thuận của IMF, Điều 1, Các mục đích (truy cập từ IMF trên mạng Internet).
105. “Cấp nhăm thuốc chữa bệnh cho châu Á...”
106. “Ngân hàng công nhận các điều kiện của HIPC là sai lầm...”
107. Cuối năm 1997, phản ứng trước một chiến dịch tổng lực phản đối việc tăng cường tự do hóa, quốc hội không tiếp tục cho phép tổng thống có thẩm quyền thương lượng “nhANH” về mậu dịch.
108. Bản điều trần của Đại sứ Charlene Barshefsky - Đại diện thương mại của Mỹ tại IMF - trước Tiểu ban nhà ở

- và phương tiện mẫu dịch của Hạ nghị viện, 24 tháng Hai 1998 (truy cập từ USTR trên mạng Internet).
109. Như trên.
 110. Stanley Fischer, "Cuộc khủng hoảng tại châu Á: Nhìn từ IMF". Bài phát biểu tại Hội nghị Midwinter của Hiệp hội ngoại thương của các chủ ngân hàng, Washington DC, 22 tháng Giêng 1998.
 111. "Đề nghị về Quỹ tiền tệ châu Á: Một trường hợp điển cứu về sự lãnh đạo khu vực của Nhật bản", Eric Altbach, Báo cáo của Viện kinh tế Nhật bản, số 47A, 19 tháng Chạp 1997.
 112. "Đồng đôla và ý nghĩa", *Far Eastern Economic Review*, 12 tháng Hai 1998, tr.14.
 113. Truy cập từ IMF trên mạng Internet, 18 tháng Ba 1998.
 114. Hiệp ước Maastricht, phần XVII, Điều 130.
 115. "Xóa nghèo khổ trên thế giới: Một thách thức cho thế kỷ XXI", White Paper, tháng Mười một 1997.
 116. "Sáng kiến của Anh giúp đỡ châu Á", Thông cáo báo chí của Ngân khố quốc gia, 17 tháng Hai 1998.
 117. "Thông cáo của Bộ trưởng tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương các nước G7", tháng Hai 1998.
 118. Thư chung của cơ quan viện trợ Anh gửi Gordon Brown, 19 tháng Hai 1998.
 119. "Chiến dịch khắc khổ bắt đầu lấy lại lòng tin", *Bangkok Post*, 6 tháng Ba 1998.
 120. Trích từ "SET có thể đã được thế giới đặt cược, song cải cách vẫn rất cần", *Bangkok Post*, 21 tháng Hai 1998.
 121. "Chiến dịch khắc khổ bắt đầu lấy lại lòng tin..."
 122. Như trên.
 123. David E. Sanger, "IMF giờ đây đã công nhận rằng những chiến thuật áp dụng ở Indônê sia đã làm sâu sắc thêm cuộc khủng hoảng"(Ý nói rút vốn ra khỏi Thái lan (ND), *The New York Times*, 14 tháng Giêng

1998.

124. Andrew MacIntyre (chủ biên), *Kinh doanh và chính phủ tại một châu Á đang công nghiệp hóa*, (Sydney: Allen và Unwin, 1994), tr. 263.
125. "Habibie được sắp đặt để trở thành phó tổng thống", *Asian Wall Street Journal*, 11 tháng Ba 1998.
126. Kafil Yamin, "Nhiệm kỳ mới của Suharto gần như không hề làm nhẹ bớt tình trạng bất ổn định", *Inter Press Service*, 10 tháng Ba 1998.
127. Như trên.
128. Như trên.
129. Ducan Green, "Cuộc khủng hoảng tài chính ở Indônêsia", CAFOD, tháng Ba 1998.
130. "Đón đại về kế hoạch Bảng yết giá tiền tệ làm tăng giá các đồng tiền châu Á", *Asian Wall Street Journal*, 11 tháng Ba 1998.
131. Như trên.
132. Bản điều trần của Đại sứ Charlene Barshefsky - Đại diện thương mại của Mỹ tại IMF - trước Tiểu ban nhà ở và phương tiện mậu dịch của Hạ nghị viện, 24 tháng Hai 1998 (truy cập từ USTR trên mạng Internet).
133. Như trên.
134. Phỏng vấn, Đề nghị giấu tên, 15 tháng Hai 1998.
135. "Seoul nhận được khoản cho vay "hạnh phúc bất ngờ" 10 tỷ đôla vào Ngày Giáng sinh", *The Nation*, 6 tháng Chạp 1997.
136. Phỏng vấn, đề nghị giấu tên, 16 tháng Hai 1998.
137. Ha-Joon Chang, "Hàn Quốc: Cuộc khủng hoảng bị hiểu sai", tháng Hai 1998.
138. "Hàn Quốc dành được thỏa thuận dân nợ", *Asian Wall Street Journal*, 16 tháng Ba 1998.

6. Kết luận

Thái lan, Indônêsia và Hàn Quốc vốn được mệnh danh là “những con hổ châu Á” dựa trên mức tăng trưởng cao đến kinh ngạc trong hơn mười năm qua. Mặc dù mỗi nước đã áp dụng một chiến lược phát triển kinh tế dựa trên công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu nhưng lại có những khác biệt đáng kể về các khía cạnh trong chính sách kinh tế của họ, bao gồm vai trò của nhà nước, chính sách công nghiệp, mức độ và bản chất của nền mậu dịch, của tự do hóa tài chính cũng như sự mở cửa của thị trường.

Tuy nhiên cả ba nước này vẫn có một điều chung là khu vực tư nhân bị phụ thuộc vào tài chính nước ngoài ngày một nhiều hơn, một căn bệnh được sinh ra do tự do hóa tài khoản vốn quá nhanh và sự bành trướng không kìm hãm nổi của các luồng tài chính toàn cầu.

Về nhiều mặt, cuộc khủng hoảng châu Á không hề còn là “châu Á” chút nào nữa mà đã trở thành một cuộc khủng hoảng toàn cầu. Nó phơi bày những bất cập của thị trường, của các chính phủ và các thiết chế quốc tế trong việc thích nghi với tốc độ nhanh chóng

của tự do hóa tài chính.

Đặc biệt, mức độ cao hiện nay của các khoản nợ không thanh toán được của khu vực tư nhân cho thấy thị trường vốn không có khả năng phân bổ một cách có hiệu quả các nguồn tài chính, chính phủ các quốc gia đã không phát huy đúng mức sự minh bạch, sức mạnh thiết chế và những quy định để theo kịp với nhịp độ thay đổi nhanh chóng của môi trường bên ngoài và sự tự do hóa mau lẹ đã không tương thích được với sự phát triển bền vững và công bằng.

Cuộc khủng hoảng châu Á cũng không đơn thuần chỉ là một cuộc khủng hoảng tài chính. Trên hết, đó là một cuộc khủng hoảng của con người. Hàng triệu người mất việc làm, nạn nghèo đói tăng lên, hàng thập kỷ tiến bộ xã hội bị đảo ngược trở lại. Nhiều điều còn tồi tệ hơn thế sẽ đến trong những ngày còn lại của năm 1998 và có lẽ còn xa hơn nữa. Ở Indônêsia, sự tồn tại lâu dài của cả một quốc gia cũng đang cheo leo bên bờ vực thẳm vì chế độ Suharto vẫn một mực cố bám lấy quyền lực trong khi nền kinh tế đang sụp đổ, các cuộc bạo loạn đói lương thực và làn sóng phản đối đang lan rộng.

Cuộc khủng hoảng đã trải nghiệm tính hiệu quả và tính liên đới của Quý Tiễn tệ quốc tế, và đã chứng tỏ quỹ không thực hiện được cả hai việc như họ mong muốn. Các chính sách do IMF đề ra làm tăng nhanh sự co hẹp của nền kinh tế, đã không làm cho các đồng tiền ổn định và cũng chẳng đem lại được niềm tin cho thị trường.

Hơn thế nữa, các biện pháp khắc khổ đối với khu vực công cộng do quỹ đề nghị là giải pháp sai lầm vì thực chất vấn đề là cuộc khủng hoảng trong khu vực tư nhân. Quả thực, IMF đã xã hội hóa nợ của khu vực tư nhân và làm trầm trọng thêm hậu quả của cuộc khủng hoảng vốn đã rất tai hại đối với người lao động và người nghèo.

Cơ cấu của công cuộc điều chỉnh lại không được phân bổ một cách công bằng. Nó chỉ đánh mạnh nhất vào những người nghèo thông qua việc mất việc làm và giá cả tăng cao. Nó cũng tấn công vào các công ty địa phương, những đơn vị đã di vay trong thời kỳ tài chính còn dễ dàng, chứ không ảnh hưởng đến các ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tài chính kiếm lời từ những vụ đầu tư trực lợi làm đẩy nhanh cuộc khủng hoảng. Điều này làm nảy sinh một vấn đề gọi là rủi ro đạo đức, có nghĩa là nếu cứ cứu vãn các nhà đầu tư theo kiểu ấy sẽ khiến họ lặp lại những điều không hay kia trong tương lai.

Các điều kiện do IMF đưa ra đã vượt quá quyền ủy thác cho họ. Họ đưa ra những đề nghị cải cách về cơ cấu và chính sách không hề liên quan đến vai trò của họ đã được xác định trong Điều khoản thỏa thuận hoặc phù hợp với các nguyên nhân gây ra cuộc khủng hoảng. Đặc biệt, quỹ đã trở thành người ủng hộ chính trong vấn đề tự do hóa tài khoản vốn và chính phủ các nước G7 đang tìm cách thay đổi điều khoản đó để biến nó thành bộ phận trung tâm của quyền ủy thác cho quỹ.

Thực tế, người ta xem hành động này như một trong những giải pháp đối với cuộc khủng hoảng châu Á. Khi chủ trương phi điều tiết tài chính là nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng thì việc giao cho IMF chịu trách nhiệm đẩy nhanh quá trình đó rõ ràng là thiếu cân nhắc, đó là cách nói lịch sự nhất. Khi đoàn tàu đã trật bánh thì giải pháp đúng đầu phải là tăng tiếp tốc độ.

Cả hoạt động của quỹ cũng như những lời phát ngôn của các quan chức cao cấp trong Chính phủ Mỹ chứng tỏ rằng có lý do để phê phán IMF đã coi quyền lợi của những người góp vốn lớn nhất - cụ thể là Mỹ - cao hơn và trên tất cả mọi quyền lợi của các nước đang gặp khó khăn. Cuối cùng, là một tổ chức quốc tế, nhưng quỹ đã không đạt được chuẩn mực cần có về tính trách nhiệm cũng như tính minh bạch.

Việc phê phán những giải pháp do IMF đưa ra không có nghĩa là tán thành vô điều kiện những hình mẫu phát triển châu Á. Việc phát triển kinh tế ở các nước này đã đem lại nhiều cải thiện trong lĩnh vực giáo dục, y tế và điều kiện sống. Nhưng cái giá phải trả cũng rất cao; nó đã làm sâu sắc thêm việc phân chia giàu nghèo, khai thác kiệt quệ môi trường và đánh mất sự kiểm soát của cộng đồng đối với tài nguyên thiên nhiên, sự tăng trưởng thiếu dân chủ trong kinh tế hoặc sự bành trướng của các thế lực chính trị.

Trên ý nghĩa đó, cuộc khủng hoảng cũng tạo cho người ta cơ hội đánh giá lại đường lối chính trị và kinh

tế trong quá khứ cũng như thiết kế một mô hình phát triển dựa trên dân chủ kinh tế, sự tham gia vào chính trị và duy trì bền vững môi trường. Hiển nhiên, đó là những gì mà các tổ chức quản chúng ở Thái lan, Indônêsi-a và Hàn quốc đang đòi hỏi. Điều đáng tiếc là sự khuyến khích đang ở hướng ngược lại, dường như việc áp đặt từ bên ngoài các biện pháp thoát nợ chỉ đơn giản làm sâu sắc thêm những bất cập của mô hình hiện hữu.

Hiện nay người ta ngày một nhất trí hơn, thậm chí ngay cả trong nội bộ, về sự cần thiết cấp bách phải đánh giá và nếu cần phải cải tổ các thiết chế Bretton Woods. Các chính phủ Liên minh châu Âu với đại đa số quyền bỏ phiếu trong Hội đồng quản trị IMF phải đóng một vai trò then chốt. Các chính phủ này phải bảo đảm việc bỏ phiếu và vận động của họ tại quỹ phản ánh nhất quán mục tiêu chính sách đã tuyên bố của họ về việc tiếp tục xóa bỏ nghèo đói, phát triển kinh tế và xã hội bền vững trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, cho đến nay chính phủ các nước châu Âu vẫn đứng bên lề, hành động duy nhất của họ là hòa giọng vào bản đồng ca nhất trí ủng hộ Washington thúc giục chính phủ các nước châu Á tuân thủ các yêu cầu của IMF.

Nhà kinh tế học cao cấp của Ngân hàng Thế giới Joseph Stiglitz, đã kêu gọi hãy đưa ra *"một sự đồng thuận Washington mới chứ không thể dựa vào sự đồng thuận Washington cũ"*. Ông nói: *"Một nguyên tắc của sự đồng thuận trước đó là sự khiêm nhường quá mức"*

và sự thừa nhận thẳng thắn rằng chúng ta chưa có được hết các đáp án”.¹³⁹

Vô luận thế nào, ít nhất cũng có hai vấn đề then chốt phải được lưu ý ngay: xem lại vai trò, chính sách, trách nhiệm và sự thích hợp của IMF hiện nay đồng thời tạo dựng một cơ cấu có tính toàn cầu để điều hành các giao dịch tài chính quốc tế.

Các khuyến nghị

Đối với Quỹ Tiền tệ quốc tế

- ♦ Cần xem xét lại tức thời và toàn diện các thiết chế Bretton Woods để đánh giá tính chất thích đáng của chúng đối với các điều kiện kinh tế toàn cầu hiện nay để tiến tới hoặc là thay thế IMF và Ngân hàng Thế giới bằng các thiết chế khác hoặc là viết lại Điều lệ của các thiết chế hiện hữu.

Trong lúc chờ đợi, cần phải thực hiện một số biện pháp tức thời bao gồm:

- ♦ Nghiêm khắc hạn chế vai trò của IMF trong việc ngăn chặn các đổ vỡ về mậu dịch do sự không ổn định của tỷ giá hối đoái hoặc những khó khăn trong cân cán thanh toán.¹⁴⁰
- ♦ Chống lại bất cứ sự thay đổi nào trong Điều khoản thỏa thuận về IMF như nới rộng phạm vi được ủy quyền để bao gồm cả tự do hóa tài khoản vốn trong khi chờ đợi sự xem xét lại toàn diện vai trò và

thành tích của quỹ.

- ♦ Tách rời nhiệm vụ ổn định ngắn hạn của IMF với nhiệm vụ phát triển dài hạn của các tổ chức khác như Ngân hàng Thế giới và các Ngân hàng phát triển khu vực.
- ♦ Xóa bỏ các điều kiện chống chéo giữa IMF và Ngân hàng Thế giới.
- ♦ Bỏ các ràng buộc đối với tự do hóa, dân chủ hóa mậu dịch và đầu tư cũng như yêu cầu quản lý tốt không gắn với tài trợ của IMF.
- ♦ Cải tổ lại IMF để nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và bình đẳng giữa các thành viên, không phụ thuộc vào mức độ góp vốn của họ cho quỹ.
- ♦ Bảo đảm tính trung lập và khách quan trong các tư vấn do IMF đưa ra sao cho chúng không bị sử dụng để *“giám sát đường lối kinh tế các quốc gia và ép buộc họ phải đồng quy với sự đồng thuận hiện có”*.¹⁴
- ♦ Đặc biệt các chính phủ EU và châu Á cần đóng một vai trò tích cực hơn nữa trong quỹ, sử dụng quyền bỏ phiếu của họ trong Hội đồng quản trị để gây sức ép đối với các cải cách đã trình bày trên đây.
- ♦ Trừ phi và chỉ cho đến khi IMF đã được cải tổ theo những đường lối này thì các sáng kiến khu vực như Quỹ tiền tệ châu Á mới có thể được khuyến khích nhằm huy động thêm các nguồn vốn bổ trợ và đưa ra được các phương án để thay thế cho chính sách

hẹp hòi, thiếu cận của IMF.

Đối với các luồng tài chính

- ♦ Cấp bách trước mắt cần có các cơ chế để giám sát, điều chỉnh và nếu cần thiết thì kiểm soát các luồng tài chính quốc tế, đặc biệt là từ các vốn đầu tư ngắn hạn mang tính đầu cơ để ngăn chặn các khủng hoảng tiếp theo.

Đối với nợ nần

- ♦ Phải thành lập một hệ thống nhằm giải quyết một cách hữu hiệu khủng hoảng về nợ trong khu vực tư nhân, dựa trên các điều lệ và các trình tự tuyên bố phá sản rõ ràng. Chỉ có một hệ thống như thế mới điều chỉnh được các quan hệ giữa chủ nợ và con nợ và đó là giải pháp thay thế cho việc nhà nước phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với nợ không thể đòi được của khu vực tư nhân.¹⁴²

Chú thích

139. Josep Hanlon, "Ngân hàng thừa nhận các điều kiện cho HIPC là không đúng", *Debt Update*, tháng 8/1998.
140. Roberto Mangabeira Unger, "Các thiết chế Bretton Woods thực sự" trong tác phẩm do Marc Uzan chủ biên, *Hệ thống tài chính dưới sức ép: Một thiết kế cho nền kinh tế thế giới mới*, (New York & London: Routledge, 1996).
141. Như trên, tr. 23.
142. Yilmaz Akyüz, "Cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á: Trở về với tương lai?" (truy cập từ UNCTAD trên mạng Internet). Đây là một bài báo dễ hiểu và hay tuyệt vời, với những phân tích mạnh bạo và những đề nghị cải cách tích cực.